



SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

(Kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)

3495

Hình thức đào tạo: Chính quy

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1	Đào Thị Lan Anh	06/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	147/QĐ-TMDL ngày 10/06/2020	2020	Khá	A0000001	4173			
2	Nguyễn Thị Lan Anh	30/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000002	4174			
3	Hoàng Thị Ánh	27/07/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000003	4175			
4	Phạm Thị Hoàng Ánh	23/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000004	4176			
5	Nguyễn Thanh Thanh Hà	26/09/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000005	4177			
6	Phạm Thị Hạnh	01/09/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000006	4178			
7	Phan Thị Hạnh	04/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000007	4179			
8	Bùi Thị Hoài	20/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000008	4180			
9	Trần Thị Hồng	06/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000009	4181			
10	Trịnh Thị Hương	19/09/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000010	4182			
11	Trịnh Thị Mai Hương	17/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000011	4183			
12	Nguyễn Thị Hường	12/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000012	4184			
13	Hà Thu Huyền	28/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000013	4185			
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000014	4186			
15	Phạm Ngọc Lan	29/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000015	4187			
16	Nguyễn Hoàng Mai Linh	28/05/1999	Nữ	Tày	Việt Nam	Lạng Sơn	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000016	4188			
17	Lê Thị Lý	30/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000017	4189			
18	Nguyễn Thị Mai	31/08/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000018	4190			
19	Bùi Thị Hiền Mơ	03/09/1999	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000019	4191			
20	Đinh Thị Ngoan	05/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000020	4192			
21	Bùi Thị Hà Nhi	28/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000021	4193			
22	Nguyễn Tuyết Nhi	21/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000022	4194			
23	Giáp Thị Huệ Như	18/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000023	4195			
24	Nguyễn Thị Oanh	25/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000024	4196			
25	Bùi Thế Sơn	27/12/1993	Nam	Mường	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000025	4197			
26	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000026	4198			
27	Mai Thị Thêu	30/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000027	4199			
28	Phạm Thị Thủy	15/08/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000028	4200			
29	Nguyễn Thị Thủy	30/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000029	4201			
30	Nguyễn Thu Thủy	12/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000030	4202			
31	Phạm Thị Lệ Thủy	01/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000031	4203			
32	Nguyễn Thị Trà	23/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000032	4204			
33	Đỗ Ngọc Trâm	21/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000033	4205			
34	Kiều Thị Trang	18/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000034	4206			
35	Lê Thị Hà Trang	26/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000035	4207			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
36	Tạ Thị Tươi	05/01/1996	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000036	4208			
37	Nguyễn Thị Tuyết	14/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000037	4209			
38	Đinh Thu Uyên	06/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000038	4210			
39	Nguyễn Thị Yển	13/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000039	4211			
40	Mai Thị Anh	14/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000040	4212			
41	Nguyễn Dũng Anh	17/06/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000041	4213			
42	Nguyễn Văn Anh	16/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000042	4214			
43	Chu Thị Ngọc Ánh	06/04/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000043	4215			
44	Lương Thị Thu Ba	24/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000044	4216			
45	Trần Quỳnh Chi	04/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000045	4217			
46	Nguyễn Thị Dung	30/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000046	4218			
47	Đỗ Thị Dương	17/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000047	4219			
48	Hà Thị Mỹ Duyên	23/07/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000048	4220			
49	Trần Thị Kim Duyên	22/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000049	4221			
50	Nguyễn Thị Thu Hà	16/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000050	4222			
51	Nguyễn Thị Hằng	07/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000051	4223			
52	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	03/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000052	4224			
53	Nguyễn Thị Hào	18/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000053	4225			
54	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000054	4226			
55	Trần Thị Thanh Hiền	09/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000055	4227			
56	Âu Thị Hồng	05/08/1999	Nữ	Tày	Việt Nam	Lạng Sơn	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000056	4228			
57	Hà Lan Hương	12/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000057	4229			
58	Nguyễn Diệu Hương	31/10/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000058	4230			
59	Nguyễn Thị Hường	01/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000059	4231			
60	Vũ Thị Hường	28/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000060	4232			
61	Phan Thị Ngọc Huyền	04/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000061	4233			
62	Trần Thanh Huyền	25/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000062	4234			
63	Nguyễn Thị Lành	04/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000063	4235			
64	Đồng Thị Thùy Linh	16/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000064	4236			
65	Nguyễn Thị Linh	08/02/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000065	4237			
66	Nguyễn Thị Linh	12/06/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000066	4238			
67	Trần Nam Luyến	26/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000067	4239			
68	Kiều Thị Hương Ly	12/04/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000068	4240			
69	Nguyễn Khánh Ly	15/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000069	4241			
70	Hoàng Thị Kim Ngân	18/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000070	4242			
71	Nguyễn Thị Ngân	15/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000071	4243			
72	Phùng Kim Ngân	30/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000072	4244			
73	Đỗ Thị Hồng Ngọc	24/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000073	4245			
74	Phạm Thị Ánh Ngọc	26/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000074	4246			
75	Bùi Thị Hồng Nhung	05/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000075	4247			
76	Lê Thị Nhung	24/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000076	4248			
77	Nguyễn Ngọc Nương	26/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000077	4249			
78	Nguyễn Thị Kim Oanh	05/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000078	4250			
79	Khúc Thị Quyên	13/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000079	4251			
80	Trần Thị Thắm	04/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000080	4252			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
81	Trần Thu Thảo	03/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000081	4253			
82	Bùi Đồng Thị Thom	26/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000082	4254			
83	Nguyễn Thị Thư	19/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000083	4255			
84	Nguyễn Thị Phương Thúy	11/08/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000084	4256			
85	Nguyễn Thị Thùy	23/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2020	Khá	A0000085	4257			
86	Phạm Thị Thanh Thủy	21/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000086	4258			
87	Đặng Thu Trang	28/08/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2020	Giỏi	A0000087	4259			
88	Nguyễn Thị Thùy Trang	13/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000088	4260			
89	Phạm Thị Trang	15/12/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2020	Xuất sắc	A0000089	4261			
90	Trần Thu Uyên	05/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000090	4262			
91	Nguyễn Thị Yên	20/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000091	4263			
92	Lê Thị Thu Hoài	17/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000092	4264			
93	Nguyễn Thị Huế	25/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000093	4265			
94	Chu Đình Hường	26/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000094	4266			
95	Lâm Như Lý	08/03/1999	Nữ	Tày	Việt Nam	Thái Nguyên	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000095	4267			
96	Vũ Thị My	07/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000096	4268			
97	Trần Thị Minh Phương	16/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000097	4269			
98	Phạm Thị Thanh	26/04/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000098	4270			
99	Phạm Thị Thúy	25/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000099	4271			
100	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/02/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000100	4272			
101	Trương Thị Hiểu Yên	08/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000101	4273			
102	Lê Khắc An	13/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000102	4274			
103	Chu Thị Minh Anh	04/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000103	4275			
104	Đỗ Đức Anh	09/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000104	4276			
105	Vũ Văn Quang Anh	24/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000105	4277			
106	Nguyễn Đức Bình	21/02/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000106	4278			
107	Đặng Đình Đạt	01/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000107	4279			
108	Đặng Minh Đức	28/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000108	4280			
109	Đào Văn Đức	01/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000109	4281			
110	Nguyễn Việt Đức	06/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000110	4282			
111	Nguyễn Anh Dũng	01/07/1994	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000111	4283			
112	Phạm Thị Thanh Hà	10/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000112	4284			
113	Trần Thu Hằng	28/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000113	4285			
114	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000114	4286			
115	Nguyễn Minh Hiếu	05/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000115	4287			
116	Nguyễn Thị Hoa	21/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000116	4288			
117	Vũ Thị Thanh Hoa	02/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000117	4289			
118	Nguyễn Tuấn Hùng	23/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000118	4290			
119	Phan Thị Thanh Hương	04/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000119	4291			
120	Đào Quang Huy	21/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000120	4292			
121	Đỗ Thị Liên	31/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000121	4293			
122	Nguyễn Xuân Lương	02/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000122	4294			
123	Vũ Thị Tuyết Mai	07/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000123	4295			
124	Đào Trọng Minh	08/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000124	4296			
125	Nguyễn Thị Hương Mơ	05/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000125	4297			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
126	Nguyễn Thị Ngọc	12/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000126	4298			
127	Hoàng Thị Nguyệt	17/06/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000127	4299			
128	Bùi Thị Nhung	06/08/1998	Nữ	Mường	Việt Nam	Lâm Đồng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000128	4300			
129	Nguyễn Sỹ Quân	26/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000129	4301			
130	Đặng Công Thành	18/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000130	4302			
131	Khổng Thị Thành Thảo	23/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000131	4303			
132	Giang Thị Thu Trang	12/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000132	4304			
133	Nguyễn Anh Tuấn	19/06/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000133	4305			
134	Phạm Thanh Tùng	31/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000134	4306			
135	Hoàng Thị Thanh Vân	27/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000135	4307			
136	Hoàng Đình Vinh	01/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Xuất sắc	A0000136	4308			
137	Đoàn Minh Vương	17/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000137	4309			
138	Trịnh Hà Anh	10/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000138	4310			
139	Lê Thị Ánh	02/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000139	4311			
140	Dương Bảo Châu	09/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Lạng Sơn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000140	4312			
141	Hoàng Thị Chi	03/04/1998	Nữ	Tày	Việt Nam	Lạng Sơn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000141	4313			
142	Mai Thanh Cơ	24/08/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000142	4314			
143	Phan Quốc Cường	13/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000143	4315			
144	Hà Hữu Đại	10/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000144	4316			
145	Nguyễn Tiến Đạt	01/12/1998	Nam	Tày	Việt Nam	Cao Bằng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000145	4317			
146	Đinh Văn Đức	02/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000146	4318			
147	Đoàn Quang Dũng	27/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Lai Châu	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000147	4319			
148	Phạm Công Duy	29/03/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000148	4320			
149	Nguyễn Thị Duyên	28/08/1996	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000149	4321			
150	Hà Hương Giang	23/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000150	4322			
151	Nguyễn Trường Giang	12/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000151	4323			
152	Lê Văn Hậu	16/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000152	4324			
153	Đào Thị Thúy Hiền	22/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000153	4325			
154	Nguyễn Đại Hiệp	12/08/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000154	4326			
155	Đỗ Thanh Huyền	19/06/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000155	4327			
156	Nguyễn Thị Huyền	25/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000156	4328			
157	Đoàn Thị Thanh Linh	17/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000157	4329			
158	Dương Trịnh Quỳnh Linh	10/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000158	4330			
159	Trần Khánh Linh	30/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000159	4331			
160	La Quốc Long	29/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000160	4332			
161	Nguyễn Hải Long	15/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000161	4333			
162	Nguyễn Ngọc Mạnh	13/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000162	4334			
163	Trịnh Quang Phong	19/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000163	4335			
164	Nguyễn Thị Phương	13/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000164	4336			
165	Hoàng Mạnh Quân	16/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000165	4337			
166	Nguyễn Khả Sáng	13/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000166	4338			
167	Nguyễn Văn Sáng	27/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000167	4339			
168	Đỗ Hồng Sơn	30/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000168	4340			
169	Nguyễn Thị Sơn	02/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000169	4341			
170	Thạch Thu Thảo	21/07/1999	Nữ	Nùng	Việt Nam	Cao Bằng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000170	4342			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
171	Kiều Doãn Thuật	27/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000171	4343			
172	Nguyễn Thu Trang	17/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000172	4344			
173	Nguyễn Quang Trường	03/09/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000173	4345			
174	Nguyễn Thị Hải Viên	02/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000174	4346			
175	Cao Viết Vương	19/10/1999	Nam	Mường	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000175	4347			
176	Ngô Thị Hải Yên	31/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000176	4348			
177	Bùi Thanh Cao	04/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000177	4349			
178	Nguyễn Văn Cương	04/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000178	4350			
179	Hán Quốc Cường	06/08/1999	Nam	Tây	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000179	4351			
180	Nguyễn Xuân Đông	24/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000180	4352			
181	Nguyễn Thị Hà	01/07/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000181	4353			
182	Nguyễn Thị Thu Hoài	13/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000182	4354			
183	Nông Văn Quyết	07/04/1998	Nam	Tây	Việt Nam	Lạng sơn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000183	4355			
184	Phan Xuân Sinh	30/05/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000184	4356			
185	Nguyễn Văn Sơn	01/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000185	4357			
186	Cao Văn Thành	07/01/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000186	4358			
187	Đỗ Lương Thiện	19/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000187	4359			
188	Thiều Lê Trang	05/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000188	4360			
189	Dương Tuấn Triệu	27/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000189	4361			
190	Lê Ngọc Trung	15/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000190	4362			
191	Nguyễn Ngọc Trung	26/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000191	4363			
192	Trần Văn Tùng	25/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000192	4364			
193	Trần Việt Tùng	31/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000193	4365			
194	Lưu Đình Vinh	05/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Giỏi	A0000194	4366			
195	Nguyễn Thị Yên	07/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000195	4367			
196	Hoàng Gia Anh	21/07/1998	Nam	Tây	Việt Nam	Quảng Ninh	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000196	4368			
197	Phùng Thu Hà	09/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh phúc	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000197	4369			
198	Nguyễn Thị Hiên	25/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Trung bình	A0000198	4370			
199	Ma Thanh Hiền	03/11/1999	Nữ	Tây	Việt Nam	Tuyên Quang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000199	4371			
200	Lường Thị Hương	20/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Xuất sắc	A0000200	4372			
201	Lê Huy Nhật	09/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000201	4373			
202	Nguyễn Thị Thắm	01/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung yên	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Giỏi	A0000202	4374			
203	Đặng Thị Thu Trang	07/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000203	4375			
204	Bùi Huyền Trinh	14/05/1999	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa bình	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000204	4376			
205	Hà Thị Vân	05/11/1999	Nữ	Tây	Việt Nam	Yên Bái	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Trung bình	A0000205	4377			
206	Lê Thị Hà An	18/09/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000206	4378			
207	Vũ Thị Lan Anh	27/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000207	4379			
208	Nguyễn Thùy Chi	18/12/1999	Nữ	Tây	Việt Nam	Cao Bằng	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000208	4380			
209	Đặng Thị Diễm	18/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000209	4381			
210	Nguyễn Thị Dương	26/08/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000210	4382			
211	Lê Thị Duyên	10/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000211	4383			
212	Nguyễn Thị Thanh Hoa	15/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000212	4384			
213	Hoàng Thị Hương	16/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000213	4385			
214	Nguyễn Thanh Huyền	24/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000214	4386			
215	Mai Văn Mạnh	20/10/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000215	4387			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
216	Lê Ngọc Mỹ	20/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Giỏi	A0000216	4388			
217	Nguyễn Thị Ngân	01/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000217	4389			
218	Hồ Thị Nhân	03/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Trung bình	A0000218	4390			
219	Đỗ Thị Bích Thảo	19/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000219	4391			
220	Đỗ Thu Thảo	18/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000220	4392			
221	Nguyễn Thị Thu	09/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000221	4393			
222	Đặng Thị Thanh Thủy	25/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lâm Đồng	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000222	4394			
223	Cao Thùy Trang	07/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000223	4395			
224	Lê Quỳnh Trang	18/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000224	4396			
225	Nguyễn Thu Trang	06/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000225	4397			
226	Hoàng Thị Tươi	29/10/1998	Nữ	Cao Lang	Việt Nam	Yên Bái	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000226	4398			
227	Nguyễn Thị Tuyết	21/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Trung bình	A0000227	4399			
228	Trịnh Thị Tuyết	20/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000228	4400			
229	Bùi Thị Bích Vân	29/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000229	4401			
230	Trần Thị Lan Anh	13/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000230	4402			
231	Trương Hồng Anh	18/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000231	4403			
232	Lê Thị Kim Chi	12/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000232	4404			
233	Đỗ Thành Chuông	26/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000233	4405			
234	Nguyễn Tăng Đông	20/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000234	4406			
235	Nguyễn Thị Minh Hằng	10/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000235	4407			
236	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	24/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000236	4408			
237	Phạm Vũ Hiệp	08/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000237	4409			
238	Nguyễn Cao Hùng	22/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000238	4410			
239	Đào Thị Hương	08/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000239	4411			
240	Đỗ Thị Hường	22/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000240	4412			
241	Đỗ Thị Thanh Huyền	07/07/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000241	4413			
242	Nguyễn Bá Khương	29/07/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000242	4414			
243	Phùng Văn Khương	17/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000243	4415			
244	Bùi Long Kỳ	28/08/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000244	4416			
245	Nguyễn Thị Thùy Linh	27/09/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000245	4417			
246	Nguyễn Văn Long	18/06/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000246	4418			
247	Nguyễn Thị Diệu Ly	26/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000247	4419			
248	Phan Thị Trà My	08/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000248	4420			
249	Phan Văn Mỹ	07/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000249	4421			
250	Nguyễn Văn Nam	13/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000250	4422			
251	Nguyễn Thị Thu Nga	11/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000251	4423			
252	Trương Thị Nhung	30/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000252	4424			
253	Đoàn Thị Thu Phương	26/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000253	4425			
254	Mai Thị Phương	30/05/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000254	4426			
255	Nguyễn Thị Phụng	25/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000255	4427			
256	Hoàng Đình Quang	01/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000256	4428			
257	Phạm Thị Suy	20/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000257	4429			
258	Sỹ Thị Thủy	15/02/1998	Nữ	Hán	Việt Nam	Hà Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000258	4430			
259	Đỗ Thu Thủy	13/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000259	4431			
260	Nguyễn Thanh Thủy	10/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000260	4432			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
261	Bùi Thị Trang	23/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000261	4433			
262	Lương Thị Thu Trang	22/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000262	4434			
263	Trần Thị Huyền Trang	26/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000263	4435			
264	Nguyễn Thành Trung	19/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000264	4436			
265	Lê Thị Thu Uyên	11/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000265	4437			
266	Nguyễn Thị Vân	10/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000266	4438			
267	Nguyễn Thị Hải Yến	10/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000267	4439			
268	Đặng Văn Anh	07/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000268	4440			
269	Trần Thị Ngọc Anh	06/12/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tây Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000269	4441			
270	Nguyễn Kiều Chinh	02/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000270	4442			
271	Nguyễn Thị Thu Hà	12/10/1996	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000271	4443			
272	Trần Ngọc Hải	13/02/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000272	4444			
273	Phạm Thị Hằng	03/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000273	4445			
274	Vũ Thị Thu Hằng	15/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Xuất sắc	A0000274	4446			
275	Nguyễn Văn Hiếu	24/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000275	4447			
276	Nguyễn Thị Phương Hoa	17/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000276	4448			
277	Phạm Thu Hương	24/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000277	4449			
278	Chu Ngọc Linh	31/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000278	4450			
279	Nguyễn Thị Huyền My	04/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000279	4451			
280	Nguyễn Trường Nam	24/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000280	4452			
281	Trần Thành Nam	01/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000281	4453			
282	Nguyễn Thị Kim Thanh	15/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Xuất sắc	A0000282	4454			
283	Vũ Thị Phương Thảo	24/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000283	4455			
284	Nguyễn Văn Toàn	15/09/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000284	4456			
285	Dương Thị Vân	15/12/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Giỏi	A0000285	4457			
286	Hoàng Đức Anh	21/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Trung bình	A0000286	4458			
287	Nguyễn Ngọc Anh	26/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000287	4459			
288	Nguyễn Minh Ánh	21/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000288	4460			
289	Tổng Thị Dịu	22/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Xuất sắc	A0000289	4461			
290	Mai Ngọc Hà	17/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000290	4462			
291	Nguyễn Thị Hào	25/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2020	Xuất sắc	A0000291	4463			
292	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000292	4464			
293	Nguyễn Thị Như Hoa	21/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000293	4465			
294	Đinh Thị Huê	20/06/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000294	4466			
295	Trần Minh Hưng	18/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000295	4467			
296	Trần Thị Huyền	04/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000296	4468			
297	Nguyễn Danh Khánh	31/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Trung bình	A0000297	4469			
298	Nguyễn Thị Khuyên	14/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000298	4470			
299	Đỗ Thị Mai Lan	18/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000299	4471			
300	Lê Thị Kim Linh	06/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000300	4472			
301	Nguyễn Thị Mỹ Linh	04/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000301	4473			
302	Đặng Thị Mai	08/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000302	4474			
303	Nguyễn Tiến Minh	11/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Trung bình	A0000303	4475			
304	Trịnh Thị Nga	20/03/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000304	4476			
305	Lê Thúy Ngân	31/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000305	4477			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
306	Trần Xuân Nguyên	18/01/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000306	4478			
307	Phạm Thị Phương	04/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000307	4479			
308	Nguyễn Huy Phượng	05/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2020	Trung bình	A0000308	4480			
309	Bùi Thị Phương Thanh	23/04/1999	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000309	4481			
310	Đinh Thị Thảo	19/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000310	4482			
311	Phạm Thị Hồng Thương	25/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000311	4483			
312	Trần Thị Thương	18/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000312	4484			
313	Đỗ Thị Huyền Trang	25/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000313	4485			
314	Bùi Thị Kiều Trinh	28/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Xuất sắc	A0000314	4486			
315	Chu Thị Việt Trinh	08/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000315	4487			
316	Đỗ Thị Yên	26/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000316	4488			
317	Trần Thị Hải Yến	18/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000317	4489			
318	Vương Thúy An	08/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Xuất sắc	A0000318	4490			
319	Đào Nam Anh	04/12/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000319	4491			
320	Đỗ Tuấn Anh	01/10/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000320	4492			
321	Nguyễn Đức Anh	01/10/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000321	4493			
322	Nguyễn Tuấn Anh	12/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000322	4494			
323	Phạm Quế Anh	18/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000323	4495			
324	Lê Phùng Minh Ánh	18/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000324	4496			
325	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000325	4497			
326	Nguyễn Thị Bảo Châu	18/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000326	4498			
327	Lê Mạnh Đức	09/11/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000327	4499			
328	Đặng Thị Dương	07/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000328	4500			
329	Trần Đức Giang	20/05/1998	Nam	Cao Lang	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000329	4501			
330	Chu Thị Thu Hà	23/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000330	4502			
331	Phạm Thanh Hải	02/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000331	4503			
332	Tiêu Thị Thu Hằng	01/03/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000332	4504			
333	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000333	4505			
334	Nguyễn Ngọc Hiền	06/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2020	Trung bình	A0000334	4506			
335	Vũ Minh Hiếu	02/02/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000335	4507			
336	Hà Thị Hoa	28/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000336	4508			
337	Trần Thị Hoa	06/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000337	4509			
338	Phạm Quốc Hưng	04/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000338	4510			
339	Cao Thị Hường	20/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000339	4511			
340	Nguyễn Thị Thu Hường	18/06/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000340	4512			
341	Hoàng Văn Huy	12/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000341	4513			
342	Nguyễn Thị Huyền	07/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000342	4514			
343	Đinh Thế Khoa	19/08/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000343	4515			
344	Lê Thị Lan	22/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2020	Xuất sắc	A0000344	4516			
345	Đỗ Thị Hoài Linh	07/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000345	4517			
346	Nguyễn Thị Linh	15/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000346	4518			
347	Trần Thị Kiều Loan	04/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000347	4519			
348	Khà Thị Ánh Nguyệt	25/05/1999	Nữ	Thái	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000348	4520			
349	Lê Quỳnh Như	13/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000349	4521			
350	Nguyễn Thị Trang Nhung	10/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000350	4522			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
351	Nguyễn Kiều Oanh	02/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000351	4523			
352	Nguyễn Thị Lâm Oanh	29/09/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2020	Giỏi	A0000352	4524			
353	Nguyễn Bá Sang	09/03/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000353	4525			
354	Hoàng Thế Thành	14/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000354	4526			
355	Đỗ Thị Thu Trang	26/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000355	4527			
356	Lại Thị Linh Trang	29/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000356	4528			
357	Đoàn Công Tú	27/11/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Trung bình	A0000357	4529			
358	Bùi Thị Vân Anh	16/02/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000358	4530			
359	Nguyễn Thị Mai Anh	12/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Xuất sắc	A0000359	4531			
360	Trần Tuấn Anh	25/01/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000360	4532			
361	Trương Tuấn Anh	04/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000361	4533			
362	Dương Thị Bích	18/10/1999	Nữ	Hoa	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000362	4534			
363	Vương Đức Bình	19/07/1995	Nam	Nùng	Việt Nam	Cao Bằng	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000363	4535			
364	Phạm Huy Đạt	30/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000364	4536			
365	Nguyễn Thị Dung	19/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000365	4537			
366	Nguyễn Sơn Giang	14/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000366	4538			
367	Vũ Thị Thanh Hà	20/12/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000367	4539			
368	Vũ Đình Hải	03/01/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000368	4540			
369	Nguyễn Hồng Hạnh	13/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000369	4541			
370	Nguyễn Thị Hậu	17/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái bình	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000370	4542			
371	Trần Thị Hiên	16/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000371	4543			
372	Ngô Thị Hồng	15/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Xuất sắc	A0000372	4544			
373	Trương Thị Thu Huyền	08/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000373	4545			
374	Nguyễn Thị Bích Lan	02/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000374	4546			
375	Nguyễn Ngọc Khải Linh	19/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000375	4547			
376	Nguyễn Thị Lương	16/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000376	4548			
377	Nguyễn Thị Luyến	24/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000377	4549			
378	Phùng Thị Phương Ly	19/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000378	4550			
379	Nguyễn Thị Hồng Máy	03/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000379	4551			
380	Hoàng Ngọc Minh	24/05/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000380	4552			
381	Hoàng Thị Nguyên	18/10/1998	Nữ	Tày	Việt Nam	Cao Bằng	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000381	4553			
382	Nguyễn Xuân Nhật	23/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000382	4554			
383	Trần Thị Nhung	10/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000383	4555			
384	Phạm Văn Sáng	02/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000384	4556			
385	Phạm Văn Sơn	21/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000385	4557			
386	Nguyễn Phương Thanh	18/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000386	4558			
387	Nguyễn Việt Thành	11/12/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000387	4559			
388	Bùi Thị Trang	29/01/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000388	4560			
389	Lê Thị Minh Trang	11/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000389	4561			
390	Nguyễn Văn Tùng	17/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000390	4562			
391	Trần Văn Vũ	05/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000391	4563			
392	Trần Thị Trà Giang	11/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000392	4564			
393	Nguyễn Thị Hằng	13/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000393	4565			
394	Nguyễn Ngọc Hiệp	08/01/1985	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000394	4566			
395	Lê Thị Hòa	09/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000395	4567			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
396	Nguyễn Thị Hường	17/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000396	4568			
397	Nguyễn Thị Lý	12/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000397	4569			
398	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000398	4570			
399	Nguyễn Thị Nguyên	03/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000399	4571			
400	Nguyễn Thị Nhung	27/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000400	4572			
401	Triệu Thị Hồng Nhung	25/10/1998	Nữ	Tày	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000401	4573			
402	Đặng Thị Kim Oanh	16/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000402	4574			
403	Nguyễn Công Sơn	01/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000403	4575			
404	Trần Văn Thắng	16/12/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000404	4576			
405	Nguyễn Anh Tuấn	17/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000405	4577			
406	Nguyễn Thanh Tùng	26/11/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000406	4578			
407	Mai Anh Tuyền	29/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Trung bình	A0000407	4579			
408	Trần Thị Vân	07/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Giỏi	A0000408	4580			
409	Nguyễn Hữu Đăng	28/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000409	4581			
410	Ngô Thị Xuân Dung	24/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Thương mại điện tử	nt	2020	Giỏi	A0000410	4582			
411	Vũ Minh Hằng	18/12/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000411	4583			
412	Nguyễn Minh Hiếu	25/03/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Thương mại điện tử	nt	2020	Trung bình	A0000412	4584			
413	Trần Văn Hoàn	07/08/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Thương mại điện tử	nt	2020	Giỏi	A0000413	4585			
414	Ngô Thu Hương	07/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000414	4586			
415	Phạm Thị Luyến	08/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Thương mại điện tử	nt	2020	Giỏi	A0000415	4587			
416	Phạm Thị Thúy Nga	16/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000416	4588			
417	Đặng Thị Nguyệt	02/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Thương mại điện tử	nt	2020	Giỏi	A0000417	4589			
418	Lê Văn Quyền	17/04/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000418	4590			
419	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Thương mại điện tử	nt	2020	Trung bình	A0000419	4591			
420	Nguyễn Thị Thảo	11/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000420	4592			
421	Phạm Thị Vân	31/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Thương mại điện tử	nt	2020	Giỏi	A0000421	4593			
422	Nguyễn Đăng Anh	26/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000422	4594			
423	Đỗ Quang Đại	27/10/1991	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Tiếng Anh	nt	2020	Giỏi	A0000423	4595			
424	Trương Văn Dũng	27/09/1996	Nam	Thổ	Việt Nam	Nghệ An	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000424	4596			
425	Nguyễn Thị Thu Hà	15/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000425	4597			
426	Nguyễn Thị Hiền	04/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000426	4598			
427	Trương Thị Huệ	31/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000427	4599			
428	Bùi Thị Thanh Hương	01/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2020	Giỏi	A0000428	4600			
429	Đỗ Thị Thanh Huyền	01/10/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000429	4601			
430	Khổng Thị Huyền	11/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000430	4602			
431	Trương Thị Huyền	17/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000431	4603			
432	Vũ Thị Nga	08/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000432	4604			
433	Hoàng Thị Nhung	10/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000433	4605			
434	Tạ Như Phượng	21/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000434	4606			
435	Phạm Thị Sen	26/12/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000435	4607			
436	Trịnh Thanh Thúy	21/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000436	4608			
437	Lương Thị Quỳnh Trang	14/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000437	4609			
438	Nguyễn Thị Thu Trang	24/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000438	4610			
439	Trần Thị Trang	10/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000439	4611			
440	Lưu Thị Ngọc Trinh	06/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2020	Khá	A0000440	4612			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
441	Lê Thị Vinh	10/01/1990	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000441	4613			
442	Dương Thị Ngọc Lan	11/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	336/QĐ-TMDL ngày 31/12/2020	2020	Trung bình	A0000442	4618			
443	Nguyễn Lan Chi	13/04/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2020	Trung bình	A0000443	4619			
444	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	07/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kinh doanh thương mại	nt	2020	Khá	A0000444	4620			
445	Phí Hồng Dương	21/04/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000445	4621			
446	Phạm Quang Khải	08/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000446	4622			
447	Đỗ Thu Phương	18/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000447	4623			
448	Nguyễn Đình Quyết	11/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000448	4624			
449	Bùi Ngọc Thảo	13/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000449	4625			
450	Nguyễn Đình Tiến	11/09/1995	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000450	4626			
451	Nguyễn Văn Trường	23/02/1998	Nam	Mường	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000451	4627			
452	Mai Văn Hiệp	02/08/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Trung bình	A0000452	4628			
453	Nguyễn Thị Linh	02/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000453	4629			
454	Nguyễn Thùy Linh	12/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Trung bình	A0000454	4630			
455	Đỗ Thanh Bình	07/10/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000455	4631			
456	Lê Ngọc Hòa	07/01/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000456	4632			
457	Lê Huy Hoàng	16/11/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000457	4633			
458	Nguyễn Thế Luyện	29/07/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000458	4634			
459	Hoàng Xuân Phước	30/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000459	4635			
460	Ngô Văn Thu	18/06/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000460	4636			
461	Đỗ Đồng Tuấn	16/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000461	4637			
462	Nguyễn Minh Vương	16/05/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2020	Khá	A0000462	4638			
463	Trịnh Hà Chi	19/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2020	Khá	A0000463	4639			
464	Đặng Thị Ngọc Anh	26/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000464	4640			
465	Vũ Thị Thu Hương	26/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000465	4641			
466	Nguyễn Thị Thu Huyền	04/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000466	4642			
467	Vũ Thị Lâm	26/02/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Trung bình	A0000467	4643			
468	Trần Thị Thảo Nguyên	21/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kom Tum	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Trung bình	A0000468	4644			
469	Đặng Phương Thủy	13/01/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Khá	A0000469	4645			
470	Nguyễn Thị Vân	15/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2020	Trung bình	A0000470	4646			
471	Nguyễn Quốc Bảo	10/07/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000471	4647			
472	Nguyễn Hải Đăng	30/04/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000472	4648			
473	Nguyễn Thị Diệp	12/10/1999	Nữ	Tày	Việt Nam	Cao Bằng.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000473	4649			
474	Nguyễn Khánh Duy	02/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000474	4650			
475	Vũ Quốc Minh	04/06/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000475	4651			
476	Đặng Trung Thắng	17/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000476	4652			
477	Nguyễn Tiến Anh	11/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000477	4653			
478	Nguyễn Ngọc Đức	04/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000478	4654			
479	Ngô Văn Hải	01/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000479	4655			
480	Nguyễn Thị Minh Hằng	30/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000480	4656			
481	Lê Thị Hương	10/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000481	4657			
482	Nguyễn Hoàng Huy	28/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000482	4658			
483	Vàng A Lành	10/04/1998	Nam	H'mong	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000483	4659			
484	Trần Văn Long	08/10/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000484	4660			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
485	Mạc Thị Thanh	19/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Khá	A0000485	4661			
486	Hoàng Văn Tới	06/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2020	Trung bình	A0000486	4662			
487	Nguyễn Thùy Linh	13/12/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh phúc	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000487	4663			
488	Bùi Bích Phương	12/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000488	4664			
489	Hà Phương Hoa	03/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000489	4665			
490	Vũ Thị Như Lan	04/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000490	4666			
491	Nguyễn Duy Ngọc	28/10/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000491	4667			
492	Nguyễn Hồng Quân	25/03/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2020	Khá	A0000492	4668			
493	Đới Thị Thương	01/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000493	4669			
494	Nguyễn Tiến Duy	01/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2020	Khá	A0000494	4670			
495	Chu Anh Quân	12/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Thương mại điện tử	nt	2020	Khá	A0000495	4671			
496	Đình Văn Nam	01/05/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Tiếng Anh	nt	2020	Trung bình	A0000496	4672			
497	Bùi Thị Mai Anh	24/10/2000	Nữ	Mường	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	174/QĐ-TMDL ngày 21/05/2021	2021	Khá	A0000497	4683			
498	Trịnh Lan Anh	08/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000498	4684			
499	Trần Thị Ánh	16/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Trung bình	A0000499	4685			
500	Trần Thị Ngọc Ánh	05/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000500	4686			
501	Nguyễn Thị Kim Dung	24/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000501	4687			
502	Cao Thu Giang	07/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000502	4688			
503	Nguyễn Thị Trà Giang	31/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000503	4689			
504	Lê Thị Hà	17/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000504	4690			
505	Phạm Thị Hằng	09/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000505	4691			
506	Phùng Thị Thu Hằng	13/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000506	4692			
507	Trịnh Thị Hằng	19/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000507	4693			
508	Phan Thị Hiền	09/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000508	4694			
509	Nguyễn Thị Hoa	23/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000509	4695			
510	Cù Huy Hòa	24/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000510	4696			
511	Bùi Thị Hương	03/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000511	4697			
512	Lê Thị Hương	14/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000512	4698			
513	Lê Thị Thanh Huyền	07/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000513	4699			
514	Nguyễn Thị Huyền	19/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000514	4700			
515	Nguyễn Thị Hồng Lanh	17/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000515	4701			
516	Trần Nhật Lệ	05/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000516	4702			
517	Nguyễn Thị Thùy Linh	27/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000517	4703			
518	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000518	4704			
519	Nguyễn Thùy Linh	22/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000519	4705			
520	Hồ Ngọc Mai	13/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000520	4706			
521	Nguyễn Thị My	29/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000521	4707			
522	Nguyễn Trà My	29/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000522	4708			
523	Trần Thị Mỹ	11/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000523	4709			
524	Nguyễn Thị Nga	30/08/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000524	4710			
525	Nguyễn Thị Nga	14/12/1996	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Hà	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000525	4711			
526	Phạm Thị Ngân	15/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000526	4712			
527	Nguyễn Thị Bích Ngọc	07/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000527	4713			
528	Nguyễn Thị Phương	26/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000528	4714			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
529	Nguyễn Thị Thu Phương	04/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000529	4715			
530	Nguyễn Thị Như Quỳnh	28/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000530	4716			
531	Dương Công Thành	26/11/1999	Nam	Tày	Việt Nam	Lạng Sơn	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000531	4717			
532	Đặng Thị Thoi	02/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000532	4718			
533	Nguyễn Thị Bích Thùy	08/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000533	4719			
534	Phùng Thị Thùy	20/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000534	4720			
535	Đỗ Thị Thùy	04/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000535	4721			
536	Nguyễn Thị Thủy	16/11/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000536	4722			
537	Nguyễn Thị Thu Trang	05/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000537	4723			
538	Phùng Thị Trang	28/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Trung bình	A0000538	4724			
539	Trần Thị Trang	12/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000539	4725			
540	Vũ Thị Thu Trang	26/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000540	4726			
541	Ngô Thị Tú	07/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000541	4727			
542	Nguyễn Thị Xuân	17/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000542	4728			
543	Nguyễn Tú Anh	14/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000543	4729			
544	Phan Thị Lan Anh	03/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Trung bình	A0000544	4730			
545	Nguyễn Minh Ánh	02/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000545	4731			
546	Hoàng Thị Hương Diễm	01/01/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000546	4732			
547	Trần Thị Diễm	11/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000547	4733			
548	Đặng Thùy Dung	02/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2021	Trung bình	A0000548	4734			
549	Bùi Thị Thu Duyên	02/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000549	4735			
550	Đàm Thị Duyên	16/06/2000	Nữ	Nùng	Việt Nam	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000550	4736			
551	Hoàng Thị Ngọc Hà	28/01/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Lạng Sơn	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000551	4737			
552	Phạm Thị Hà	25/07/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000552	4738			
553	Đinh Thị Hạ	04/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000553	4739			
554	Dương Thị Hải	03/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000554	4740			
555	Lỗ Thị Thúy Hằng	11/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000555	4741			
556	Vũ Thị Thu Hằng	03/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000556	4742			
557	Nguyễn Thu Hiền	11/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000557	4743			
558	Quản Thị Hiền	24/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000558	4744			
559	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	28/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000559	4745			
560	Hà Thị Minh Hòa	23/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000560	4746			
561	Nguyễn Thị Hồng	08/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000561	4747			
562	Đỗ Thị Mai Hương	19/07/1993	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000562	4748			
563	Nguyễn Kim Hương	05/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000563	4749			
564	Lê Minh Huyền	01/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000564	4750			
565	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Kế toán	nt	2021	Trung bình	A0000565	4751			
566	Nguyễn Thị Lan	14/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000566	4752			
567	Dương Thị Loan	16/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000567	4753			
568	Trần Thị Hồng Ngoan	30/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000568	4754			
569	Đỗ Minh Ngọc	12/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lạng Sơn	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000569	4755			
570	Ngô Thị Ngọc	17/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Trung bình	A0000570	4756			
571	Phan Thị Ngọc	31/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000571	4757			
572	Nguyễn Thu Phương	02/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000572	4758			
573	Ninh Vũ Quỳnh Phương	01/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000573	4759			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
574	Nguyễn Ngọc Thảo	12/09/1999	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000574	4760			
575	Phạm Thị Thảo	14/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000575	4761			
576	Trần Thị Thu Thảo	17/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000576	4762			
577	Hà Thị Thương	03/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000577	4763			
578	Nguyễn Thị Thúy	12/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Giỏi	A0000578	4764			
579	Nguyễn Thị Thúy	16/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2021	Xuất sắc	A0000579	4765			
580	Nguyễn Thị Thuyết	22/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000580	4766			
581	Lê Thị Thùy Trang	25/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000581	4767			
582	Phạm Thị Thùy Trang	28/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000582	4768			
583	Trần Huyền Trang	01/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000583	4769			
584	Trần Thị Thu Trang	25/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000584	4770			
585	Bùi Thị Túc	02/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2021	Khá	A0000585	4771			
586	Trần Hải Anh	15/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Xuất sắc	A0000586	4772			
587	Đoàn Thành Đạt	19/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000587	4773			
588	Nguyễn Thành Đạt	10/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000588	4774			
589	Bùi Quang Đức	17/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000589	4775			
590	Chu Quang Hà	16/05/2000	Nam	Sán Dìu	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000590	4776			
591	Nguyễn Thị Hằng	27/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000591	4777			
592	Đinh Xuân Hiên	21/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000592	4778			
593	Đỗ Xuân Hiệp	04/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000593	4779			
594	Đỗ Trung Hiếu	01/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000594	4780			
595	Vũ Mạnh Hiếu	28/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000595	4781			
596	Nguyễn Xuân Hòa	20/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000596	4782			
597	Nguyễn Duy Hưng	02/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000597	4783			
598	Nguyễn Thị Thu Hương	12/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000598	4784			
599	Nguyễn Quốc Huy	21/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000599	4785			
600	Bùi Trọng Kiên	23/03/2000	Nam	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000600	4786			
601	Lê Đức Linh	26/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000601	4787			
602	Đỗ Hữu Hoàng Long	19/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000602	4788			
603	Bùi Duy Nam	02/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000603	4789			
604	Vì Thị Nga	10/04/2000	Nữ	Mường	Việt Nam	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000604	4790			
605	Đào Thị Kim Ngọc	12/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000605	4791			
606	Nguyễn Bích Ngọc	11/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000606	4792			
607	Kiều Đình Nguyên	09/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000607	4793			
608	Lường Thị Nhi	28/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000608	4794			
609	Nguyễn Thị Nhung	10/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000609	4795			
610	Nguyễn Việt Phương	29/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000610	4796			
611	Phan Thị Phượng	05/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Xuất sắc	A0000611	4797			
612	Hoàng Đức Quyết	01/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000612	4798			
613	Nguyễn Thị Quỳnh	12/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000613	4799			
614	Phạm Minh Tâm	21/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000614	4800			
615	Vũ Văn Thành	21/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000615	4801			
616	Đinh Mạnh Thiên	26/02/1999	Nam	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000616	4802			
617	Cao Đức Thuyên	01/05/1994	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000617	4803			
618	Hoàng Thị Trang	08/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000618	4804			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
619	Hoàng Thị Huyền Trang	11/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hung Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000619	4805			
620	Đỗ Xuân Trường	07/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000620	4806			
621	Tổng Văn Tuấn	16/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000621	4807			
622	Thị Thị Uyên	04/06/2000	Nữ	Hoa	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Xuất sắc	A0000622	4808			
623	Đặng Đức Anh	21/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000623	4809			
624	Lê Ngọc Anh	02/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Xuất sắc	A0000624	4810			
625	Nguyễn Hải Anh	07/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000625	4811			
626	Vũ Đức Công	07/10/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000626	4812			
627	Võ Thị Hạnh	07/07/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Xuất sắc	A0000627	4813			
628	Võ Minh Hậu	25/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000628	4814			
629	Lê Văn Hiếu	31/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000629	4815			
630	Nguyễn Văn Hiếu	05/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000630	4816			
631	Bùi Quang Hòa	23/07/2000	Nam	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000631	4817			
632	Phạm Công Hoài	26/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000632	4818			
633	Phạm Văn Huân	31/10/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000633	4819			
634	Trần Thị Huyền	06/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000634	4820			
635	Bùi Phương Linh	22/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000635	4821			
636	Nguyễn Thị Mỹ Linh	19/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000636	4822			
637	Trương Thị Linh	22/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000637	4823			
638	Phạm Tiến Lực	04/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000638	4824			
639	Trịnh Hải Ly	12/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000639	4825			
640	Nguyễn Văn Minh	19/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000640	4826			
641	Hoàng Văn Nam	13/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000641	4827			
642	Tô Ánh Nguyệt	18/08/2000	Nữ	Nùng	Việt Nam	Lạng sơn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000642	4828			
643	Lê Thị Phú	26/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Xuất sắc	A0000643	4829			
644	Đỗ Mạnh Sơn	09/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000644	4830			
645	Nguyễn Quang Thao	07/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000645	4831			
646	Lê Đình Thảo	02/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000646	4832			
647	Trần Thị Phương Thảo	26/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000647	4833			
648	Đặng Văn Thiên	29/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000648	4834			
649	Vũ Hồng Thương	18/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000649	4835			
650	Đoàn Minh Tiến	19/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000650	4836			
651	Lê Anh Tiến	22/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000651	4837			
652	Trần Công Trọng	19/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000652	4838			
653	Đặng Thế Tuấn	28/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000653	4839			
654	Phùng Anh Tuấn	17/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000654	4840			
655	Đinh Huy Tùng	09/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000655	4841			
656	Phạm Ngọc Tuyền	07/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000656	4842			
657	Đào Quốc Vương	03/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000657	4843			
658	Đào Duy Bình	11/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000658	4844			
659	Lương Quốc Đạt	01/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000659	4845			
660	Nguyễn Văn Đạt	03/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000660	4846			
661	Nguyễn Hoàng Đông	26/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000661	4847			
662	Trần Ngọc Anh Đức	07/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000662	4848			
663	Mai Xuân Duy	21/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000663	4849			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
664	Thân Ngọc Hải	05/12/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000664	4850			
665	Nguyễn Thị Hằng	24/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000665	4851			
666	Nguyễn Thu Hằng	21/11/2000	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000666	4852			
667	Trần Thị Hạnh	06/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000667	4853			
668	Nguyễn Quang Hòa	31/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000668	4854			
669	Trần Trọng Hoàng	01/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000669	4855			
670	Hà Văn Hùng	03/04/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Gia Lai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000670	4856			
671	Phạm Văn Hùng	05/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000671	4857			
672	Mễ Thu Hường	04/07/2000	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000672	4858			
673	Phạm Thị Lan	01/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000673	4859			
674	Nguyễn Văn Liêm	06/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000674	4860			
675	Lê Tuấn Linh	16/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000675	4861			
676	Đặng Bá Lộc	04/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000676	4862			
677	Nguyễn Thị Luyến	03/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000677	4863			
678	Đỗ Đức Minh	28/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000678	4864			
679	Phạm Trung Phong	22/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000679	4865			
680	Lê Duy Phúc	02/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000680	4866			
681	Nguyễn Hà Phương	18/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000681	4867			
682	Vũ Thị Phương	18/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000682	4868			
683	Đặng Thị Minh Phượng	19/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000683	4869			
684	Lại Minh Quốc	24/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000684	4870			
685	Vũ Văn Quy	12/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000685	4871			
686	Trần Văn Thái	29/12/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000686	4872			
687	Dương Văn Tiến	02/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000687	4873			
688	Lương Minh Tiến	27/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0000688	4874			
689	Đỗ Ngọc Tú	12/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phú	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000689	4875			
690	Hoàng Văn Tường	13/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000690	4876			
691	Lê Thị Thu Uyên	16/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Giỏi	A0000691	4877			
692	Trần Thu YẾN	22/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0000692	4878			
693	Nguyễn Thị Phương Anh	30/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Giỏi	A0000693	4879			
694	Nguyễn Thị Bình	14/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Giỏi	A0000694	4880			
695	Phạm Văn Công	05/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000695	4881			
696	Nguyễn Xuân Đỗ	15/04/1999	Nam	Tày	Việt Nam	Hà Giang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Xuất sắc	A0000696	4882			
697	Đình Gia Đức	19/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Giỏi	A0000697	4883			
698	Nguyễn Thị Dung	29/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000698	4884			
699	Nguyễn Thị Giang	26/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000699	4885			
700	Lê Thanh Hằng	29/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000700	4886			
701	Đoàn Thị Hiền	27/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Giỏi	A0000701	4887			
702	Hoàng Thu Hương	10/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000702	4888			
703	Giáp Thị Huyền	02/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000703	4889			
704	Nguyễn Thị Linh	02/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000704	4890			
705	Hoàng Thị Ngọc Linh	28/02/2000	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000705	4891			
706	Phạm Thị Loan	09/11/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000706	4892			
707	Lê Đặng Khánh Ly	11/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000707	4893			
708	Nguyễn Phương Nam	18/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000708	4894			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
709	Nguyễn Thị Nguyệt	31/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000709	4895			
710	Trần Bá Phong	25/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000710	4896			
711	Trần Thị Thúy Phương	21/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000711	4897			
712	Hoàng Thị Thảo	27/02/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000712	4898			
713	Ngô Thị Trang	01/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000713	4899			
714	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Khá	A0000714	4900			
715	Vì Thị Xuân	12/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh du lịch	nt	2021	Xuất sắc	A0000715	4901			
716	Hà Thị Thùy Dương	20/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000716	4902			
717	Lê Thị Hải	17/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000717	4903			
718	Nguyễn Thị Hân	04/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000718	4904			
719	Lê Thị Thu Hằng	02/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000719	4905			
720	Nguyễn Thị Hiên	22/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000720	4906			
721	Nguyễn Thị Long	26/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000721	4907			
722	Nguyễn Đức Minh	07/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Giỏi	A0000722	4908			
723	Lê Thị Kim Oanh	16/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Giỏi	A0000723	4909			
724	Đinh Thị Cẩm Phương	04/03/1999	Nữ	Mường	Việt Nam	Phú Thọ	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000724	4910			
725	Nguyễn Thị Quỳnh	15/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000725	4911			
726	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	23/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000726	4912			
727	Hà Thị Thúy	10/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0000727	4913			
728	Phan Thị Thanh Tuyền	08/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hậu Giang	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Trung bình	A0000728	4914			
729	Chu Hải Yến	22/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Giỏi	A0000729	4915			
730	Hồ Ngọc Anh	29/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000730	4916			
731	Lâm Ngọc Ánh	27/03/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Cao Bằng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000731	4917			
732	Đinh Anh Công	26/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000732	4918			
733	Đặng Tiến Đạt	22/08/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000733	4919			
734	Võ Thùy Dung	02/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000734	4920			
735	Trần Tiến Dũng	01/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000735	4921			
736	Vũ Hồng Dương	05/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000736	4922			
737	Cao Bá Hà	11/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Trung bình	A0000737	4923			
738	Nguyễn Thị Hạnh	28/02/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000738	4924			
739	Nguyễn Thị Đức Hạnh	20/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000739	4925			
740	Nguyễn Thị Hiên	10/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000740	4926			
741	Chu Thị Hòa	28/09/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000741	4927			
742	Trần Việt Hưng	26/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000742	4928			
743	Trần Thị Mai Hương	07/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000743	4929			
744	Đinh Xuân Hường	01/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000744	4930			
745	Nguyễn Thị Thanh Huyền	19/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000745	4931			
746	Nguyễn Thị Thu Huyền	29/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000746	4932			
747	Trần Thị Huyền	14/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000747	4933			
748	Phí Đức Khang	17/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000748	4934			
749	Nguyễn Thị Thanh Lâm	07/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000749	4935			
750	Trần Khánh Linh	03/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000750	4936			
751	Trần Bích Loan	06/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000751	4937			
752	Trần Thị Mai	28/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000752	4938			
753	Ngô Thị Hoài Nhi	20/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000753	4939			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
754	Vũ Thị Hải Ninh	18/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000754	4940			
755	Nguyễn Thiện Quang	01/09/1997	Nam	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000755	4941			
756	Đoàn Thị Quyên	24/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000756	4942			
757	Má Thị Si	08/09/2000	Nữ	H'mong	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000757	4943			
758	Hoàng Minh Tài	29/04/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000758	4944			
759	Phạm Hồng Thái	03/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000759	4945			
760	Trần Phúc Thọ	16/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Trung bình	A0000760	4946			
761	Mai Anh Thư	17/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000761	4947			
762	Nguyễn Thị Thương	01/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000762	4948			
763	Lê Thanh Thùy	12/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000763	4949			
764	Đậu Thị Thanh Trà	30/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000764	4950			
765	Lê Thu Trang	02/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000765	4951			
766	Tiêu Thị Thảo Trang	06/06/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Cần Thơ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000766	4952			
767	Ngô Quốc Trung	12/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000767	4953			
768	Nguyễn Hồng Tuyên	29/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000768	4954			
769	Lò Quang Vũ	29/09/2000	Nam	Thái	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000769	4955			
770	Phạm Thùy Vy	21/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Xuất sắc	A0000770	4956			
771	Hoàng Hải Yển	28/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000771	4957			
772	Nguyễn Hải Yển	19/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000772	4958			
773	Mai Kỳ Anh	29/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000773	4959			
774	Nguyễn Thị Lan Anh	15/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000774	4960			
775	Nguyễn Vũ Trâm Anh	11/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000775	4961			
776	Phạm Thị Chinh	23/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000776	4962			
777	Tổng Quang Chuẩn	26/12/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000777	4963			
778	Lê Văn Cường	03/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000778	4964			
779	Đào Thị Quỳnh Diệu	24/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000779	4965			
780	Nguyễn Thị Chà Giang	17/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000780	4966			
781	Nguyễn Thu Giang	21/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000781	4967			
782	Khuất Đình Hà	23/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000782	4968			
783	Lưu Hoàng Hải	20/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000783	4969			
784	Trần Thị Thu Hiền	29/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000784	4970			
785	Trần Thị Hoa	05/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000785	4971			
786	Tân A Hồng	18/11/2000	Nam	H'mong	Việt Nam	Lào cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000786	4972			
787	Bùi Thu Hường	20/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000787	4973			
788	Lê Quang Huy	30/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000788	4974			
789	Ngô Thanh Huyền	13/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000789	4975			
790	Phạm Thị Minh Khuê	28/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000790	4976			
791	Đinh Mỹ Linh	18/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000791	4977			
792	Lê Thị Diễm Linh	25/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000792	4978			
793	Vừ Mí Lợi	12/12/2000	Nam	H'mong	Việt Nam	Hà Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000793	4979			
794	Nguyễn Ngọc Mai	01/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000794	4980			
795	Nguyễn Văn Mạnh	27/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000795	4981			
796	Lê Thị Nguyên	20/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000796	4982			
797	Hoàng Thị Lan Nhi	03/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà tĩnh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000797	4983			
798	Lê Thị Hồng Nhung	10/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000798	4984			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
799	Vũ Đàm Thủy Nhung	26/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000799	4985			
800	Trần Phương Oanh	29/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000800	4986			
801	Đỗ Nhật Tân	20/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000801	4987			
802	An Thị Thu Thảo	13/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000802	4988			
803	Trịnh Thị Ngọc Thiện	31/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Xuất sắc	A0000803	4989			
804	Hà Thị Ánh Thiệp	23/06/1998	Nữ	Thái	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000804	4990			
805	Trần Thị Thanh Thúy	01/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000805	4991			
806	Trần Thị Thu Trang	25/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000806	4992			
807	Lê Tuấn Trọng	21/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000807	4993			
808	Phạm Quốc Tú	06/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000808	4994			
809	Nguyễn Thị Quỳnh Vân	09/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000809	4995			
810	Đặng Thị Lan Anh	13/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000810	4996			
811	Hoàng Thúy Anh	25/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000811	4997			
812	Nguyễn Thị Vân Anh	13/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000812	4998			
813	Nông Ngọc Anh	18/03/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Lạng sơn	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000813	4999			
814	Phạm Thị Vân Anh	22/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000814	5000			
815	Trương Ngọc Anh	03/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000815	5001			
816	Trần Thị Ngọc Bích	11/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000816	5002			
817	Nguyễn Bảo Châu	17/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000817	5003			
818	Trương Hoàng Điệp	17/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000818	5004			
819	Bùi Thủy Dương	10/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000819	5005			
820	Phan Hoàng Hải	26/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000820	5006			
821	Phạm Thị Thu Hiền	25/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000821	5007			
822	Vũ Hồng Hiệp	30/03/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000822	5008			
823	Bùi Thị Ngọc Hoa	26/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000823	5009			
824	Nguyễn Viêt Hoàng	21/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000824	5010			
825	Đỗ Thị Mai Hương	14/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000825	5011			
826	Lý Thị Hương	30/01/1999	Nữ	Tày	Việt Nam	Hà giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000826	5012			
827	Nguyễn Thúy Hương	01/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000827	5013			
828	Phạm Thu Hương	25/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000828	5014			
829	Đỗ Thu Huyền	03/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000829	5015			
830	Lê Trung Kiên	14/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000830	5016			
831	Nguyễn Thị Hà Linh	02/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Giỏi	A0000831	5017			
832	Nguyễn Thị Loan	24/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000832	5018			
833	Nguyễn Thành Long	14/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000833	5019			
834	Đào Thị Lụa	28/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000834	5020			
835	Trương Thị Lương	21/03/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000835	5021			
836	Nguyễn Tuấn Minh	06/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000836	5022			
837	Đào Thanh Nam	12/03/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000837	5023			
838	Chu Thúy Nga	04/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000838	5024			
839	Phan Thanh Phan	06/05/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Xuất sắc	A0000839	5025			
840	Nguyễn Tiến Phong	17/12/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000840	5026			
841	Nguyễn Văn Quang	27/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000841	5027			
842	Lưu Như Quỳnh	27/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000842	5028			
843	Đinh Hoàng Sơn	10/09/2000	Nam	Mường	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000843	5029			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
844	Đặng Thị Phương Thanh	17/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000844	5030			
845	Bùi Văn Thành	09/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000845	5031			
846	Lê Thị Thanh Thủy	13/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000846	5032			
847	Hoàng Văn Tuyến	20/11/2000	Nam	Tày	Việt Nam	Cao Bằng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000847	5033			
848	Nguyễn Thành Văn	25/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000848	5034			
849	Hoàng Thị Xuân	24/05/1995	Nữ	Thái	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0000849	5035			
850	Hoàng Nguyễn Thục Anh	31/08/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000850	5036			
851	Đặng Tất Đạt	10/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000851	5037			
852	Lê Tiến Đạt	04/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000852	5038			
853	Hoàng Thị Thu Hà	08/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000853	5039			
854	Trần Thị Hà	28/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000854	5040			
855	Đoàn Thị Minh Hạnh	30/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000855	5041			
856	Nguyễn Trung Hiếu	22/09/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000856	5042			
857	Phan Ngọc Hiếu	01/10/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000857	5043			
858	Vũ Văn Hiếu	21/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000858	5044			
859	Phạm Thị Thanh Hoa	03/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000859	5045			
860	Nguyễn Thị Hoàn	22/12/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000860	5046			
861	Nguyễn Như Hùng	31/03/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000861	5047			
862	Nguyễn Thị Hương	02/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000862	5048			
863	Đỗ Thị Cẩm Liên	30/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000863	5049			
864	Bùi Thị Loan	01/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000864	5050			
865	Đoàn Đức Long	31/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000865	5051			
866	Vũ Thị Ngọc Mai	25/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000866	5052			
867	Nguyễn Thị Hồng Ngân	27/12/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000867	5053			
868	Vũ Thị Thu Quỳnh	12/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000868	5054			
869	Mai Quốc Việt	22/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000869	5055			
870	Đỗ Trần Thảo Vy	20/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000870	5056			
871	Ngô Thị Yển	01/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000871	5057			
872	Nguyễn Thị Mai Anh	20/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000872	5058			
873	Vũ Thị Hồng Chuyên	17/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000873	5059			
874	Vũ Thị Phương Diễm	05/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000874	5060			
875	Mai Xuân Đức	11/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000875	5061			
876	Nguyễn Thùy Dương	29/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000876	5062			
877	Nguyễn Thị Duyên	01/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000877	5063			
878	Đặng Trường Giang	01/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000878	5064			
879	Ngô Thu Hà	11/02/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000879	5065			
880	Trương Thị Thu Hà	28/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000880	5066			
881	Nguyễn Thị Hằng	01/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000881	5067			
882	Dương Hồng Hạnh	08/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000882	5068			
883	Nguyễn Bích Hiệu	28/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000883	5069			
884	Phạm Thị Thúy Hoàn	19/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000884	5070			
885	Nguyễn Ngọc Huân	02/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000885	5071			
886	Trần Minh Huyền	10/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000886	5072			
887	Trần Thị Khánh	23/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000887	5073			
888	Trần Nhật Lệ	11/08/2000	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000888	5074			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
889	Nguyễn Thị Hồng Liên	23/10/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000889	5075			
890	Đỗ Thảo My	18/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000890	5076			
891	Chữ Quang Nam	03/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000891	5077			
892	Vũ Thị Thúy Nga	11/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000892	5078			
893	Nguyễn Thị Ngọc	07/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000893	5079			
894	Vũ Bích Ngọc	14/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000894	5080			
895	Nguyễn Hồng Phi	13/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000895	5081			
896	Đặng Thị Phương	22/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000896	5082			
897	Nguyễn Thị Phương	09/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000897	5083			
898	Nguyễn Thị Thu Phương	05/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000898	5084			
899	Nguyễn Thị Quyên	04/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000899	5085			
900	Nguyễn Trường Sơn	18/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Trung bình	A0000900	5086			
901	Triệu Thanh Tâm	22/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000901	5087			
902	Nguyễn Thị Tân	21/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000902	5088			
903	Trần Đức Thắng	02/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000903	5089			
904	Nguyễn Ích Thom	20/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000904	5090			
905	Vũ Hồng Thu	30/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000905	5091			
906	Phạm Thị Hồng Thương	29/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000906	5092			
907	Vũ Kiều Trang	27/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000907	5093			
908	Nguyễn Viết Anh Trung	28/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000908	5094			
909	Phạm Thị Ngọc Tú	16/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000909	5095			
910	Đào Trọng Tuấn	03/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000910	5096			
911	Trần Mạnh Tuấn	04/12/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000911	5097			
912	Lê Đình Tùng	24/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000912	5098			
913	Lê Thị Tố Uyên	05/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000913	5099			
914	Ngô Thị Uyên	27/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000914	5100			
915	Nguyễn Thị Bích Việt	20/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000915	5101			
916	Nguyễn Hải Yển	01/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000916	5102			
917	Đào Hoàng Anh	08/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000917	5103			
918	Lê Thị Nguyệt Anh	14/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000918	5104			
919	Nguyễn Quỳnh Anh	08/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000919	5105			
920	Phạm Thị Vân Anh	23/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000920	5106			
921	Lê Kiều Chinh	10/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000921	5107			
922	Nguyễn Thị Kim Dung	19/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000922	5108			
923	Phan Thúy Dung	29/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000923	5109			
924	Trịnh Ngọc Dung	21/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000924	5110			
925	Lê Thị Duyên	06/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000925	5111			
926	Lê Thùy Giang	29/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000926	5112			
927	Lê Thị Hà	02/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000927	5113			
928	Trương Thị Hà	07/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000928	5114			
929	Trần Thị Thu Hằng	05/11/2000	Nữ	Cao Lan	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000929	5115			
930	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	20/11/1999	Nữ	Mường	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000930	5116			
931	Hà Thị Tuyết Hậu	26/11/2000	Nữ	Thái	Việt Nam	Sơn La	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000931	5117			
932	Đặng Thị Hồng	14/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000932	5118			
933	Đặng Thị Hồng	30/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000933	5119			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
934	Phan Thị Huê	02/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000934	5120			
935	Hoàng Thị Hường	14/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000935	5121			
936	Nguyễn Văn Huy	11/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000936	5122			
937	Nguyễn Thị Huyền	09/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000937	5123			
938	Trần Thị Linh	08/04/1999	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000938	5124			
939	Ma Kiên Long	18/08/2000	Nam	Tày		Cao Bằng	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000939	5125			
940	Hoàng Phương Mai	09/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000940	5126			
941	Vũ Thị Hương Mai	06/09/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000941	5127			
942	Trương Thị Ngân	03/12/2000	Nữ	Kinh		Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000942	5128			
943	Lê Minh Nguyệt	07/06/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000943	5129			
944	Hà Phương Ninh	20/12/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000944	5130			
945	Phạm Vũ Phúc	19/11/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000945	5131			
946	Cao Thị Quỳnh	04/08/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000946	5132			
947	Lê Thị Thanh	18/01/1999	Nữ	Kinh		Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000947	5133			
948	Nguyễn Thị Lan Thi	12/03/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000948	5134			
949	Đoàn Thị Mùa Thu	04/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000949	5135			
950	Nguyễn Thị Thu	15/08/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000950	5136			
951	Lê Đình Tiến	18/09/2000	Nam	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000951	5137			
952	Nguyễn Thu Trang	24/10/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000952	5138			
953	Dương Việt Trung	31/10/2000	Nam	Tày		Hà Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000953	5139			
954	Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/04/2000	Nữ	Mường		Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000954	5140			
955	Nguyễn Duy Tùng	06/02/2000	Nam	Tày		Hà Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000955	5141			
956	Trần Quốc Việt	28/12/2000	Nam	Kinh		Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000956	5142			
957	Đoàn Thị Xoan	07/03/1999	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000957	5143			
958	Nguyễn Thái An	10/05/1999	Nam	Kinh		Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000958	5144			
959	Lưu Ngọc Minh Anh	04/11/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000959	5145			
960	Nguyễn Bảo Ngọc Anh	14/07/2000	Nữ	Kinh		Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000960	5146			
961	Nguyễn Quang Anh	04/06/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000961	5147			
962	Nguyễn Thị Hồng Anh	20/07/1999	Nữ	Thái		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000962	5148			
963	Trần Thị Bắc	19/11/2000	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000963	5149			
964	Đặng Thị Chi	02/06/2000	Nữ	Kinh		Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000964	5150			
965	Nguyễn Thị Giang	14/11/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000965	5151			
966	Đào Thị Hằng	05/04/1996	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000966	5152			
967	Nguyễn Thị Hòa	12/11/1999	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000967	5153			
968	Đặng Huy Hùng	10/09/2000	Nam	Kinh		Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000968	5154			
969	Đoàn Duy Hưng	07/06/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000969	5155			
970	Phạm Thị Hương	29/07/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000970	5156			
971	Trịnh Thị Thu Hương	05/11/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000971	5157			
972	Đỗ Thị Thu Huyền	19/08/2000	Nữ	Kinh		Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000972	5158			
973	Vũ Thị Huyền	18/10/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000973	5159			
974	Mai Thị Mỹ Linh	26/01/2000	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000974	5160			
975	Nguyễn Thị Linh	15/10/2000	Nữ	Kinh		Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000975	5161			
976	Trần Hải Ly	01/09/1999	Nữ	Kinh		Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000976	5162			
977	Lê Thị Ngân	29/03/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000977	5163			
978	Trần Thảo Ngân	16/09/2000	Nữ	Kinh		Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000978	5164			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
979	Lê Thị Phương	08/09/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000979	5165			
980	Tổng Thị Hoa Phương	16/10/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000980	5166			
981	Trần Minh Quang	30/03/2000	Nam	Kinh		Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000981	5167			
982	Nguyễn Thị Sáng	10/11/1999	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000982	5168			
983	Nguyễn Thu Thảo	10/12/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000983	5169			
984	Trần Thị Phương Thảo	16/08/2000	Nữ	Kinh		Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000984	5170			
985	Đỗ Thị Thom	22/08/2000	Nữ	Kinh		Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000985	5171			
986	Nguyễn Thị Thủy	11/04/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000986	5172			
987	Trần Nguyễn Nhân Tông	06/06/2000	Nam	Kinh		Cần Thơ	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000987	5173			
988	Phạm Ngọc Trà	10/07/1999	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000988	5174			
989	Hồ Thị Huyền Trang	04/12/1994	Nữ	Kinh		Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000989	5175			
990	Phan Thị Trang	19/09/2000	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000990	5176			
991	Phạm Quang Trung	26/01/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000991	5177			
992	Phạm Thị Uyên	01/02/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000992	5178			
993	Tô Tổ Uyên	17/03/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Xuất sắc	A0000993	5179			
994	Lê Thị Thảo Vân	20/11/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000994	5180			
995	Nguyễn Quang Vinh	27/08/2000	Nam	Kinh		Hải Phòng	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0000995	5181			
996	Nguyễn Hà Vy	04/04/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000996	5182			
997	Nguyễn Thị Yển	20/06/2000	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2021	Giỏi	A0000997	5183			
998	Bùi Thị Vân Anh	21/03/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0000998	5184			
999	Vũ Tuấn Anh	21/07/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0000999	5185			
1000	Nguyễn Quỳnh Chi	13/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001000	5186			
1001	Nguyễn Bá Cương	06/12/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001001	5187			
1002	Đỗ Thị Thu Dung	02/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001002	5188			
1003	Nguyễn Kim Dương	23/08/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001003	5189			
1004	Nguyễn Thu Hà	06/09/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001004	5190			
1005	Tổng Thị Thu Hà	16/11/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001005	5191			
1006	Cao Thu Hằng	13/07/1999	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Giỏi	A0001006	5192			
1007	Chu Ánh Hằng	22/06/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001007	5193			
1008	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/03/2000	Nữ	Kinh		Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Xuất sắc	A0001008	5194			
1009	Nguyễn Thị Hường	13/07/2000	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001009	5195			
1010	Chu Thị Thanh Huyền	08/09/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001010	5196			
1011	Hòa Nhật Lệ	04/01/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001011	5197			
1012	Nguyễn Thị Liên	26/11/2000	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001012	5198			
1013	Đậu Thị Hoài Linh	12/03/1999	Nữ	Kinh		Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Xuất sắc	A0001013	5199			
1014	Hoàng Thùy Linh	24/06/1999	Nữ	Kinh		Hải Dương	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Xuất sắc	A0001014	5200			
1015	Lê Thị Linh	20/08/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001015	5201			
1016	Trần Thị Thanh Loan	12/10/1998	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Xuất sắc	A0001016	5202			
1017	Chu Văn Luân	08/03/2000	Nam	Nùng		Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001017	5203			
1018	Trần Thị Nết	23/05/1999	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001018	5204			
1019	Lê Thị Nhi	14/06/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001019	5205			
1020	Ngô Thị Nhi	06/04/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001020	5206			
1021	Trịnh Thu Phương	11/11/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001021	5207			
1022	Trần Thị Phương	21/02/1999	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Giỏi	A0001022	5208			
1023	Nguyễn Phạm Khánh Quỳnh	09/03/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001023	5209			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1024	Nguyễn Thị Thanh	23/10/1999	Nữ	Kinh		Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Xuất sắc	A0001024	5210			
1025	Trương Thị Thảo	19/01/1999	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001025	5211			
1026	Nguyễn Thị Tháp	04/03/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Giỏi	A0001026	5212			
1027	Đào Thị Quỳnh Trang	05/04/2000	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001027	5213			
1028	Đinh Thị Trang	15/07/2000	Nữ	Mường		Hòa Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001028	5214			
1029	Vũ Thùy Trang	22/04/2000	Nữ	Kinh		Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001029	5215			
1030	Phạm Đình Việt	06/10/1998	Nam	Kinh		Hải Dương	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001030	5216			
1031	Nguyễn Đình Anh	07/12/2000	Nam	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001031	5217			
1032	Vũ Khánh Hà	02/09/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001032	5218			
1033	Nguyễn Đình Hậu	14/02/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001033	5219			
1034	Phan Văn Hậu	08/03/1998	Nam	Kinh		Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001034	5220			
1035	Hoàng Thị Hoài	21/10/2000	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Giỏi	A0001035	5221			
1036	Xa Thị Minh Hoan	19/10/2000	Nữ	Mường		Hòa Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001036	5222			
1037	Vũ Việt Hoàng	27/11/1995	Nam	Kinh		Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001037	5223			
1038	Trương Thị Huệ	06/07/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001038	5224			
1039	Lê Thị Kim Hương	08/10/1997	Nữ	Kinh		Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001039	5225			
1040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22/11/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001040	5226			
1041	Phạm Văn Mão	01/07/1999	Nam	Kinh		Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001041	5227			
1042	Đoàn Phương Nam	02/10/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001042	5228			
1043	Giang Thị Ngát	20/11/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001043	5229			
1044	Lê Minh Nguyệt	30/04/2000	Nữ	Kinh		Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001044	5230			
1045	Nguyễn Thị Lan Nhi	30/03/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001045	5231			
1046	Nguyễn Minh Phương	19/01/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001046	5232			
1047	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/05/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001047	5233			
1048	Nguyễn Hoành Sơn	16/07/1999	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001048	5234			
1049	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001049	5235			
1050	Đỗ Đức Thắng	23/11/1998	Nam	Kinh		Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001050	5236			
1051	Nguyễn Văn Thắng	18/06/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001051	5237			
1052	Nguyễn Thị Thùy Thảo	18/06/2000	Nữ	Kinh		Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Giỏi	A0001052	5238			
1053	Phạm Thị Thảo	04/02/2000	Nữ	Kinh		Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001053	5239			
1054	Phạm Thị Phương Thúy	01/08/1998	Nữ	Kinh		Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001054	5240			
1055	Nguyễn Thị Hải Yến	03/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Giỏi	A0001055	5241			
1056	Nguyễn Thị Ninh Chi	24/12/2000	Nữ	Kinh		Nam Định	Tiếng Anh	nt	2021	Giỏi	A0001056	5242			
1057	Lý A Chu	27/05/2000	Nam	H'mong		Lào Cai	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001057	5243			
1058	Vũ Thùy Dung	08/06/2000	Nữ	Kinh		Nam Định	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001058	5244			
1059	Nguyễn Thị Thu Hà	12/06/2000	Nữ	Kinh		Hải Dương	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001059	5245			
1060	Nguyễn Thị Thanh Hằng	01/11/2000	Nữ	Kinh		Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001060	5246			
1061	Nguyễn Thị Thùy Hiên	08/10/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001061	5247			
1062	Lê Thị Hòa	18/08/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001062	5248			
1063	Nguyễn Thị Liên	30/05/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001063	5249			
1064	Hà Thị Khánh Linh	20/09/1999	Nữ	Kinh		Ninh Bình	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001064	5250			
1065	Đỗ Thị Minh Lý	31/10/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001065	5251			
1066	Hoa Quỳnh Mai	17/10/1998	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Giỏi	A0001066	5252			
1067	Triệu Thị Mây	26/06/1998	Nữ	Dao		Bắc Kạn	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001067	5253			
1068	Trần Hồng Ngọc	14/09/2000	Nữ	Kinh		Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2021	Xuất sắc	A0001068	5254			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1069	Ngô Thị Tuyết Nhi	20/08/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Giỏi	A0001069	5255			
1070	Chu Thị Tổ Như	21/12/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Giỏi	A0001070	5256			
1071	Phạm Thị Nhung	16/05/1997	Nữ	Kinh		Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001071	5257			
1072	Nguyễn Thị Thu Phương	08/12/1999	Nữ	Kinh		Hà Nam	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001072	5258			
1073	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22/11/1998	Nữ	Kinh		Yên Bái	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001073	5259			
1074	Vũ Đức Sơn	13/09/2000	Nam	Kinh		Hải Phòng	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001074	5260			
1075	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/09/2000	Nữ	Kinh		Nghệ An	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001075	5261			
1076	Lê Huyền Trang	29/10/2000	Nữ	Kinh		Quảng Ninh	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001076	5262			
1077	Mai Thị Trang	01/04/2000	Nữ	Kinh		Bình Phước	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001077	5263			
1078	Nguyễn Thị Hà Trang	25/10/1999	Nữ	Kinh		Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2021	Giỏi	A0001078	5264			
1079	Nguyễn Thị Kiều Trang	19/09/1999	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001079	5265			
1080	Tạ Thị Tuyết Trinh	04/12/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001080	5266			
1081	Lương Sơn Tùng	12/10/2000	Nam	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001081	5267			
1082	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10/10/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001082	5268			
1083	Đào Duy Uyên	03/12/2000	Nữ	Kinh		Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001083	5269			
1084	Vũ Thị Uyên	29/02/2000	Nữ	Kinh		Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001084	5270			
1085	Vũ Thị Loan	20/07/1999	Nữ	Kinh		Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0001085	5271			
1086	Chu Quang Vũ	27/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	446/QĐ-TMDL ngày 31/12/2021	2021	Trung bình	A0001086	5273			
1087	Đỗ Thùy Linh	09/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2021	Khá	A0001087	5274			
1088	Phạm Ngọc Nghĩa	15/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001088	5275			
1089	Vũ Hoàng Lâm	15/04/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0001089	5276			
1090	Nguyễn Gia Tú	17/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001090	5277			
1091	Lê Thế An	05/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001091	5278			
1092	Bùi Tuấn Đức	21/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001092	5279			
1093	Nguyễn Lâm Huy	29/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001093	5280			
1094	Phạm Xuân Quang	15/05/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001094	5281			
1095	Đình Thái Sơn	19/08/1999	Nam	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001095	5282			
1096	Nguyễn Văn Trung	19/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001096	5283			
1097	Vì Thanh Tùng	26/01/2000	Nam	Mường	Việt Nam	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Trung bình	A0001097	5284			
1098	Nguyễn Thị Mai	05/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Phiên dịch tiếng Anh thương mại	nt	2021	Khá	A0001098	5285			
1099	Ngân Văn Chung	11/06/1998	Nam	Thái	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0001099	5286			
1100	Nguyễn Quốc Hoàng	07/11/1995	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0001100	5287			
1101	Nguyễn Thị Lan	23/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0001101	5288			
1102	Lương Thị Minh Anh	10/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0001102	5289			
1103	Hoàng Minh Công	21/10/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0001103	5290			
1104	Vũ Trần Phương	28/07/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Khá	A0001104	5291			
1105	Nguyễn Lê Quyên	31/01/2000	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Trung bình	A0001105	5292			
1106	Bùi Thu Uyên	04/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Trung bình	A0001106	5293			
1107	Lê Hồng Hà Anh	02/11/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Trung bình	A0001107	5294			
1108	Phạm Trần Văn Anh	21/08/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0001108	5295			
1109	Nguyễn Phước Hiếu	03/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Trung bình	A0001109	5296			
1110	Nguyễn Phương Nhung	13/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0001110	5297			
1111	Hoàng Đức Chiến	09/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0001111	5298			
1112	Nguyễn Minh Hiếu	07/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0001112	5299			
1113	Ngô Xuân Chương	28/05/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001113	5300			
1114	Nguyễn Minh Đức	10/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001114	5301			
1115	Nguyễn Trung Đức	15/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001115	5302			
1116	Nguyễn Bá Hiệu	21/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001116	5303			
1117	Nguyễn Ngọc Du	24/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Trung bình	A0001117	5304			
1118	Nguyễn Thị Linh	18/10/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001118	5305			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1119	Lê Duy Thành	20/10/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001119	5306			
1120	Lê Thị Thanh Thúy	03/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2021	Khá	A0001120	5307			
1121	Đoàn Minh Kiên	02/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2021	Trung bình	A0001121	5308			
1122	Lê Phương Mai	06/06/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001122	5309			
1123	Nguyễn Đức Thắng	01/09/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2021	Khá	A0001123	5310			Khóa 9
1124	Ngô Thị Oanh	15/07/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Trung bình	A0001124	5311			Khóa 9
1125	Trần Thanh Tùng	16/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2021	Trung bình	A0001125	5312			Khóa 9
1126	Lê Thị Hiền	10/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đắk Lắk	Quản trị khách sạn	nt	2021	Khá	A0001126	5313			Khóa 9
1127	Đào Việt Hoàng	21/11/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001127	5314			Khóa 9
1128	Trần Thùy Linh	04/09/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2021	Khá	A0001128	5315			Khóa 9
1129	Bùi Thị Diệu Anh	24/08/2000	Nữ	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Kế toán	189/QĐ-TMDL ngày 14 tháng 06 năm 2022	2022	Giỏi	A0001129	5327			
1130	Lê Thị Vân Anh	05/12/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001130	5328			
1131	Nguyễn Thị Kiều Anh	05/11/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001131	5329			
1132	Trịnh Tú Anh	03/12/1999	Nữ	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001132	5330			
1133	Lê Thị Ngọc Ánh	08/11/2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001133	5331			
1134	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/04/2000	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001134	5332			
1135	Nguyễn Hà Chi	16/04/2001	Nữ	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001135	5333			
1136	Lương Thị Diễm	23/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001136	5334			
1137	Nguyễn Thùy Dương	28/04/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001137	5335			
1138	Kiều Thu Giang	06/07/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001138	5336			
1139	Nịnh Thị Giang	25/05/2001	Nữ	Cao Lan	Yên Bái	Yên Bái	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001139	5337			
1140	Trần Hải Hà	20/09/2001	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001140	5338			
1141	Trần Thị Hà	04/10/1995	Nữ	Kinh	Kiên Giang	Kiên Giang	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001141	5339			
1142	Nguyễn Thị Thanh Hải	15/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001142	5340			
1143	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	20/07/1997	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001143	5341			
1144	Trần Thị Thu Hiền	11/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001144	5342			
1145	Đinh Thị Hợp	20/11/2000	Nữ	Mường	Sơn La	Sơn La	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001145	5343			
1146	Nguyễn Thị Bích Huệ	21/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001146	5344			
1147	Phạm Thị Kim Huệ	13/03/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001147	5345			
1148	Chu Thúy Hường	17/11/2001	Nữ	Tày	Tuyên Quang	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001148	5346			
1149	Lưu Thị Hường	26/07/2000	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001149	5347			
1150	Nguyễn Thị Hường	09/03/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001150	5348			
1151	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001151	5349			
1152	Nguyễn Thị Khuyên	14/08/2000	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001152	5350			
1153	Nguyễn Khánh Linh	02/08/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001153	5351			
1154	Nguyễn Thị Linh	01/02/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001154	5352			
1155	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/03/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001155	5353			
1156	Bùi Thị Ly	14/10/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001156	5354			
1157	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	02/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001157	5355			
1158	Nguyễn Thị Nga	11/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001158	5356			
1159	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001159	5357			
1160	Phan Thị Minh Ngọc	13/05/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001160	5358			
1161	Trịnh Thị Ngọc	04/04/1996	Nữ	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001161	5359			
1162	Nguyễn Thị Nguyệt	08/02/2001	Nữ	Kinh	, Hà Nội	, Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001162	5360			
1163	Đới Thị Nhung	24/04/2000	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001163	5361			
1164	Lê Thị Oanh	16/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001164	5362			
1165	Nguyễn Thị Phấn	21/11/1996	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001165	5363			
1166	Lường Thị Phương	10/09/2001	Nữ	Thái	Sơn La	Sơn La	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001166	5364			
1167	Trần Thị Hồng Phương	13/03/2001	Nữ	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001167	5365			
1168	Mai Thị Phụng	27/10/2000	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001168	5366			
1169	Nguyễn Thị Phụng	27/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001169	5367			
1170	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	21/10/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001170	5368			
1171	Nguyễn Thị Như Quỳnh	03/02/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001171	5369			
1172	Phạm Thị Phương Quỳnh	28/02/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001172	5370			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1173	Vũ Thị Quỳnh	02/04/2000	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001173	5371			
1174	Đặng Thị Thanh	20/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001174	5372			
1175	Nguyễn Phương Thảo	21/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001175	5373			
1176	Nguyễn Thị Thu	14/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Xuất sắc	A0001176	5374			
1177	Nguyễn Thị Thanh Thu	21/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001177	5375			
1178	Vương Văn Thuận	26/10/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001178	5376			
1179	Tạ Thanh Thủy	30/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001179	5377			
1180	Hoàng Thị Thu Trà	14/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001180	5378			
1181	Hoàng Thu Trang	26/10/1999	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001181	5379			
1182	Lê Thị Trang	19/07/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001182	5380			
1183	Quách Thu Uyên	17/04/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001183	5381			
1184	Chu Thị Hồng Vân	29/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001184	5382			
1185	Đặng Thị Vân	23/02/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001185	5383			
1186	Lê Bảo Vân	19/05/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2022	Khá	A0001186	5384			
1187	Nguyễn Thị Kim Xuyên	26/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001187	5385			
1188	Lê Thị Hải Yến	25/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kế toán	nt	2022	Giỏi	A0001188	5386			
1189	Lê Tú Anh	04/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001189	5387			
1190	Nguyễn Hoàng Anh	26/09/2001	Nam	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001190	5388			
1191	Phạm Phương Anh	27/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001191	5389			
1192	Phạm Văn Bắc	23/06/2001	Nam	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001192	5390			
1193	Khuất Quang Chiền	19/04/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001193	5391			
1194	Lý A Chinh	15/02/2001	Nam	H'mong	Lào Cai	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001194	5392			
1195	Vũ Quang Chung	29/10/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001195	5393			
1196	Nguyễn Chí Công	10/02/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001196	5394			
1197	Nguyễn Văn Đại	08/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001197	5395			
1198	Nguyễn Văn Điệp	26/09/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001198	5396			
1199	Nguyễn Thành Đô	24/12/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001199	5397			
1200	Phạm Thành Đô	19/12/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001200	5398			
1201	Vy Văn Đoàn	29/09/1999	Nam	Nùng	Lạng Sơn	Lạng Sơn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001201	5399			
1202	Trần Ngọc Doanh	19/09/2001	Nam	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001202	5400			
1203	Nguyễn Xuân Thái Văn Đức	15/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Xuất sắc	A0001203	5401			
1204	Phạm Hữu Đức	17/11/2001	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001204	5402			
1205	Đinh Văn Dũng	08/10/2001	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001205	5403			
1206	Ngô Anh Dũng	04/07/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001206	5404			
1207	Phạm Tiến Dũng	06/02/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001207	5405			
1208	Nguyễn Cảnh Dương	15/03/2001	Nam	Kinh	Sơn La	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001208	5406			
1209	Nguyễn Văn Duy	02/11/2000	Nam	Kinh	Hà Giang	Hà Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001209	5407			
1210	Đỗ Thị Hoàng Giang	31/07/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001210	5408			
1211	Nguyễn Trường Giang	18/05/2001	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Xuất sắc	A0001211	5409			
1212	Lê Phương Hà	04/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001212	5410			
1213	Nguyễn Thị Ngọc Hà	30/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001213	5411			
1214	Nguyễn Đăng Hải	10/11/2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001214	5412			
1215	Kiều Thị Thu Hằng	19/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001215	5413			
1216	Vũ Thị Thu Hằng	23/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001216	5414			
1217	Đỗ Thị Hậu	09/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Xuất sắc	A0001217	5415			
1218	Dương Xuân Hiên	27/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001218	5416			
1219	Phùng Thanh Hiền	07/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001219	5417			
1220	Trần Thanh Hiếu	10/10/2001	Nữ	Kinh	Lai Châu	Lai Châu	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001220	5418			
1221	Nguyễn Thị Thanh Hoa	29/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001221	5419			
1222	Cao Văn Hoàng	13/11/2000	Nam	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001222	5420			
1223	Chu Minh Hoàng	18/09/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001223	5421			
1224	Nguyễn Thanh Hoàng	18/04/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001224	5422			
1225	Vũ Thị Huệ	05/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Xuất sắc	A0001225	5423			
1226	Nguyễn Thị Mai Hương	19/05/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001226	5424			
1227	Trương Thị Linh Hương	27/10/2001	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001227	5425			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1228	Lê Văn Khang	10/03/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001228	5426			
1229	Đặng Duy Khánh	16/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001229	5427			
1230	Nguyễn Học Khánh	13/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001230	5428			
1231	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2001	Nam	Kinh	Lào Cai	Lào Cai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001231	5429			
1232	Tô Thị Khánh	06/10/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001232	5430			
1233	Nguyễn Đình Kiên	21/06/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001233	5431			
1234	Nguyễn Công Ngọc Lâm	20/04/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001234	5432			
1235	Lê Văn Lập	01/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001235	5433			
1236	Hoàng Phương Linh	23/03/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001236	5434			
1237	Nguyễn Thùy Linh	28/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001237	5435			
1238	Vũ Quang Long	10/01/2001	Nam	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001238	5436			
1239	Nguyễn Thị Huyền Lương	13/11/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001239	5437			
1240	Đình Văn Nam	29/01/2000	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001240	5438			
1241	Nhâm Thị Thanh Nga	24/09/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001241	5439			
1242	Nguyễn Việt Nghĩa	11/03/1997	Nam	Tày	Bắc Kạn	Bắc Kạn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001242	5440			
1243	Trịnh Trọng Nghĩa	27/09/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001243	5441			
1244	Nhâm Thị Bích Ngọc	09/09/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001244	5442			
1245	Đỗ Thị Hồng Nhung	24/09/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001245	5443			
1246	Nguyễn Thu Phương	25/09/2001	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001246	5444			
1247	Trần Thị Anh Phương	04/10/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001247	5445			
1248	Nguyễn Trọng Quý	11/02/2001	Nam	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001248	5446			
1249	Điêu Văn Quyết	03/09/2001	Nam	Thái	Sơn La	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001249	5447			
1250	Nguyễn Kiên Quyết	20/12/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001250	5448			
1251	Trần Thị Quỳnh	15/10/2001	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Xuất sắc	A0001251	5449			
1252	Nguyễn Văn Sáng	03/03/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001252	5450			
1253	Lê Hồng Sơn	21/01/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001253	5451			
1254	Lưu Văn Sơn	22/03/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001254	5452			
1255	Nguyễn Nguyên Tài	23/03/2001	Nam	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001255	5453			
1256	Đặng Xuân Tâm	09/07/2001	Nam	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001256	5454			
1257	Nguyễn Đức Tâm	03/09/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001257	5455			
1258	Chu Minh Tân	04/06/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001258	5456			
1259	Vương Thị Thắm	17/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001259	5457			
1260	Nguyễn Quang Thanh	09/05/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001260	5458			
1261	Trần Hoàng Phương Thảo	23/07/2000	Nữ	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001261	5459			
1262	Đào Thị Thùy	16/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001262	5460			
1263	Đặng Thu Thùy	17/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001263	5461			
1264	Lê Thủy Tiên	24/09/2001	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001264	5462			
1265	Vũ Thị Huyền Trang	17/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001265	5463			
1266	Nguyễn Quang Trường	21/04/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001266	5464			
1267	Nguyễn Văn Trường	18/11/2001	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001267	5465			
1268	Phạm Anh Tuấn	24/11/2001	Nam	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001268	5466			
1269	Phùng Xuân Tuấn	05/11/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001269	5467			
1270	Trần Minh Tuấn	18/12/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001270	5468			
1271	Kiều Văn Tùng	10/05/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001271	5469			
1272	Nguyễn Mạnh Tùng	24/12/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001272	5470			
1273	Nguyễn Thanh Tùng	13/09/2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001273	5471			
1274	Nguyễn Văn Tùng	27/06/1999	Nam	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001274	5472			
1275	Lường Thu Tươi	26/11/2001	Nữ	Thái	Sơn La	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001275	5473			
1276	Lê Tiến Vũ	01/12/2000	Nam	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001276	5474			
1277	Ngô Thị Triệu Vy	15/01/2001	Nữ	Kinh	Gia Lai	Gia Lai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Giỏi	A0001277	5475			
1278	Cao Xuân Anh	27/10/2001	Nam	Kinh	Hung Yên	Hung Yên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001278	5476			
1279	Đồng Thị Hải Anh	25/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001279	5477			
1280	Hoàng Thị Anh	16/09/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001280	5478			
1281	Lê Thị Lan Anh	14/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001281	5479			
1282	Lê Thị Lan Anh	09/08/2001	Nữ	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001282	5480			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1283	Nguyễn Thị Vân Anh	13/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001283	5481			
1284	Phạm Phương Anh	17/12/1999	Nữ	Kinh	Lào Cai	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001284	5482			
1285	Trần Duy Anh	07/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001285	5483			
1286	Trần Quốc Anh	24/10/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001286	5484			
1287	Mai Thị Ngọc Ánh	28/08/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001287	5485			
1288	Chu Ngọc Bảo	16/08/2001	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001288	5486			
1289	Bùi Thị Ngọc Bích	12/06/2001	Nữ	Kinh	Hung Yên	Hung Yên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001289	5487			
1290	Nguyễn Dương Cầm	07/05/1999	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001290	5488			
1291	Phạm Thị Ngọc Châm	04/10/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001291	5489			
1292	An Kim Chi	08/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001292	5490			
1293	Nguyễn Văn Chiến	31/05/2001	Nam	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001293	5491			
1294	Trần Đức Cường	21/01/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001294	5492			
1295	Hoàng Thị Đan	23/07/2000	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001295	5493			
1296	Nguyễn Đức Hải Đăng	19/01/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001296	5494			
1297	Nguyễn Tiến Đạt	04/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001297	5495			
1298	Nguyễn Thị Diệp	16/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001298	5496			
1299	Bùi Hữu Đức	20/05/2000	Nam	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001299	5497			
1300	Đỗ Văn Đức	30/05/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001300	5498			
1301	Trần Doãn Đức	03/01/1996	Nam	Nùng	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001301	5499			
1302	Hoàng Mạnh Dũng	09/04/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001302	5500			
1303	Nguyễn Long Duy	14/07/2000	Nam	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001303	5501			
1304	Phùng Quang Duy	02/01/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001304	5502			
1305	Mai Hồng Duyên	04/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001305	5503			
1306	Vì Thị Hương Giang	12/10/2001	Nữ	Thái	Sơn La	Sơn La	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001306	5504			
1307	Nguyễn Thu Hà	07/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001307	5505			
1308	Lê Thanh Hải	20/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001308	5506			
1309	Kiều Thị Hằng	01/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001309	5507			
1310	Phạm Thị Hạnh	10/06/2001	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001310	5508			
1311	Nguyễn Thị Hào	15/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001311	5509			
1312	Ngô Văn Hậu	30/06/1999	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001312	5510			
1313	Trương Thị Thu Hiền	20/04/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001313	5511			
1314	Đinh Trọng Hiệp	16/03/2000	Nam	Kinh	Hải Phòng	Hải Phòng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001314	5512			
1315	Nguyễn Trung Hiếu	24/01/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001315	5513			
1316	Bùi Kim Hoa	03/04/2000	Nữ	Kinh	Hải Phòng	Hải Phòng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001316	5514			
1317	Hoàng Ngọc Hòa	21/10/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001317	5515			
1318	Dương Thị Hoài	29/08/2000	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001318	5516			
1319	Lường Văn Hoàn	08/08/2001	Nam	Thái	Lai Châu	Lai Châu	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001319	5517			
1320	Nguyễn Xuân Hoàn	30/03/2001	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001320	5518			
1321	Trần Doãn Học	17/08/2000	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001321	5519			
1322	Hoàng Thị Huệ	07/05/2000	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001322	5520			
1323	Bùi Duy Hùng	12/10/2000	Nam	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001323	5521			
1324	Nguyễn Huy Hùng	13/11/2001	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001324	5522			
1325	Nguyễn Văn Hùng	19/10/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001325	5523			
1326	Trần Quang Hưng	09/11/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001326	5524			
1327	Ngô Thị Thu Hương	27/07/1998	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001327	5525			
1328	Trần Thu Hương	20/10/2000	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001328	5526			
1329	Nguyễn Quang Huy	19/07/2001	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001329	5527			
1330	Quảng Thị Huyền	06/10/2001	Nữ	Thái	Sơn La	Sơn La	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001330	5528			
1331	Lê Thị Thanh Huyền	10/10/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001331	5529			
1332	Ngô Thị Thu Huyền	21/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001332	5530			
1333	Nguyễn Thị Huyền	24/05/2000	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001333	5531			
1334	Nguyễn Thị Huyền	08/01/2000	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001334	5532			
1335	Nguyễn Thị Thanh Huyền	07/10/1999	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001335	5533			
1336	Ngô Công Khanh	21/08/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001336	5534			
1337	Lê Quốc Khánh	27/11/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001337	5535			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1338	Nguyễn Khánh	04/05/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001338	5536			
1339	Vương Thị Lam	26/04/2001	Nữ	Tây	Lào Cai	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001339	5537			
1340	Cao Thị Lệ	09/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001340	5538			
1341	Trần Thị Lệ	03/01/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001341	5539			
1342	Bùi Diệu Linh	25/02/2001	Nữ	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001342	5540			
1343	Bùi Mai Linh	23/11/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001343	5541			
1344	Đặng Thị Hoài Linh	12/09/2001	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001344	5542			
1345	Đinh Quang Linh	15/12/2001	Nam	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001345	5543			
1346	Nguyễn Thùy Linh	07/05/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001346	5544			
1347	Tổng Văn Long	05/06/1998	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001347	5545			
1348	Bùi Đức Lương	20/01/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001348	5546			
1349	Hoàng Thị Mai	10/09/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001349	5547			
1350	Nguyễn Thị Tuyết Mai	29/03/2000	Nữ	Tây	Lai Châu	Lai Châu	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001350	5548			
1351	Nguyễn Quốc Mạnh	15/09/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001351	5549			
1352	Chu Văn Minh	13/09/1991	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001352	5550			
1353	Nguyễn Hải Nam	19/03/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001353	5551			
1354	Nguyễn Tú Nam	29/10/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001354	5552			
1355	Phạm Công Nam	20/02/2001	Nam	Kinh	Đồng Nai	Đồng Nai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001355	5553			
1356	Nguyễn Thị Thanh Nga	15/01/1998	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001356	5554			
1357	Đinh Thị Nguyên	12/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001357	5555			
1358	Hà Yến Nhi	25/09/2001	Nữ	Thái	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001358	5556			
1359	Đỗ Minh Phương	01/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001359	5557			
1360	Nguyễn Thị Hà Phương	02/12/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001360	5558			
1361	Phạm Thị Phương	08/05/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001361	5559			
1362	Giảng Thị Pla	09/10/2001	Nữ	H'mong	Lào Cai	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001362	5560			
1363	Trần Văn Quân	05/02/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001363	5561			
1364	Vương Thế Thị Quyên	21/12/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001364	5562			
1365	Phạm Như Quỳnh	28/07/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001365	5563			
1366	Phan Văn Sơn	14/02/2001	Nam	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001366	5564			
1367	Đồng Xuân Tài	18/10/2000	Nam	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001367	5565			
1368	Nguyễn Đức Thắng	29/12/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001368	5566			
1369	Nguyễn Viêt Thành	28/04/2001	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001369	5567			
1370	Phàng A Thành	22/11/2000	Nam	H'mong	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001370	5568			
1371	Phùng Ngọc Thành	16/01/2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001371	5569			
1372	Trần Thị Thoa	06/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001372	5570			
1373	Nguyễn Đức Thông	30/01/2001	Nam	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Xuất sắc	A0001373	5571			
1374	Phạm Thị Thu	07/06/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001374	5572			
1375	Sùng Thị Minh Thu	26/10/2001	Nữ	H'mong	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001375	5573			
1376	Ngô Vũ Huyền Thương	20/12/2001	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001376	5574			
1377	Nguyễn Thị Thùy	26/10/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001377	5575			
1378	Đoàn Thị Thu Trà	14/11/2000	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001378	5576			
1379	Đặng Thu Trang	04/11/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001379	5577			
1380	Hoàng Thùy Trang	03/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001380	5578			
1381	Nguyễn Quỳnh Trang	09/09/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001381	5579			
1382	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/04/2001	Nữ	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001382	5580			
1383	Nguyễn Thị Huyền Trang	19/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001383	5581			
1384	Phạm Thu Trang	09/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001384	5582			
1385	Trương Thùy Trang	17/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001385	5583			
1386	Nguyễn Anh Tuấn	20/07/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001386	5584			
1387	Nguyễn Đức Tuấn	06/02/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001387	5585			
1388	Nguyễn Sơn Tùng	29/11/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001388	5586			
1389	Nguyễn Đức Tường	24/04/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001389	5587			
1390	Phạm Hữu Tuyên	08/07/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001390	5588			
1391	Phùng Thị Tuyên	16/10/2001	Nữ	Mường	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001391	5589			
1392	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	25/11/2001	Nữ	Kinh	Lào Cai	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Giỏi	A0001392	5590			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1393	Đinh Thị Uyên	29/07/2001	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001393	5591			
1394	Lê Thị Hải Yến	02/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001394	5592			
1395	Nguyễn Thị Yến	11/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001395	5593			
1396	Đàm Thị Hoàng Anh	28/10/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	189/QĐ-TMDL ngày 14 tháng 06 năm 2022	2022	Giỏi	A0001396	5594			
1397	Đinh Hoài Anh	18/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001397	5595			
1398	Hồ Tuấn Anh	11/03/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001398	5596			
1399	Lương Thị Vân Anh	28/07/2000	Nữ	Kinh	Lào Cai	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001399	5597			
1400	Nguyễn Lan Anh	11/05/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001400	5598			
1401	Quản Thị Việt Anh	09/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001401	5599			
1402	Trần Quỳnh Anh	12/10/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001402	5600			
1403	Đặng Thị Ngọc Ánh	28/12/2001	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001403	5601			
1404	Hà Hồng Ánh	06/11/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001404	5602			
1405	Bùi Văn Bắc	11/05/2001	Nam	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001405	5603			
1406	Trần Thị Bích	31/10/2001	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001406	5604			
1407	Ngô Thị Thanh Bình	22/04/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001407	5605			
1408	Đặng Thị Huyền Chi	04/10/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001408	5606			
1409	Đỗ Minh Chiến	19/08/2000	Nam	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001409	5607			
1410	Dư Thị An Chinh	18/04/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001410	5608			
1411	Nguyễn Mạnh Cường	12/03/2001	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001411	5609			
1412	Nguyễn Hải Đăng	04/10/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001412	5610			
1413	Nguyễn Tiến Đạt	30/07/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001413	5611			
1414	Nguyễn Tiến Đạt	01/10/1997	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001414	5612			
1415	Nguyễn Thị Diễm	15/03/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001415	5613			
1416	Đinh Ngọc Diệp	05/09/2001	Nữ	Mường	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001416	5614			
1417	Đỗ Hoàng Ngọc Diệp	29/04/2001	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Lâm Đồng	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001417	5615			
1418	Nguyễn Văn Diệp	15/02/2001	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001418	5616			
1419	Nguyễn Thị Dung	23/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001419	5617			
1420	Công Hồng Dương	10/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001420	5618			
1421	Lê Văn Giang	12/06/2001	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001421	5619			
1422	Lường Thị Giang	10/09/2001	Nữ	Thái	Sơn La	Sơn La	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001422	5620			
1423	Võ Trà Giang	14/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001423	5621			
1424	Nguyễn Nguyệt Hạ	14/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001424	5622			
1425	Dương Thị Hằng	07/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001425	5623			
1426	Lê Thu Hằng	10/06/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001426	5624			
1427	Nguyễn Thị Hằng	17/04/2001	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001427	5625			
1428	Nguyễn Thúy Hằng	25/06/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001428	5626			
1429	Đỗ Thị Hồng Hạnh	03/02/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001429	5627			
1430	Nguyễn Thị Hậu	03/01/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001430	5628			
1431	Bùi Thị Hiền	08/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001431	5629			
1432	Đặng Thị Thu Hiền	25/02/2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001432	5630			
1433	Hoàng Thị Hiền	23/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001433	5631			
1434	Nguyễn Thị Hiền	02/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001434	5632			
1435	Nguyễn Thị Thanh Hiền	09/07/2001	Nữ	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001435	5633			
1436	Vũ Thị Thúy Hiền	19/11/2001	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001436	5634			
1437	Nguyễn Tiến Hiệp	14/11/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001437	5635			
1438	Nguyễn Thị Hoa	15/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001438	5636			
1439	Nguyễn Ngọc Hòa	13/10/2000	Nam	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001439	5637			
1440	Dương Thanh Hường	08/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001440	5638			
1441	Vũ Thúy Hường	06/03/2001	Nữ	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001441	5639			
1442	Nguyễn Gia Huy	02/01/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001442	5640			
1443	Ngô Thị Ngọc Huyền	19/12/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001443	5641			
1444	Bùi Thị Khánh Huyền	28/11/2000	Nữ	Kinh	Hải Phòng	Hải Phòng	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001444	5642			
1445	Lương Thị Huyền	12/02/2001	Nữ	Thái	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001445	5643			
1446	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	29/08/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001446	5644			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1447	Nguyễn Quang Khải	30/10/2000	Nam	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001447	5645			
1448	Vũ Duy Khánh	29/11/2000	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001448	5646			
1449	Vũ Ngọc Khánh	08/04/2001	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001449	5647			
1450	Đặng Trung Kiên	14/03/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001450	5648			
1451	Đào Trúc Lâm	06/09/2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001451	5649			
1452	Nguyễn Thị Lân	24/09/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001452	5650			
1453	Phùng Thị Lê	09/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001453	5651			
1454	Bùi Thị Diệu Linh	27/05/2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001454	5652			
1455	Đào Thị Diệu Linh	09/11/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001455	5653			
1456	Lưu Mỹ Linh	03/04/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001456	5654			
1457	Nguyễn Mỹ Linh	27/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001457	5655			
1458	Nguyễn Thị Linh	27/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001458	5656			
1459	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	27/08/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001459	5657			
1460	Phan Văn Vũ Long	27/12/2001	Nam	Kinh	Hải Phòng	Hải Phòng	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001460	5658			
1461	Dương Thị Hồng Luyến	14/04/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001461	5659			
1462	Nguyễn Thị Ly	08/04/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001462	5660			
1463	Vì Thị Vân Mai	22/05/2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001463	5661			
1464	Nguyễn Văn Nam	25/08/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001464	5662			
1465	Phan Thị Thúy Ngân	24/07/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001465	5663			
1466	Phùng Thị Ngân	26/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001466	5664			
1467	Trần Thị Ngần	13/02/2000	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001467	5665			
1468	Đặng Thị Thúy Ngọc	02/06/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001468	5666			
1469	Trần Thị Bích Ngọc	04/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001469	5667			
1470	Nguyễn Thảo Nguyên	25/11/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001470	5668			
1471	Trần Thị Thảo Nguyên	09/07/2001	Nữ	Kinh	Gia Lai	Gia Lai	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001471	5669			
1472	Đặng Thị Kim Nhung	20/07/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001472	5670			
1473	Vì Thị Hồng Nhung	02/07/2001	Nữ	Tày	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001473	5671			
1474	Nguyễn Hoàng Oanh	07/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001474	5672			
1475	Trịnh Thị Kim Oanh	07/08/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001475	5673			
1476	Lê Anh Phong	20/07/2001	Nam	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001476	5674			
1477	Bùi Lâm Phương	18/05/2001	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001477	5675			
1478	Lý Thị Thu Phương	08/10/2001	Nữ	Dao	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001478	5676			
1479	Nguyễn Trần Quỳnh Phương	29/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001479	5677			
1480	Trần Hà Phương	08/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001480	5678			
1481	Vũ Thị Thu Phương	07/05/2001	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001481	5679			
1482	Vũ Thu Phương	06/03/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001482	5680			
1483	Lã Minh Phương	18/02/2001	Nữ	Tày	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001483	5681			
1484	Nguyễn Thị Phương	11/02/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001484	5682			
1485	Nguyễn Thị Phương	01/11/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001485	5683			
1486	Nguyễn Thanh Quang	10/02/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001486	5684			
1487	Nguyễn Thị Quỳnh	06/10/2000	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001487	5685			
1488	Lê Xuân Sắc	27/05/2001	Nam	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001488	5686			
1489	Hoàng Đức Sơn	05/07/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001489	5687			
1490	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/05/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001490	5688			
1491	Nguyễn Thị Hồng Thắm	21/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001491	5689			
1492	Trần Nam Thắng	05/05/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001492	5690			
1493	Nguyễn Thị Phúc Thanh	12/03/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001493	5691			
1494	Lê Văn Thành	26/09/2000	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001494	5692			
1495	Nguyễn Tiến Thành	11/03/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001495	5693			
1496	Phùng Thị Thành	08/12/2001	Nữ	Mường	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001496	5694			
1497	Đỗ Hà Thu Thảo	15/03/1999	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001497	5695			
1498	Hoàng Thu Thảo	14/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001498	5696			
1499	Lê Phương Thảo	05/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001499	5697			
1500	Nguyễn Thanh Thảo	07/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001500	5698			
1501	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001501	5699			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1502	Nguyễn Thị Thu Thảo	25/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001502	5700			
1503	Phạm Thị Thu Thảo	01/04/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001503	5701			
1504	Trịnh Thị Phương Thảo	19/06/2001	Nữ	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001504	5702			
1505	Nguyễn Thị Thanh Thư	20/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001505	5703			
1506	Nguyễn Đức Thuận	14/06/1996	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001506	5704			
1507	Nguyễn Thị Minh Thương	06/09/2001	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001507	5705			
1508	Vũ Thị Hoài Thương	25/08/2000	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001508	5706			
1509	Đỗ Thị Thúy	26/08/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001509	5707			
1510	Nguyễn Thị Thúy	04/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001510	5708			
1511	Trần Thị Thúy	04/02/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001511	5709			
1512	Nguyễn Thị Thùy	10/06/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001512	5710			
1513	Nguyễn Thị Tiến	21/08/2001	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001513	5711			
1514	Trương Thị Tới	04/04/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001514	5712			
1515	Đỗ Kiều Trang	06/12/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001515	5713			
1516	Lê Thị Thu Trang	05/12/2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001516	5714			
1517	Nguyễn Quỳnh Trang	10/11/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001517	5715			
1518	Nguyễn Thị Thu Trang	16/07/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001518	5716			
1519	Nguyễn Thu Trang	18/09/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001519	5717			
1520	Trần Thị Thu Trang	02/10/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001520	5718			
1521	Nguyễn Đình Trường	13/10/1999	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001521	5719			
1522	Nguyễn Xuân Trường	02/03/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001522	5720			
1523	Trương Thị Tú	23/08/2001	Nữ	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001523	5721			
1524	Nguyễn Bá Tuấn	02/05/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001524	5722			
1525	Dương Công Tuấn	17/02/2000	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001525	5723			
1526	Khuong Minh Tuấn	03/01/1998	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001526	5724			
1527	Đặng Duy Tùng	24/03/1999	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001527	5725			
1528	Hoàng Đức Tùng	05/07/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001528	5726			
1529	Dương Ngọc Tuyên	29/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001529	5727			
1530	Phạm Văn Tuyển	22/01/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001530	5728			
1531	Nguyễn Thu Uyên	22/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001531	5729			
1532	Phạm Thị Thu Uyên	28/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001532	5730			
1533	Trần Thu Uyên	21/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001533	5731			
1534	Lê Thị Vân	06/08/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001534	5732			
1535	Trần Thế Vĩ	23/01/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001535	5733			
1536	Đỗ Hải Yên	08/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001536	5734			
1537	Hà Thị Hải Yên	14/07/2000	Nữ	Thái	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001537	5735			
1538	Lê Hoàng Yên	27/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001538	5736			
1539	Lưu Thị Hải Yên	04/03/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Giỏi	A0001539	5737			
1540	Nguyễn Thị Yên	20/03/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001540	5738			
1541	Nguyễn Thị Hải Yên	16/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Xuất sắc	A0001541	5739			
1542	Bùi Thị Phương Anh	05/08/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001542	5740			
1543	Đỗ Lan Anh	23/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001543	5741			
1544	Nguyễn Ngọc Anh	15/03/2001	Nữ	Tày	Hà Giang	Hà Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001544	5742			
1545	Nguyễn Tú Anh	26/12/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001545	5743			
1546	Trần Quang Anh	28/11/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001546	5744			
1547	Lê Thị Ngọc Ánh	13/04/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001547	5745			
1548	Đỗ Đình Bảo	19/12/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001548	5746			
1549	Nguyễn Thị Bảo Châm	05/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001549	5747			
1550	Nguyễn Thế Đức	02/03/2001	Nam	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001550	5748			
1551	Đỗ Ngọc Dương	27/08/2000	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001551	5749			
1552	Nguyễn Thuỳ Dương	16/03/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001552	5750			
1553	Lục Khánh Duy	06/12/2001	Nam	Giáy	Lào Cai	Lào Cai	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Trung bình	A0001553	5751			
1554	Trương Văn Duy	13/01/2001	Nam	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001554	5752			
1555	Đặng Thị Giang	21/03/2001	Nữ	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001555	5753			
1556	Nguyễn Thị Hà Giang	01/12/2001	Nữ	Kinh	Hải Dương	Hải Dương	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001556	5754			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1557	Trần Thu Hà	19/01/2001	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001557	5755			
1558	Nguyễn Thị Hằng	02/05/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001558	5756			
1559	Phạm Thị Hậu	17/08/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001559	5757			
1560	Bùi Thanh Hoa	06/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001560	5758			
1561	Trần Thị Hoa	20/10/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Xuất sắc	A0001561	5759			
1562	Nguyễn Thị Thu Hòa	23/01/2001	Nữ	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001562	5760			
1563	Nguyễn Thị Huyền	24/06/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001563	5761			
1564	Vũ Thị Huyền	03/10/1998	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001564	5762			
1565	Nguyễn Duy Kiên	06/11/1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001565	5763			
1566	Chu Thị Lê	14/09/2000	Nữ	Kinh	Hưng Yên	Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001566	5764			
1567	Bùi Thị Linh	02/09/2001	Nữ	Mường	Hòa Bình	Hòa Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001567	5765			
1568	Bùi Thùy Linh	10/11/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001568	5766			
1569	Trần Thị Kim Loan	16/02/2001	Nữ	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001569	5767			
1570	Tiêu Thành Long	08/02/2000	Nam	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001570	5768			
1571	Nguyễn Văn Lực	30/12/2001	Nam	Nùng	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001571	5769			
1572	Nguyễn Thị Luyến	04/10/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001572	5770			
1573	Trần Thị Mai	14/03/1999	Nữ	Kinh	Tuyên Quang	Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Xuất sắc	A0001573	5771			
1574	Cao Thị Minh	10/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Xuất sắc	A0001574	5772			
1575	Lê Phú Minh	01/07/2001	Nam	Kinh	Sơn La	Sơn La	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001575	5773			
1576	Nguyễn Thị Nga	12/08/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001576	5774			
1577	Phương Thị Nguyệt	31/03/2001	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001577	5775			
1578	Trần Thị Nhân	14/11/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001578	5776			
1579	Ngô Thị Thùy Như	24/11/2001	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001579	5777			
1580	Hà Thị Hồng Nhung	18/11/2001	Nữ	Tày	Yên Bái	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001580	5778			
1581	Ngô Thị Oanh	10/11/2000	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001581	5779			
1582	Trần Thu Phương	09/10/2001	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001582	5780			
1583	Ngô Vũ Diễm Quỳnh	07/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Giang	Hà Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001583	5781			
1584	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/06/1997	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001584	5782			
1585	Mai Văn Tài	23/07/2000	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001585	5783			
1586	Lê Thị Thảo	22/01/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001586	5784			
1587	Lê Thị Thảo	18/07/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001587	5785			
1588	Nguyễn Bá Thiệu	16/06/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001588	5786			
1589	Lê Thị Thu	27/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001589	5787			
1590	Nguyễn Xuân Thương	13/01/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001590	5788			
1591	Trình Thị Phương Thúy	18/12/2001	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001591	5789			
1592	Nguyễn Thanh Thủy	25/06/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001592	5790			
1593	Văn Tài Thủy	14/09/2000	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Trung bình	A0001593	5791			
1594	Nguyễn Thị Thủy Trang	02/05/2001	Nữ	Kinh	Bình Dương	Bình Dương	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001594	5792			
1595	Trịnh Thị Thu Trang	05/09/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001595	5793			
1596	Vũ Hương Trang	02/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Giỏi	A0001596	5794			
1597	Lê Minh Tuấn	01/11/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Trung bình	A0001597	5795			
1598	Vũ Đình Tuấn	14/10/2000	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001598	5796			
1599	Phạm Thị Uyên	04/01/2000	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001599	5797			
1600	Đình Thị Phi Yến	21/04/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001600	5798			
1601	Trần Minh An	10/07/1999	Nữ	Kinh	Hà Nam	Hà Nam	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001601	5799			
1602	Nguyễn Kim Ân	22/07/2000	Nữ	Kinh	Nam Định	Nam Định	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001602	5800			
1603	Lường Ngọc Ánh	03/10/2001	Nữ	Thái	Hòa Bình	Hòa Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001603	5801			
1604	Ngô Thị Kim Ánh	30/11/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001604	5802			
1605	Đình Thị Bình	18/02/2000	Nữ	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001605	5803			
1606	Phan Bình Dương	11/02/2001	Nam	Kinh	Sơn La	Sơn La	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001606	5804			
1607	Nguyễn Thị Thu Hà	26/04/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001607	5805			
1608	Vàng Việt Hà	27/07/2000	Nữ	Hà Nhì	Điện Biên	Điện Biên	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001608	5806			
1609	Hoàng Thị Thu Hằng	27/03/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001609	5807			
1610	Nguyễn Thị Hanh	05/06/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001610	5808			
1611	Nguyễn Thị Hoan	04/11/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001611	5809			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1612	Nguyễn Thị Thu Hương	31/12/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001612	5810			
1613	Nguyễn Thu Hương	03/11/2000	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001613	5811			
1614	Ngô Thị Thu Huyền	13/07/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001614	5812			
1615	Trần Thanh Huyền	02/10/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001615	5813			
1616	Trần Thị Thanh Huyền	19/05/2000	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001616	5814			
1617	Nguyễn Thị Khuyên	30/04/2001	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bắc Ninh	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001617	5815			
1618	Nguyễn Văn Kỳ	19/05/1999	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001618	5816			
1619	Nguyễn Thị Kim Liên	17/06/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001619	5817			
1620	Nguyễn Thị Liễu	13/02/2001	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001620	5818			
1621	Hoàng Thị Ngọc Linh	29/11/2001	Nữ	Thái	Yên Bái	Yên Bái	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001621	5819			
1622	Lê Thị Linh	07/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001622	5820			
1623	Nguyễn Thị Nga	18/03/1998	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001623	5821			
1624	Phan Thị Phương Nga	26/07/1999	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001624	5822			
1625	Trần Thị Nga	12/01/2001	Nữ	Sán Dìu	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001625	5823			
1626	Tạ Thị Hồng Nhung	24/06/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001626	5824			
1627	Đặng Hồng Phương	05/09/2001	Nữ	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001627	5825			
1628	Nguyễn Thị Lan Phương	17/12/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001628	5826			
1629	Phạm Thu Phương	28/01/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001629	5827			
1630	Nguyễn Duy Quang	14/02/2001	Nam	Kinh	Hà Nội	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001630	5828			
1631	Nguyễn Thị Thanh	28/08/2001	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001631	5829			
1632	Vương Hải Thanh	21/05/2000	Nam	Kinh	Quảng Ninh	Quảng Ninh	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001632	5830			
1633	Ngô Ngọc Thành	04/11/2001	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001633	5831			
1634	Chu Thanh Thảo	08/06/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001634	5832			
1635	Nguyễn Phương Thảo	17/09/2001	Nữ	Kinh	Bắc Giang	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001635	5833			
1636	Trần Thị Thêu	04/01/2000	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001636	5834			
1637	Mai Thị Thoa	16/12/2001	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001637	5835			
1638	Vũ Thị Thu	18/06/2001	Nữ	Kinh	Yên Bái	Yên Bái	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001638	5836			
1639	Nguyễn Thị Thùy	30/04/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001639	5837			
1640	Nguyễn Quỳnh Trang	26/09/2001	Nữ	Kinh	Gia Lai	Gia Lai	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001640	5838			
1641	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/10/2001	Nữ	Kinh	Hòa Bình	Hòa Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001641	5839			
1642	Đỗ Xuân Trường	04/06/2001	Nam	Kinh	Phú Thọ	Phú Thọ	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001642	5840			
1643	Nguyễn Thị Hồng Tươi	20/01/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001643	5841			
1644	Trần Văn Tuyền	26/02/1997	Nam	Kinh	Nam Định	Nam Định	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001644	5842			
1645	Ngô Thị Vân	08/02/2001	Nữ	Kinh	Thái Bình	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Giỏi	A0001645	5843			
1646	Vũ Thị Vân	16/09/2001	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nghệ An	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001646	5844			
1647	Lương Thị Xuân	27/10/1999	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001647	5845			
1648	Nguyễn Thị Yên	16/10/2001	Nữ	Kinh	Điện Biên	Điện Biên	Tiếng Anh	nt	2022	Trung bình	A0001648	5846			
1649	Phạm Thị Thu Hương	17/01/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	691/QĐ-TMDL ngày 29/12/2022	2022	Khá	A0001649	5847			
1650	Nguyễn Thành Đạt	14/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001650	5848			
1651	Nguyễn Huy Hoàng	25/01/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001651	5849			
1652	Đỗ Như Lộc	28/02/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001652	5850			
1653	Lê Minh Phúc	19/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001653	5851			
1654	Trịnh Công Sơn	03/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001654	5852			
1655	Đặng Văn Toàn	01/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001655	5853			
1656	Trần Nguyễn Phúc Hà Uyên	19/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2022	Khá	A0001656	5854			
1657	Nguyễn Thị Châm	15/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001657	5855			
1658	Vì Tiến Đạt	10/07/2001	Nam	Tày	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001658	5856			
1659	Trần Ngọc Học	11/03/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001659	5857			
1660	Đỗ Thị Kim Ngân	02/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001660	5858			
1661	Nguyễn Minh Nguyệt	31/08/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001661	5859			
1662	Lê Văn Tuấn Anh	14/11/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	691/QĐ-TMDL ngày 29/12/2022	2022	Khá	A0001662	5860			
1663	Nguyễn Minh Chiến	03/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001663	5861			
1664	Tạ Kim Đại	04/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001664	5862			
1665	Trần Việt Trung	06/12/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001665	5863			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
1666	Nguyễn Hoàng Tùng	05/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001666	5864			
1667	Nguyễn Văn Đạt	02/03/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001667	5865			
1668	Trần Thị Giang	06/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001668	5866			
1669	Trần Thị Hường	26/12/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001669	5867			
1670	Trần Bảo Lộc	20/01/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001670	5868			
1671	Nguyễn Duy Anh	27/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001671	5869			
1672	Nguyễn Lan Anh	13/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001672	5870			
1673	Trần Thị Lan Hương	12/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001673	5871			
1674	Hồ Thị Hải Yến	24/07/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Tiếng Anh	nt	2022	Khá	A0001674	5872			
1675	Phùng Thị Hương	20/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2022	Trung bình	A0001675	5873			
1676	Lê Thị Bảo Thư	03/05/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Trung bình	A0001676	5874			
1677	Trần Thị Hường	01/08/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001677	5875			
1678	Bùi Thị Vy	20/04/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2022	Khá	A0001678	5876			
1679	Nguyễn Thị Hương Sơn	10/01/1996	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2022	Khá	A0001679	5877			
1680	Huỳnh Tiến Đạt	04/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2022	Khá	A0001680	5878			
1	Lê Thị Mai Anh	25/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	174/QĐ-TMDL ngày 30/05/2023	2023	Giỏi	A0001681	5879			
2	Nguyễn Phương Anh	02/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001682	5880			
3	Bùi Thị Cúc	11/07/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001683	5881			
4	Nguyễn Thị Cúc	01/04/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001684	5882			
5	Nguyễn Thị Thùy Dung	26/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001685	5883			
6	Lê Thanh Hằng	03/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001686	5884			
7	Nguyễn Thị Hiền	01/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001687	5885			
8	Đinh Thúy Hiệp	10/11/2001	Nữ	Mường	Việt Nam	Sơn La	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001688	5886			
9	Nguyễn Thị Thu Hòa	26/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001689	5887			
10	Nguyễn Thu Hoài	18/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001690	5888			
11	Nguyễn Thị Hồng	25/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001691	5889			
12	Nguyễn Thị Hương	24/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001692	5890			
13	Phạm Thị Hương	20/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001693	5891			
14	Hoàng Thu Hường	28/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001694	5892			
15	Chu Khánh Huyền	08/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001695	5893			
16	Đinh Thị Lan	29/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001696	5894			
17	Nguyễn Thị Luyến	29/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001697	5895			
18	Đào Thị Mến	15/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001698	5896			
19	Nguyễn Thị Hồng Na	10/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001699	5897			
20	Đinh Thị Hoài Ngọc	14/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001700	5898			
21	Ngô Thị Oanh	16/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001701	5899			
22	Vũ Thị Lan Phượng	27/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001702	5900			
23	Trần Thị Quỳnh	24/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001703	5901			
24	Nguyễn Thị Thanh	13/01/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001704	5902			
25	Nguyễn Ngọc Thành	21/08/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001705	5903			
26	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/01/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001706	5904			
27	Nguyễn Thị Thu	05/07/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001707	5905			
28	Nguyễn Thị Biên Thùy	10/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001708	5906			
29	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001709	5907			
30	Tạ Thu Trang	06/08/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001710	5908			
31	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	17/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001711	5909			
32	Nguyễn Thị Minh Tuyết	20/11/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001712	5910			
33	Đinh Thị Xuyến	25/02/1999	Nữ	Tây	Việt Nam	Tuyên Quang	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001713	5911			
34	Trần Thị Hồng Yến	21/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001714	5912			
35	Phạm Thị Ánh	04/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001715	5913			
36	Bùi Thị Linh Chi	26/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001716	5914			
37	Trần Thị Linh Chi	10/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001717	5915			
38	Cù Thị Diệp	16/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001718	5916			
39	Nguyễn Thùy Dương	31/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001719	5917			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
40	Phạm Thị Thúy Hà	08/10/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001720	5918			
41	Nguyễn Thị Hậu	09/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001721	5919			
42	Tạ Thị Hương	14/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001722	5920			
43	Mai Thị Lan	15/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001723	5921			
44	Nguyễn Thị Khánh Linh	02/02/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001724	5922			
45	Nguyễn Thị Ngọc Linh	24/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001725	5923			
46	Đinh Thị Tố Nga	11/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001726	5924			
47	Nguyễn Thanh Nga	17/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001727	5925			
48	Nguyễn Thị Thúy Nga	19/02/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001728	5926			
49	Hà Thị Ngọc	19/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001729	5927			
50	Nguyễn Yến Ngọc	04/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001730	5928			
51	Vũ Ánh Ngọc	21/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001731	5929			
52	Lưu Thị Kiều Oanh	29/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001732	5930			
53	Huỳnh Thu Phương	11/07/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001733	5931			
54	Nguyễn Thị Thảo	18/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001734	5932			
55	Nguyễn Thị Mỹ Thảo	01/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001735	5933			
56	Tô Thị Hương Thảo	25/02/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001736	5934			
57	Đặng Thị Thanh Thùy	02/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001737	5935			
58	Nguyễn Thị Thanh Thùy	20/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001738	5936			
59	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001739	5937			
60	Phan Thị Trang	09/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001740	5938			
61	Trần Thị Hoài Trang	17/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001741	5939			
62	Nguyễn Thị Tuyết	19/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001742	5940			
63	Đoàn Mai Anh	31/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001743	5941			
64	Nguyễn Lan Anh	27/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001744	5942			
65	Nguyễn Phương Anh	11/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001745	5943			
66	Nguyễn Thùy Anh	06/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001746	5944			
67	Đỗ Thị Ánh	17/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001747	5945			
68	Nguyễn Thị Kim Chi	01/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001748	5946			
69	Giang Thị Anh Đào	11/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001749	5947			
70	Lê Thị Diệu	23/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001750	5948			
71	Vũ Thị Quỳnh Hoa	28/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001751	5949			
72	Chu Thị Huê	27/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001752	5950			
73	Nguyễn Thị Là	12/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001753	5951			
74	Vương Hương Lan	28/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001754	5952			
75	Vương Thị Lan	13/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001755	5953			
76	Nguyễn Thùy Linh	11/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001756	5954			
77	Hoàng Thị Loan	31/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001757	5955			
78	Lê Thị Thúy Loan	23/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Khá	A0001758	5956			
79	Lê Phương Mai	05/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001759	5957			
80	Nguyễn Thị Ngát	17/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001760	5958			
81	Trịnh Hoài Ngọc	13/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001761	5959			
82	Nguyễn Thị Nhài	29/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001762	5960			
83	Nguyễn Viêt Minh Phương	12/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001763	5961			
84	Vũ Thị Phương	08/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001764	5962			
85	Lê Thị Quỳnh	03/01/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Xuất sắc	A0001765	5963			
86	Đào Thị Thu Thảo	10/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001766	5964			
87	Ngô Thị Thùy Trang	21/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kế toán	nt	2023	Giỏi	A0001767	5965			
88	Nguyễn Duy Anh	18/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001768	5966			
89	Hoàng Văn Biển	29/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001769	5967			
90	Mai Thị Lan Chi	24/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001770	5968			
91	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	16/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001771	5969			
92	Hà Mạnh Cường	05/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Liên Bang Nga	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001772	5970			
93	Đào Tuấn Đạt	02/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001773	5971			
94	Bùi Thị Duyên	14/09/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001774	5972			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
95	Nguyễn Thị Thu Hà	21/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Gia Lai	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001775	5973			
96	Lý Văn Hải	07/05/2002	Nam	Tây	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001776	5974			
97	Nguyễn Văn Hoàn	06/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001777	5975			
98	Nguyễn Thị Huyền	01/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001778	5976			
99	Hoàng Đức Lương	01/01/2000	Nam	Tày	Việt Nam	Bắc Kạn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001779	5977			
100	Trương Văn Lưu	31/01/2002	Nam	Sán Dìu	Việt Nam	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001780	5978			
101	Phạm Văn Mạnh	18/10/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001781	5979			
102	Vũ Văn Mạnh	29/03/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001782	5980			
103	Đào Khắc Minh	04/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001783	5981			
104	Nguyễn Bá Nam	05/06/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001784	5982			
105	Bùi Kiên Quyết	18/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001785	5983			
106	Trần Đức Quỳnh	22/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001786	5984			
107	Trần Việt Tài	17/04/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001787	5985			
108	Nguyễn Đức Thắng	24/02/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001788	5986			
109	Nguyễn Văn Trinh	08/06/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001789	5987			
110	Nguyễn Văn Trọng	12/04/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001790	5988			
111	Trịnh Thị Thanh Vân	14/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001791	5989			
112	Khuất Hoàng An	05/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001792	5990			
113	Trịnh Thị Kim Anh	06/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Điện Biên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001793	5991			
114	Nguyễn Văn Đạt	04/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001794	5992			
115	Nguyễn Tiến Đông	20/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001795	5993			
116	Mai Văn Hà	06/07/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001796	5994			
117	Trần Trọng Hải	21/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001797	5995			
118	Trần Thị Hào	11/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001798	5996			
119	Nguyễn Minh Hiếu	18/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001799	5997			
120	Trần Việt Hoàng	13/03/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001800	5998			
121	Vũ Mạnh Hùng	25/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001801	5999			
122	Lê Thị Hường	08/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001802	6000			
123	Bạch Đình Lâm	09/12/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001803	6001			
124	Nguyễn Văn Linh	17/06/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001804	6002			
125	Đinh Văn Long	22/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Trung bình	A0001805	6003			
126	Đặng Thanh Mai	15/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001806	6004			
127	Nguyễn Văn Mạnh	24/09/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001807	6005			
128	Vũ Văn Nam	25/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001808	6006			
129	Nguyễn Quang Phong	29/09/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001809	6007			
130	Đặng Thị Minh Phương	18/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001810	6008			
131	Phan Thị Kim Phương	01/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001811	6009			
132	Trần Văn Sỹ	18/10/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001812	6010			
133	Lò Mạnh Tân	19/05/2002	Nam	Thái	Việt Nam	Sơn La	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001813	6011			
134	Nông Thị Thịnh	05/05/2002	Nữ	Tày	Việt Nam	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001814	6012			
135	Lã Mạnh Tùng	01/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001815	6013			
136	Lê Thanh Tùng	21/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001816	6014			
137	Kiều Thị Hà Vi	20/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001817	6015			
138	Ngô Đức Chính	19/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001818	6016			
139	Đậu Văn Cương	05/03/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001819	6017			
140	Nguyễn Việt Dũng	08/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001820	6018			
141	Đặng Đình Dương	23/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001821	6019			
142	Bùi Hoàng Duy	17/03/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001822	6020			
143	Nguyễn Minh Hiếu	08/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001823	6021			
144	Đặng Thị Huệ	07/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001824	6022			
145	Vũ Thị Lan Hương	25/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001825	6023			
146	Bùi Quang Huy	16/10/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001826	6024			
147	Nông Trần Bảo Linh	02/01/2002	Nam	Tày	Việt Nam	Cao Bằng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001827	6025			
148	Nguyễn Thành Lợi	16/05/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001828	6026			
149	Ma Quang Mạnh	10/04/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001829	6027			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
150	Nguyễn Hà Minh	24/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001830	6028			
151	Nguyễn Văn Phúc	01/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001831	6029			
152	Nguyễn Văn Phương	26/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001832	6030			
153	Trần Ngọc Thắm	30/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001833	6031			
154	Nguyễn Thị Thu Trang	05/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001834	6032			
155	Bàn Quốc Tuấn	28/03/2002	Nam	Dao	Việt Nam	Bắc Kạn	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001835	6033			
156	Phạm Minh Tuấn	22/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001836	6034			
157	Nguyễn Thanh Tùng	23/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001837	6035			
158	Vương Hồng Vân	19/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001838	6036			
159	Trần Đức Anh	20/05/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001839	6037			
160	Trần Tuấn Anh	13/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001840	6038			
161	Phan Tiến Đạt	13/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001841	6039			
162	Vũ Tiến Đạt	02/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001842	6040			
163	Lê Khắc Điệp	05/05/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001843	6041			
164	Phạm Đình Đồng	24/07/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001844	6042			
165	Đinh Thị Dung	28/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001845	6043			
166	Vũ Minh Dũng	17/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001846	6044			
167	Mai Thanh Hiếu	20/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001847	6045			
168	Nguyễn Văn Hoàng	12/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001848	6046			
169	Đỗ Xuân Hoạt	13/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001849	6047			
170	Ngô Tứ Hùng	05/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001850	6048			
171	Lưu Mạnh Huy	22/06/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001851	6049			
172	Nguyễn Trần Kiên	20/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0001852	6050			
173	Lê Nguyễn Nhật Linh	05/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001853	6051			
174	Nguyễn Thị Hiền Lương	05/12/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Xuất sắc	A0001854	6052			
175	Nguyễn Trí Tiếp	25/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001855	6053			
176	Phạm Hữu Tuấn	26/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Giỏi	A0001856	6054			
177	Hà Thị Kim Anh	14/04/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001857	6055			
178	Phan Thục Anh	22/07/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001858	6056			
179	Vũ Thị Lan Anh	27/01/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001859	6057			
180	Cần Thị Anh Chi	21/10/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001860	6058			
181	Nguyễn Văn Giang	09/04/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001861	6059			
182	Nguyễn Minh Hiếu	15/05/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001862	6060			
183	Tổng Thị Hoa	03/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001863	6061			
184	Nguyễn Thị Huệ	28/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001864	6062			
185	Đặng Thị Thúy Hường	05/05/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001865	6063			
186	Nguyễn Thị Thanh Hường	10/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001866	6064			
187	Chữ Duy Khánh	15/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001867	6065			
188	Trần Bảo Lâm	06/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001868	6066			
189	Trần Thị Lan	10/03/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001869	6067			
190	Hoàng Thị Khánh Linh	28/04/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001870	6068			
191	Trần Diệu Linh	21/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001871	6069			
192	Phạm Thị Lượng	20/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001872	6070			
193	Lò Lữ Mấy	06/09/2002	Nữ	Dao	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001873	6071			
194	Công Thị Trà Mi	30/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001874	6072			
195	Lưu Vũ Mộc Miên	21/05/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001875	6073			
196	Phạm Thị Ngọc	17/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001876	6074			
197	Vũ Thị Hải Nhi	18/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001877	6075			
198	Lục Thị Niên	11/05/2002	Nữ	Giáy	Việt Nam	Hà Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001878	6076			
199	Nguyễn Thúy Nụ	14/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001879	6077			
200	Trần Hoài Phương	15/04/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001880	6078			
201	Đỗ Thị Quyên	05/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001881	6079			
202	Đỗ Thị Quỳnh	19/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Sơn La	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001882	6080			
203	Lê Như Quỳnh	29/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001883	6081			
204	Lý Ngọc Quỳnh	09/12/2002	Nữ	Giáy	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001884	6082			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
205	Lù Thị Hồng Thắm	29/06/2001	Nữ	Giấy	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001885	6083			
206	Trịnh Quốc Thắng	19/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001886	6084			
207	Đào Thị Thoa	21/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001887	6085			
208	Nguyễn Quảng Tuệ	17/10/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001888	6086			
209	Đinh Thanh Tuyền	04/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001889	6087			
210	Đinh Thị Như Vân	20/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001890	6088			
211	Tăng Trường Vũ	01/05/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001891	6089			
212	Nguyễn Thị Yển	14/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001892	6090			
213	Đinh Thế Anh	05/07/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001893	6091			
214	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001894	6092			
215	Trần Thị Ánh	26/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001895	6093			
216	Vũ Đặng Hải Đăng	12/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001896	6094			
217	Vũ Bá Đạt	09/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001897	6095			
218	Phan Ngọc Đức	10/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001898	6096			
219	Tạ Thùy Dung	05/12/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001899	6097			
220	Đinh Văn Dũng	22/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Lâm Đồng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001900	6098			
221	Nguyễn Bích Hiền	26/05/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001901	6099			
222	Lý Thị Hoài	05/11/2002	Nữ	Nùng	Việt Nam	Lạng Sơn	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001902	6100			
223	Đặng Đình Hùng	03/07/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001903	6101			
224	Phạm Thị Thúy Hương	03/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001904	6102			
225	Lê Thị Thu Huyền	23/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001905	6103			
226	Vũ Thị Liên	18/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001906	6104			
227	Đinh Đức Long	29/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001907	6105			
228	Vũ Thị Thanh Mai	26/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001908	6106			
229	Trần Gia Mạnh	20/05/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001909	6107			
230	Nguyễn Thị Nga	27/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001910	6108			
231	Phạm Tuấn Nghĩa	26/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001911	6109			
232	Chu Thị Nhấn	04/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001912	6110			
233	Ngô Thị Hồng Nhung	01/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001913	6111			
234	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001914	6112			
235	Dương Thị Phùng	08/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001915	6113			
236	Đỗ Thị Phương	16/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001916	6114			
237	Vũ Minh Phương	16/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001917	6115			
238	Tổng Đức Quân	22/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001918	6116			
239	Thiều Thị Hồng Tâm	08/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001919	6117			
240	Trần Thị Thanh Tâm	06/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001920	6118			
241	Đinh Thị Kiều Thoa	14/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001921	6119			
242	Tạ Thị Toan	27/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001922	6120			
243	Hoàng Thị Thu Trang	03/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001923	6121			
244	Nguyễn Quang Trung	22/06/2002	Nam	Cao Lan	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001924	6122			
245	Chu Thị Lan Anh	14/02/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001925	6123			
246	Hoàng Thị Hồng Anh	17/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001926	6124			
247	Trần Đức Anh	03/10/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001927	6125			
248	Phùng Văn Đông	02/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001928	6126			
249	Vương Xuân Hiền	09/01/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001929	6127			
250	Lê Hương Ly	19/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0001930	6128			
251	Đỗ Hà My	13/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001931	6129			
252	Trần Thị Kim Oanh	14/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001932	6130			
253	Đỗ Huyền Trang	23/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001933	6131			
254	Vũ Thị Trang	19/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001934	6132			
255	Vũ Thị Trang	02/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Xuất sắc	A0001935	6133			
256	Nguyễn Hữu Vương	27/05/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	A0001936	6134			
257	Trần Nguyệt Anh	10/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001937	6135			
258	Nguyễn Minh Ánh	27/07/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001938	6136			
259	Vũ Duy Cường	27/04/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001939	6137			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
260	Phùng Thị Định	01/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001940	6138			
261	Triệu Thị Khánh Dung	10/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001941	6139			
262	Lê Thị Hà	19/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001942	6140			
263	Phùng Thị Hằng	13/06/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001943	6141			
264	Nguyễn Thu Hiền	08/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001944	6142			
265	Ma Thị Hương	03/10/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001945	6143			
266	Phạm Thu Hương	20/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001946	6144			
267	Bùi Ngọc Huyền	28/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001947	6145			
268	Vũ Thị Thu Huyền	29/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001948	6146			
269	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	25/02/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001949	6147			
270	Bùi Văn Long	31/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001950	6148			
271	Phan Lạc Long	02/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001951	6149			
272	Nguyễn Phương Mai	25/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001952	6150			
273	Hoàng Xuân Nam	11/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001953	6151			
274	Nguyễn Đình Nam	24/06/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001954	6152			
275	Bùi Thị Kim Oanh	12/08/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001955	6153			
276	Nguyễn Thị Kim Oanh	11/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001956	6154			
277	Hà Lan Phương	09/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001957	6155			
278	Vũ Đức Tài	11/04/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Phòng	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001958	6156			
279	Nguyễn Đức Thành	21/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001959	6157			
280	Hoàng Thị Trang	09/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001960	6158			
281	Đoàn Văn Tú	15/12/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001961	6159			
282	Trần Thị Cẩm Vân	27/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001962	6160			
283	Nguyễn Thị Hải Yến	26/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001963	6161			
284	Đinh Thị Lan Anh	05/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001964	6162			
285	Nguyễn Trúc Anh	24/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001965	6163			
286	Lương Thị Ngọc Ánh	19/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001966	6164			
287	Nguyễn Thị Bằng	07/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001967	6165			
288	Lê Thị Châm	11/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001968	6166			
289	Nguyễn Thị Chúc	21/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001969	6167			
290	Lê Văn Đạt	18/06/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001970	6168			
291	Nguyễn Thị Quỳnh Diễm	05/01/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001971	6169			
292	Hoàng Minh Đức	13/06/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001972	6170			
293	Trần Ngô Lâm Hà	20/12/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001973	6171			
294	Trần Thu Hằng	24/01/2002	Nữ	Tày	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001974	6172			
295	Đậu Thị Hiền	15/11/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001975	6173			
296	Nguyễn Thị Hòa	25/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001976	6174			
297	Nguyễn Thị Khánh Hòa	27/07/2002	Nữ	Nùng	Việt Nam	Cao Bằng	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001977	6175			
298	Quách Thị Hoài	10/10/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001978	6176			
299	Nguyễn Thị Hồng Huế	17/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001979	6177			
300	Bùi Thị Hương	05/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001980	6178			
301	Phan Thanh Huyền	15/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001981	6179			
302	Phùng Thị Thu Huyền	15/10/2000	Nữ	Tày	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001982	6180			
303	Trương Thị Huyền	10/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001983	6181			
304	Trần Trọng Khiêm	25/07/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001984	6182			
305	Lê Văn Khởi	05/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001985	6183			
306	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001986	6184			
307	Hà Thị Luyến	02/06/2000	Nữ	Mường	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0001987	6185			
308	Nguyễn Thị Cẩm Ly	18/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001988	6186			
309	Nguyễn Văn Mạnh	24/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001989	6187			
310	Sùng Thị Mị	05/01/2002	Nữ	H'mong	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0001990	6188			
311	Trần Thị Hoài Ngọc	01/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001991	6189			
312	Đặng Thị Nhi	29/04/2001	Nữ	Dao	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001992	6190			
313	Nguyễn Như Phương	16/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001993	6191			
314	Vũ Thị Thu Thảo	20/01/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001994	6192			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
315	Trần Hoài Thu	03/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001995	6193			
316	Hồ Thị Hoài Thương	14/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001996	6194			
317	Trần Thị Thúy	02/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001997	6195			
318	Nguyễn Thị Thuyết	28/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001998	6196			
319	Nguyễn Thu Trà	25/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0001999	6197			
320	Cáp Thị Thùy Trang	09/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002000	6198			
321	Nguyễn Thị Trang	11/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002001	6199			
322	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002002	6200			
323	Nguyễn Quốc Anh	15/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0002003	6201			
324	Đỗ Tiểu Băng	13/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002004	6202			
325	Nguyễn Hữu Đông	10/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002005	6203			
326	Phạm Thị Thu Hà	24/03/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0002006	6204			
327	Nguyễn Thị Hằng	21/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002007	6205			
328	Hà Phương Hảo	28/07/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0002008	6206			
329	Lê Thị Hoàn	10/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002009	6207			
330	Đoàn Thị Hương	22/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0002010	6208			
331	Nguyễn Hồng Hương	02/08/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002011	6209			
332	Trần Thu Hương	02/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002012	6210			
333	Lê Thị Thúy Hường	06/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002013	6211			
334	Đỗ Thành Khanh	28/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002014	6212			
335	Chu Thị Linh	15/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002015	6213			
336	Đặng Mai Linh	30/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002016	6214			
337	Nguyễn Thị Bằng Linh	15/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002017	6215			
338	Bùi Thị Ngọc Mai	01/05/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002018	6216			
339	Nguyễn Tuấn Minh	07/01/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002019	6217			
340	Nguyễn Thị Trà My	02/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002020	6218			
341	Lục Thị Kim Nhung	24/02/2002	Nữ	Nùng	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002021	6219			
342	Đinh Thị Phương	13/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002022	6220			
343	Nguyễn Thị Thu Phương	30/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002023	6221			
344	Hoàng Thị Phụng	01/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002024	6222			
345	Bùi Thanh Sơn	14/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002025	6223			
346	Đỗ Mạnh Thắng	04/07/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002026	6224			
347	Trần Việt Thắng	03/10/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002027	6225			
348	Đinh Thị Thùy	07/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002028	6226			
349	Nguyễn Thu Thùy	10/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002029	6227			
350	Vũ Thu Thủy	04/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002030	6228			
351	Hoàng Thị Huyền Trang	27/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002031	6229			
352	Nguyễn Thị Trang	10/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002032	6230			
353	Vi Thị Huyền Trang	22/01/2002	Nữ	Hoa	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị khách sạn	nt	2023	Giỏi	A0002033	6231			
354	Nghiêm Thị Vẽ	06/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	A0002034	6232			
355	Nguyễn Thảo Vy	14/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Xuất sắc	A0002035	6233			
356	Chữ Việt Anh	30/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002036	6234			
357	Nguyễn Thị Vân Anh	11/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002037	6235			
358	Nguyễn Văn Chiến	01/12/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002038	6236			
359	Nguyễn Văn Đức	03/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002039	6237			
360	Hà Kim Dung	16/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002040	6238			
361	Lê Thị Thùy Dương	04/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002041	6239			
362	Nguyễn Thị Trà Giang	18/12/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002042	6240			
363	Nguyễn Thị Ngọc Hân	07/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002043	6241			
364	Hoàng Thị Hạnh	26/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002044	6242			
365	Trần Thị Hạnh	14/04/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002045	6243			
366	Trương Thị Hạnh	06/07/1999	Nữ	Tày	Việt Nam	Lạng Sơn	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002046	6244			
367	Nguyễn Thị Hiền	21/04/1996	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002047	6245			
368	Nguyễn Thị Thanh Hiền	05/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002048	6246			
369	Lê Thị Hoa	06/08/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002049	6247			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
370	Đỗ Ngọc Hoàng	18/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002050	6248			
371	Hoàng Thu Hương	22/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002051	6249			
372	Lê Thị Ngọc Lan	12/11/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002052	6250			
373	Trần Tiểu Long	22/07/1996	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002053	6251			
374	Nguyễn Hoàng Nam	11/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002054	6252			
375	Lê Minh Phú	18/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002055	6253			
376	Dương Thị Phương	06/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002056	6254			
377	Nguyễn Thị Phụng	28/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002057	6255			
378	Trương Văn Sơn	18/10/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002058	6256			
379	Nguyễn Trường Tam	07/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002059	6257			
380	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002060	6258			
381	Nguyễn Thị Thanh Thảo	23/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002061	6259			
382	Lê Thị Thoa	18/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002062	6260			
383	Trần Hoài Thương	26/01/2001	Nữ	Sán Chi	Việt Nam	Bắc Kạn	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002063	6261			
384	Nguyễn Thị Thanh Thúy	29/10/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002064	6262			
385	Trần Thúy Thúy	26/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002065	6263			
386	Nguyễn Thị Tinh	26/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002066	6264			
387	Bùi Thu Trang	08/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002067	6265			
388	Nguyễn Thị Thu Trang	24/07/1995	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002068	6266			
389	Nguyễn Thùy Trang	22/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002069	6267			
390	Nguyễn Phương Uyên	17/05/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002070	6268			
391	Mai Thái Hoàng Vinh Xuân	19/02/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002071	6269			
392	Đoàn Thị Ngọc Anh	15/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Đắk Lắk	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002072	6270			
393	Trịnh Thị Anh	06/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002073	6271			
394	Trịnh Thị Ngọc Anh	13/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002074	6272			
395	Phạm Thị Ngọc Ánh	17/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002075	6273			
396	Quách Thị Ngọc Ánh	25/12/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002076	6274			
397	Lý Diệu Chi	20/10/2002	Nữ	Tày	Việt Nam	Hà Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002077	6275			
398	Nguyễn Thị Huyền Diệu	12/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Lâm Đồng	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002078	6276			
399	Đặng Đình Đức	14/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hòa Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002079	6277			
400	Nguyễn Hữu Đức	07/04/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002080	6278			
401	Ôn Trường Giang	11/06/1999	Nữ	Nùng	Việt Nam	Cao Bằng	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002081	6279			
402	Nguyễn Thị Hòa	13/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002082	6280			
403	Trần Thị Minh Hòa	13/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002083	6281			
404	Bùi Thị Hồng	25/08/2000	Nữ	Mường	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002084	6282			
405	Nguyễn Diệu Hương	21/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tuyên Quang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002085	6283			
406	Đỗ Thị Hường	29/05/1998	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002086	6284			
407	Đỗ Văn Huy	17/06/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002087	6285			
408	Phạm Nguyễn Khánh Huyền	28/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002088	6286			
409	Phạm Hương Linh	22/10/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002089	6287			
410	Hà Thị Hồng Loan	17/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002090	6288			
411	Phạm Đức Mạnh	08/12/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002091	6289			
412	Đào Thị Nga	20/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002092	6290			
413	Trần Thị Hồng Nhung	22/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002093	6291			
414	Trần Thị Oanh	07/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002094	6292			
415	Lê Thị Thao	18/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002095	6293			
416	Vũ Thị Phương Thảo	15/01/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002096	6294			
417	Nguyễn Thị Thương	19/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002097	6295			
418	Nguyễn Thị Thương	12/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002098	6296			
419	Phạm Thị Thúy	23/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002099	6297			
420	Trần Thị Ngọc Thúy	30/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002100	6298			
421	Đỗ Kiều Trang	04/02/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002101	6299			
422	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002102	6300			
423	Lê Ngọc Tú	18/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002103	6301			
424	Nguyễn Anh Tú	09/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002104	6302			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghề nghiệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
425	Vương Quốc Văn	31/01/1999	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002105	6303			
426	Đỗ Phương Anh	10/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Trung bình	A0002106	6304			
427	Dương Thị Kim Ánh	15/01/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002107	6305			
428	Lê Xuân Bắc	28/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002108	6306			
429	Tạ Linh Chi	23/11/2002	Nữ	Mường	Việt Nam	Ninh Bình	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002109	6307			
430	Nguyễn Thành Đạt	03/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002110	6308			
431	Nguyễn Thị Diễm	30/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002111	6309			
432	Doãn Thị Hồng Điệp	28/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002112	6310			
433	Bùi Thị Dương	30/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002113	6311			
434	Nguyễn Thị Hạnh	27/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002114	6312			
435	Đinh Thị Phương Huế	08/12/2001	Nữ	Mường	Việt Nam	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002115	6313			
436	Nguyễn Văn Hùng	01/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002116	6314			
437	Hà Thị Lệ	29/08/2002	Nữ	Tày	Việt Nam	Thái Nguyên	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002117	6315			
438	Lê Thị Thùy Linh	09/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002118	6316			
439	Trịnh Hoàng Mai	10/03/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002119	6317			
440	Đặng Thị An Na	23/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002120	6318			
441	Phùng Thị Kim Oanh	04/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002121	6319			
442	Đỗ Tiến Sĩ	30/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002122	6320			
443	Tạ Văn Thắng	04/07/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002123	6321			
444	Ngô Thị Thu	20/06/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002124	6322			
445	Âu Thị Thư	02/02/2002	Nữ	Nùng	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002125	6323			
446	Nguyễn Thị Kiều Trang	25/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002126	6324			
447	Dương Thị Tuyết	15/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Xuất sắc	A0002127	6325			
448	Nguyễn Thị Vân	03/04/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Giỏi	A0002128	6326			
449	Lê Thị Ngọc Anh	30/09/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002129	6327			
450	Nguyễn Thị Mai Anh	07/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002130	6328			
451	Nguyễn Quang Thành Đức	16/07/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002131	6329			
452	Nguyễn Thị Hằng	11/12/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002132	6330			
453	Trần Minh Hòa	24/04/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002133	6331			
454	Nguyễn Thị Hồng	17/12/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Giỏi	A0002134	6332			
455	Nguyễn Thị Mai Hương	01/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002135	6333			
456	Trần Đức Huy	30/08/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002136	6334			
457	Chu Thị Huyền	11/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	nt	2023	Giỏi	A0002137	6335			
458	Nguyễn Thị Huyền	19/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Tiếng Anh	nt	2023	Giỏi	A0002138	6336			
459	Nguyễn Thị Lâm	18/07/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002139	6337			
460	Bùi Thị Khánh Ly	07/09/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Tiếng Anh	nt	2023	Xuất sắc	A0002140	6338			
461	Nguyễn Khánh Ngọc	10/12/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002141	6339			
462	Nguyễn Thị Ngọc	15/06/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002142	6340			
463	Viên Thành Nho	28/12/2001	Nam	Tày	Việt Nam	Hà Giang	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002143	6341			
464	Nguyễn Thị Trang Nhung	18/06/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Trung bình	A0002144	6342			
465	Đặng Kim Oanh	22/09/2000	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002145	6343			
466	Nguyễn Thị Hoài Phương	23/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nam	Tiếng Anh	nt	2023	Xuất sắc	A0002146	6344			
467	Nguyễn Thị Sang	18/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ninh Bình	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002147	6345			
468	Phạm Trang Phương Thảo	04/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Yên Bái	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002148	6346			
469	Nguyễn Thị Minh Thúy	17/10/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quảng Ninh	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002149	6347			
470	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nghệ An	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002150	6348			
471	Vũ Huyền Trang	04/10/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002151	6349			
472	Đinh Thị Vân	18/01/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Nam Định	Tiếng Anh	nt	2023	Giỏi	A0002152	6350			
473	Vũ Hồng Vân	03/08/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002153	6351			
474	Lê Trúc Vy	13/06/1997	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kiên Giang	Tiếng Anh	nt	2023	Giỏi	A0002154	6352			
475	Trần Thị Hải Yến	15/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002155	6353			
476	Đỗ Tiến Ngự	08/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	A0002156	6354			
477	Vũ Thị Phương Thảo	16/10/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	A0002157	6355			
478	Đặng Minh Đức	07/01/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	A0002158	6356			
479	Trần Thị Mai Anh	20/11/1999	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	A0002159	6357			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
480	Trương Việt Hoàng	07/09/1999	Nam	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	181/QĐ-TMDL ngày 07/6/2023	2023	Khá	A0002160	6358			
1	Lương Anh Đức	20/09/1997	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật chế biến món ăn	707/QĐ-TMDL ngày 29/12/2023	2023	Khá	6359	A0002161			
2	Nguyễn Văn Tùng	10/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	6360	A0002162			
3	Nguyễn Văn Tuyên	02/01/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Bắc Ninh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	6361	A0002163			
4	Phạm Văn Việt	25/08/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thái Bình	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2023	Khá	6362	A0002164			
5	Bùi Thị Hương Giang	21/08/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	6363	A0002165			
6	Vũ Minh Hùng	02/01/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hưng Yên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	6364	A0002166			
7	Nguyễn Thị Minh Tâm	14/05/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Giỏi	6365	A0002167			
8	Phạm Tiến Thành	17/11/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	6366	A0002168			
9	Phạm Ngọc Khánh	17/01/1993	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	6367	A0002169			
10	Lê Lâm Ngạn	12/03/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	6368	A0002170			
11	Dương Duy Khải	07/09/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	6369	A0002171			
12	Nguyễn Lê Minh	15/02/2002	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Trung bình	6370	A0002172			
13	Nguyễn Thị Mai Hương	13/11/2002	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	6371	A0002173			
14	Liều Hoàng Nam	31/01/2002	Nam	Tây	Việt Nam	Bắc Giang	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Trung bình	6372	A0002174			
15	Lê Quốc Phúc	02/01/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	6373	A0002175			
16	Nguyễn Văn Quang	16/11/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Khá	6374	A0002176			
17	Hoàng Văn Lanh	18/11/2001	Nam	H'mong	Việt Nam	Bắc Kạn	Tiếng Anh	nt	2023	Trung bình	6375	A0002177			
18	Khà Hà Đức Nam	08/05/2002	Nam	Thái	Việt Nam	Hòa Bình	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	6376	A0002178			
19	Trần Minh Phương	11/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	6377	A0002179			
20	Nguyễn Thị Hà Vi	29/03/2001	Nữ	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Tiếng Anh	nt	2023	Khá	6378	A0002180			
21	Phạm Văn Hiếu	01/10/2001	Nam	Kinh	Việt Nam	Hải Dương	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Trung bình	6379	A0002181			
22	Đỗ Hoàng Lâm	20/12/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Hà Nội	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2023	Khá	6380	A0002182			
23	Nguyễn Thành Luân	26/03/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Lào Cai	Quản trị khách sạn	nt	2023	Khá	6381	A0002183			
24	Nguyễn Đức Hải	01/09/2000	Nam	Kinh	Việt Nam	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	nt	2023	Trung bình	6382	A0002184			
25	Ngô Hoàng Long	26/03/1998	Nam	Kinh	Việt Nam	Hồ Chí Minh	Tiếng Anh	nt	2023	Trung bình	6383	A0002185			
1	Nguyễn Thị Vân Anh	06/10/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	231/QĐ-TMDL ngày 30/05/2024	2024	Khá	A0002186	24/6384			
2	Trần Thị Ngọc Anh	13/09/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002187	24/6385			
3	Nguyễn Thị Ánh	19/10/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002188	24/6386			
4	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	13/01/2003	KT13A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002189	24/6387			
5	Nguyễn Công Bộ	31/05/2002	KT13A	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002190	24/6388			
6	Từ Thị Dung	07/11/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002191	24/6389			
7	Đinh Thị Giang	23/03/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002192	24/6390			
8	Nguyễn Minh Giang	31/08/1997	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002193	24/6391			
9	Phạm Thị Giang	08/10/2001	KT13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002194	24/6392			
10	Nguyễn Thanh Hằng	18/09/2001	KT13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002195	24/6393			
11	Phí Thuý Hằng	19/04/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002196	24/6394			
12	Ngũ Thuyết Hậu	07/11/2000	KT13A	Hà Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002197	24/6395			
13	Đinh Thị Hiền	15/07/2001	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002198	24/6396			
14	Trần Thu Hoài	05/09/2003	KT13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002199	24/6397			
15	Bạch Hồng Liên	15/06/2002	KT13A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002200	24/6398			
16	Nguyễn Phương Linh	10/12/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002201	24/6399			
17	Nguyễn Thị Mỹ Linh	09/03/2003	KT13A	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002202	24/6400			
18	Trương Thị Thuỳ Linh	15/02/2002	KT13A	LB Nga	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002203	24/6401			
19	Nguyễn Ngọc Hương Ly	01/07/2002	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002204	24/6402			
20	Nguyễn Thị Huyền Ly	21/03/2003	KT13A	Sơn La	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002205	24/6403			
21	Trần Khánh Ly	17/10/2002	KT13A	Sơn La	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002206	24/6404			
22	Nguyễn Thị Thanh Mai	28/09/2001	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002207	24/6405			
23	Nguyễn Phương Nhã	27/09/2002	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002208	24/6406			
24	Kiều Thị Hồng Oanh	30/08/2001	KT13A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002209	24/6407			
25	Nguyễn Thị Phương	05/07/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002210	24/6408			
26	Nguyễn Thị Mai Phương	19/08/2000	KT13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002211	24/6409			
27	Hoàng Thị Phương Thảo	09/08/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002212	24/6410			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
28	Lê Thị Thạch Thảo	19/05/2002	KT13A	Phú Yên	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002213	24/6411			
29	Nguyễn Phương Thảo	01/11/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002214	24/6412			
30	Nguyễn Phương Thảo	12/11/2002	KT13A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002215	24/6413			
31	Lê Thị Thúy	23/10/2001	KT13A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002216	24/6414			
32	Đỗ Thị Huyền Trang	17/01/2002	KT13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002217	24/6415			
33	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/08/2002	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002218	24/6416			
34	Đặng Thị Vân	17/02/2003	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002219	24/6417			
35	Hoàng Thuý Vân	01/09/1994	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002220	24/6418			
36	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	26/02/2003	KT13B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002221	24/6419			
37	Vi Ngọc Ánh	21/11/2003	KT13B	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002222	24/6420			
38	Nguyễn Thị Hân	02/07/2002	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002223	24/6421			
39	Phùng Thị Hậu	18/07/2002	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002224	24/6422			
40	Phan Thị Thanh Hiền	17/08/2002	KT13B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002225	24/6423			
41	Nguyễn Thị Hoa	17/11/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002226	24/6424			
42	Tô Thị Hồng	24/08/2003	KT13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002227	24/6425			
43	Lê Thu Hương	09/02/2003	KT13B	Hà Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002228	24/6426			
44	Vương Thị Hường	16/10/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002229	24/6427			
45	Lê Thị Thùy Linh	09/10/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002230	24/6428			
46	Nguyễn Diệu Linh	22/08/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002231	24/6429			
47	Bùi Thị Ly	27/02/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002232	24/6430			
48	Nguyễn Thị Hằng Mai	16/07/2003	KT13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002233	24/6431			
49	Lê Thị Mơ	26/07/2003	KT13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002234	24/6432			
50	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	29/03/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002235	24/6433			
51	Trịnh Thị Nga	14/04/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002236	24/6434			
52	Đào Thị Hồng Ngọc	15/02/2003	KT13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002237	24/6435			
53	Khuất Thị Bích Ngọc	16/12/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002238	24/6436			
54	Nguyễn Thị Nguyệt	05/10/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002239	24/6437			
55	Lê Thị Tuyết Nhi	27/06/2003	KT13B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002240	24/6438			
56	Cao Thị Phương	25/04/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002241	24/6439			
57	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/12/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002242	24/6440			
58	Nguyễn Thu Thảo	05/11/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002243	24/6441			
59	Thiều Thị Thảo	23/04/2003	KT13B	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002244	24/6442			
60	Ngô Thị Thu	03/09/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002245	24/6443			
61	An Thị Huyền Trang	10/10/2003	KT13B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002246	24/6444			
62	Đỗ Thị Hương Trang	20/03/2003	KT13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002247	24/6445			
63	Vũ Thị Trang	12/04/2003	KT13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002248	24/6446			
64	Nguyễn Thị Thúy Uyên	17/10/2003	KT13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002249	24/6447			
65	Vũ Thị Xinh	21/09/2003	KT13B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002250	24/6448			
66	Hoàng Thị Hồng Xuyên	24/10/2001	KT13B	Yên Bái	Nữ	Tày	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002251	24/6449			
67	Nguyễn Thị Xuyên	18/01/2001	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002252	24/6450			
68	Phan Hải Yên	21/12/2003	KT13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002253	24/6451			
69	Nguyễn Thanh Bình	17/09/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002254	24/6452			
70	Nguyễn Thị Linh Chi	06/04/2003	KT13C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002255	24/6453			
71	Trần Quỳnh Chi	21/10/2003	KT13C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002256	24/6454			
72	Nguyễn Thị Điệp	11/12/2003	KT13C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002257	24/6455			
73	Lê Kim Dung	07/06/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002258	24/6456			
74	Phạm Thị Ánh Dương	02/07/2003	KT13C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002259	24/6457			
75	Nguyễn Mỹ Duyên	21/05/2003	KT13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002260	24/6458			
76	Lê Châu Giang	15/08/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002261	24/6459			
77	Đặng Thu Hằng	03/03/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002262	24/6460			
78	Nguyễn Thị Hạnh	29/08/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002263	24/6461			
79	Vũ Thị Hoa	17/06/2003	KT13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002264	24/6462			
80	Đàm Thị Huế	14/03/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002265	24/6463			
81	Lê Thị Thuý Hường	28/03/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002266	24/6464			
82	Nguyễn Thị Khánh Huyền	04/09/2003	KT13C	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002267	24/6465			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
83	Nguyễn Thị Minh Huyền	29/03/2003	KT13C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002268	24/6466			
84	Phạm Thị Huyền	01/12/2003	KT13C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002269	24/6467			
85	Đinh Thị Linh	12/01/2003	KT13C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002270	24/6468			
86	Lê Thị Thùy Linh	17/11/2003	KT13C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002271	24/6469			
87	Mai Phương Linh	15/11/2003	KT13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002272	24/6470			
88	Nguyễn Thị Diệu Linh	25/05/2002	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002273	24/6471			
89	Khánh Thị Bạch Long	12/10/2003	KT13C	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002274	24/6472			
90	Vương Thị Thảo Ly	29/09/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002275	24/6473			
91	Nguyễn Thị Mơ	25/10/2003	KT13C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002276	24/6474			
92	Lê Thị Mỹ	08/02/2003	KT13C	Gia Lai	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002277	24/6475			
93	Phạm Thị Tuyết Nga	15/11/2003	KT13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002278	24/6476			
94	Trần Phương Ngân	17/10/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002279	24/6477			
95	Nguyễn Thị Nhi	16/09/2003	KT13C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002280	24/6478			
96	Khổng Thị Kim Nhung	04/10/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002281	24/6479			
97	Ngô Thị Phương	07/11/2003	KT13C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002282	24/6480			
98	Nguyễn Thị Như Quỳnh	05/01/2003	KT13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002283	24/6481			
99	Phạm Thị Hồng Thắm	20/12/2003	KT13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002284	24/6482			
100	Nguyễn Thị Thanh	25/12/2003	KT13C	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002285	24/6483			
101	Hoàng Anh Thư	13/02/2003	KT13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002286	24/6484			
102	Đỗ Thị Thu Thủy	19/12/2003	KT13C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002287	24/6485			
103	Bùi Huyền Trang	30/11/2003	KT13C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002288	24/6486			
104	Lê Thị Thanh Tú	30/12/2003	KT13C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002289	24/6487			
105	Ngô Thị Tuyết	22/01/2003	KT13C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002290	24/6488			
106	Mai Thanh Vân	11/05/2003	KT13C	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002291	24/6489			
107	Nguyễn Thị Thảo Vi	02/11/2003	KT13C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Giỏi	A0002292	24/6490			
108	Ngô Thị Xuân	02/11/2003	KT13C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Xuất sắc	A0002293	24/6491			
109	Nguyễn Hoàng Anh	09/04/2003	KTCB13A	Nam Định	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002294	24/6492			
110	Nguyễn Hoàng Anh	18/07/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002295	24/6493			
111	Nguyễn Vân Anh	10/01/2003	KTCB13A	Lào Cai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002296	24/6494			
112	Nguyễn Việt Anh	04/12/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002297	24/6495			
113	Trần Ngọc Anh	17/02/2003	KTCB13A	Hưng Yên	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002298	24/6496			
114	Lê Ngọc Ánh	12/12/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002299	24/6497			
115	Hoàng Hữu Đại	22/09/2003	KTCB13A	Hà Giang	Nam	Tày	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002300	24/6498			
116	Phạm Đức Đại	16/01/2003	KTCB13A	Hưng Yên	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002301	24/6499			
117	Phạm Văn Đạt	20/05/2003	KTCB13A	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002302	24/6500			
118	Nguyễn Tiến Đức	13/01/2003	KTCB13A	Hà Nam	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002303	24/6501			
119	Đỗ Xuân Dũng	28/03/2003	KTCB13A	Hải Phòng	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002304	24/6502			
120	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/01/2003	KTCB13A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002305	24/6503			
121	Phùng Ngọc Giang	08/10/2003	KTCB13A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002306	24/6504			
122	Quách Ngọc Bảo Giang	02/11/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002307	24/6505			
123	Nguyễn Quang Hà	13/06/2003	KTCB13A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002308	24/6506			
124	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/01/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002309	24/6507			
125	Đặng Duy Hiếu	12/11/2003	KTCB13A	Nghệ An	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002310	24/6508			
126	Chu Duy Hoàng	07/01/2003	KTCB13A	Đồng Nai	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002311	24/6509			
127	Nguyễn Huy Hoàng	12/01/2003	KTCB13A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002312	24/6510			
128	Bùi Vinh Hưng	05/02/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002313	24/6511			
129	Nguyễn Tuấn Hưng	08/10/2002	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002314	24/6512			
130	Nguyễn Ngọc Khải	27/02/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002315	24/6513			
131	Nguyễn Trung Kiên	10/10/2003	KTCB13A	Hà Nam	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002316	24/6514			
132	Đặng Thị Liệu	29/04/2003	KTCB13A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002317	24/6515			
133	Nguyễn Quang Linh	16/02/2003	KTCB13A	Ninh Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002318	24/6516			
134	Nguyễn Thị Linh	28/06/2003	KTCB13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002319	24/6517			
135	Vũ Văn Phong	24/03/2003	KTCB13A	Nam Định	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002320	24/6518			
136	Đặng Thành Phước	27/12/2001	KTCB13A	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002321	24/6519			
137	Nguyễn Hồng Quang	31/07/2000	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002322	24/6520			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
138	Phạm Thanh Quang	05/06/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002323	24/6521			
139	Hoàng Kim Quảng	05/03/2003	KTCB13A	Lạng Sơn	Nam	Tày	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002324	24/6522			
140	Dương Ngọc Thịnh	05/12/2003	KTCB13A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002325	24/6523			
141	Đặng Thị Thu	18/07/2003	KTCB13A	Lào Cai	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002326	24/6524			
142	Lê Khánh Toàn	17/11/2003	KTCB13A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002327	24/6525			
143	Trần Đức Toàn	30/08/2002	KTCB13A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002328	24/6526			
144	Nguyễn Văn Trúc	14/05/2003	KTCB13A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002329	24/6527			
145	Phạm Quang Trường	28/05/2003	KTCB13A	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002330	24/6528			
146	Nguyễn Trọng Tuấn	15/07/2003	KTCB13A	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002331	24/6529			
147	Nguyễn Huyền Vi	20/06/2003	KTCB13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002332	24/6530			
148	Vũ Chí Cao	24/11/2003	KTCB13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002333	24/6531			
149	Đinh Thị Hà	25/10/1999	KTCB13B	Hòa Bình	Nữ	Mường	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002334	24/6532			
150	Nguyễn Thị Lan Hoa	02/06/2003	KTCB13B	Cao Bằng	Nữ	Tày	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002335	24/6533			
151	Vương Khánh Huyền	20/08/2003	KTCB13B	Cao Bằng	Nữ	Nùng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002336	24/6534			
152	Nguyễn Công Khương	24/05/2003	KTCB13B	Hà Nam	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002337	24/6535			
153	Bàn Văn Nghĩa	14/07/2003	KTCB13B	Bắc Cạn	Nam	Dao	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002338	24/6536			
154	Đoàn Minh Phương	31/12/2003	KTCB13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002339	24/6537			
155	Đỗ Tú Uyên	31/12/2003	KTCB13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002340	24/6538			
156	Nguyễn Quang Tú	24/09/2003	KTCB13B	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002341	24/6539			
157	Nguyễn Thị Phương Anh	06/07/2003	KTCB13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002342	24/6540			
158	Nguyễn Đình Biên	05/07/2003	KTCB13C	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002343	24/6541			
159	Nguyễn Văn Công	02/02/2003	KTCB13C	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002344	24/6542			
160	Nguyễn Văn Cung	01/01/2000	KTCB13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002345	24/6543			
161	Lê Mạnh Cường	31/08/2003	KTCB13C	Sơn La	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002346	24/6544			
162	Lưu Duy Đan	04/11/2002	KTCB13C	Cao Bằng	Nam	Nùng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002347	24/6545			
163	Vũ Thị Phương Hoa	08/05/2003	KTCB13C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002348	24/6546			
164	Hoàng Ngọc Huân	10/03/2003	KTCB13C	Cao Bằng	Nam	Nùng	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002349	24/6547			
165	Vũ Văn Hùng	25/08/2002	KTCB13C	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002350	24/6548			
166	Nguyễn Ngọc Khánh	19/05/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002351	24/6549			
167	Nguyễn Khánh Linh	17/06/2002	KTCB13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002352	24/6550			
168	Nguyễn Khánh Linh	24/05/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002353	24/6551			
169	Nguyễn Viêt Long	17/06/2002	KTCB13C	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002354	24/6552			
170	Vũ Đức Long	21/06/2001	KTCB13C	Hung Yên	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002355	24/6553			
171	Ngô Hồng Ngọc	17/10/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002356	24/6554			
172	Nguyễn Thị Hồng Nhung	31/07/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Xuất sắc	A0002357	24/6555			
173	Nguyễn Minh Phương	12/10/2003	KTCB13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Giỏi	A0002358	24/6556			
174	Nguyễn Hồng Quân	23/06/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002359	24/6557			
175	Trần Đức Trọng	31/05/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002360	24/6558			
176	Nguyễn Quốc Việt	10/09/2003	KTCB13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002361	24/6559			
177	Nguyễn Mai Anh	16/02/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002362	24/6560			
178	Ngô Thị Cẩm	26/12/2003	QTDL13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Xuất sắc	A0002363	24/6561			
179	Nguyễn Thị Ngọc Chi	17/09/2003	QTDL13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002364	24/6562			
180	Phạm Thị Linh Chi	28/01/2001	QTDL13A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002365	24/6563			
181	Đinh Kim Chinh	06/05/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Mường	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002366	24/6564			
182	Bàn Tài Chức	23/02/2003	QTDL13A	Thái Nguyên	Nam	Dao	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002367	24/6565			
183	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/12/2003	QTDL13A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002368	24/6566			
184	Nguyễn Thị Hoà	23/12/2002	QTDL13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002369	24/6567			
185	Nguyễn Thu Hương	30/05/2003	QTDL13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002370	24/6568			
186	Trịnh Thị Mai Hương	25/01/2001	QTDL13A	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Xuất sắc	A0002371	24/6569			
187	Bùi Thu Hường	04/02/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002372	24/6570			
188	Trần Quang Huy	28/02/2001	QTDL13A	Quảng Nam	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002373	24/6571			
189	Đinh Long Khánh	01/03/2002	QTDL13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002374	24/6572			
190	Ngô Thị Ngọc Khánh	02/09/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002375	24/6573			
191	Hoàng Mai Linh	14/10/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002376	24/6574			
192	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	10/02/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002377	24/6575			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
193	Nguyễn Thị Phương Mai	23/08/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002378	24/6576			
194	Lê Thị Mỹ	09/11/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002379	24/6577			
195	Lê Thị Nga	10/07/2003	QTDL13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002380	24/6578			
196	Trần Thị Thu Nga	01/01/2002	QTDL13A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002381	24/6579			
197	Phạm Thị Bích Ngà	02/11/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002382	24/6580			
198	Hoàng Kim Ngân	06/07/2002	QTDL13A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002383	24/6581			
199	Đỗ Thị Nhi	30/08/2003	QTDL13A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002384	24/6582			
200	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	13/10/2002	QTDL13A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002385	24/6583			
201	Hà Phương Thảo	27/10/2003	QTDL13A	Hòa Bình	Nữ	Thái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002386	24/6584			
202	Chu Thị Quỳnh Thư	25/11/2003	QTDL13A	Lào Cai	Nữ	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002387	24/6585			
203	Trần Thị Thanh Thúy	04/06/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002388	24/6586			
204	Nguyễn Thuỳ Trang	09/04/2001	QTDL13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002389	24/6587			
205	Nguyễn Văn Tuấn	25/07/2003	QTDL13A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002390	24/6588			
206	Chu Thị Bích Vân	09/08/2003	QTDL13A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002391	24/6589			
207	Hoàng Hà Chi	08/12/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002392	24/6590			
208	Vũ Thị An Chinh	29/11/2003	QTDL13B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002393	24/6591			
209	Hoàng Thành Công	24/07/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002394	24/6592			
210	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	09/11/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002395	24/6593			
211	Nguyễn Thu Hiền	26/01/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Xuất sắc	A0002396	24/6594			
212	Phan Thị Hiền	20/08/2002	QTDL13B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002397	24/6595			
213	Nguyễn Văn Huân	23/06/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002398	24/6596			
214	Đỗ Quỳnh Hương	14/03/2003	QTDL13B	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002399	24/6597			
215	Nguyễn Thị Hường	11/12/2003	QTDL13B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002400	24/6598			
216	Bùi Khánh Huyền	04/07/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Xuất sắc	A0002401	24/6599			
217	Nguyễn Xuân Kiên	14/05/2003	QTDL13B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002402	24/6600			
218	Ngô Phương Lan	29/05/2000	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002403	24/6601			
219	Nguyễn Ngọc Lan	27/12/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002404	24/6602			
220	Vũ Đức Mạnh	04/12/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002405	24/6603			
221	Nguyễn Trà My	12/10/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Xuất sắc	A0002406	24/6604			
222	Đoàn Thị Ngọc	30/10/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002407	24/6605			
223	Giáp Thị Minh Nguyệt	18/08/2003	QTDL13B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002408	24/6606			
224	Nguyễn Thị Thanh Nhân	07/08/2003	QTDL13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002409	24/6607			
225	Phạm Quỳnh Như	25/11/2003	QTDL13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002410	24/6608			
226	Vũ Thị Diễm Quỳnh	26/10/2003	QTDL13B	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002411	24/6609			
227	Nguyễn Văn Sơn	27/05/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002412	24/6610			
228	Trần Phương Thảo	12/08/2003	QTDL13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002413	24/6611			
229	Nguyễn Thị Kim Thoa	28/03/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002414	24/6612			
230	Lê Minh Thu	08/11/2003	QTDL13B	Nam Định	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002415	24/6613			
231	Nguyễn Thị Thuý	09/10/2003	QTDL13B	Hà Giang	Nữ	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002416	24/6614			
232	Trần Thu Thuý	23/11/2003	QTDL13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002417	24/6615			
233	Nguyễn Thị Thu Thúy	22/05/2003	QTDL13B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002418	24/6616			
234	Phạm Tuyết Trinh	12/09/2003	QTDL13B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002419	24/6617			
235	Hà Cẩm Tú	17/07/2003	QTDL13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Giỏi	A0002420	24/6618			
236	Nguyễn Mỹ Vân	25/10/1995	QTDL13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Xuất sắc	A0002421	24/6619			
237	Mai Phương Anh	19/01/2001	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002422	24/6620			
238	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	25/10/2002	QTKS13A	Phú Thọ	Nữ	Mường	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002423	24/6621			
239	Vũ Phương Anh	22/04/2003	QTKS13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002424	24/6622			
240	Nguyễn Thị Kim Chi	18/12/2003	QTKS13A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002425	24/6623			
241	Nguyễn Quốc Đạt	29/11/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002426	24/6624			
242	Nguyễn Công Doanh	01/08/2003	QTKS13A	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002427	24/6625			
243	Đinh Văn Đức	13/06/2003	QTKS13A	Thái Nguyên	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002428	24/6626			
244	Lê Tuấn Dương	26/02/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002429	24/6627			
245	Đoàn Mạnh Hà	25/05/2003	QTKS13A	Nam Định	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002430	24/6628			
246	Đinh Thị Hạ	30/09/2003	QTKS13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002431	24/6629			
247	Nguyễn Ngọc Hải	19/11/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002432	24/6630			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
248	Phạm Hồng Hiệp	27/01/2003	QTKS13A	Hải Dương	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002433	24/6631			
249	Nguyễn Thị Thu Hoài	04/08/2003	QTKS13A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002434	24/6632			
250	Nguyễn Minh Hùng	22/08/1998	QTKS13A	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002435	24/6633			
251	Bùi Duy Khánh	01/04/2003	QTKS13A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002436	24/6634			
252	Nguyễn Thị Thanh Lam	13/12/2003	QTKS13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002437	24/6635			
253	Phùng Thị Diệu Linh	08/10/2001	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002438	24/6636			
254	Kiều Khánh Ly	21/12/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002439	24/6637			
255	Bùi Thị Ngọc Mai	22/12/2003	QTKS13A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002440	24/6638			
256	Trần Thị Kiều Mi	26/07/2003	QTKS13A	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002441	24/6639			
257	Phạm Thị Kim Ngân	13/06/2001	QTKS13A	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002442	24/6640			
258	Phạm Tuyết Nhung	03/11/2001	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002443	24/6641			
259	Nguyễn Thị Quỳnh	30/03/2002	QTKS13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002444	24/6642			
260	Võ Thị Quỳnh	12/08/2003	QTKS13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002445	24/6643			
261	Vũ Đức Thắng	18/05/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002446	24/6644			
262	Phan Thị Thảo	27/04/2002	QTKS13A	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002447	24/6645			
263	Phí Phương Thảo	20/11/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002448	24/6646			
264	Hoàng Thị Xuân Thu	24/04/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002449	24/6647			
265	Hoàng Thị Lệ Thủy	30/08/1999	QTKS13A	Hung Yên	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002450	24/6648			
266	Nguyễn Thu Thủy	19/09/2002	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002451	24/6649			
267	Đỗ Thị Thuỳ Trang	08/03/2002	QTKS13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002452	24/6650			
268	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/09/2003	QTKS13A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002453	24/6651			
269	Phạm Thị Huyền Trang	13/04/2003	QTKS13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002454	24/6652			
270	Nguyễn Tiến Trung	31/10/1989	QTKS13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002455	24/6653			
271	Đinh Đức Tùng	18/09/2002	QTKS13A	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002456	24/6654			
272	Phạm Khánh Vy	23/01/2000	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002457	24/6655			
273	Đặng Thanh Xuân	28/12/2003	QTKS13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002458	24/6656			
274	Vũ Thị Lan Anh	03/08/2003	QTKS13B	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002459	24/6657			
275	Phạm Thị Minh Ánh	17/05/2003	QTKS13B	Hung Yên	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002460	24/6658			
276	Nguyễn Văn Bằng	28/02/2003	QTKS13B	Nam Định	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002461	24/6659			
277	Bùi Thị Châm	08/09/2003	QTKS13B	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002462	24/6660			
278	Đào Thanh Hà	27/01/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002463	24/6661			
279	Đỗ Thị Thu Hà	15/10/2003	QTKS13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002464	24/6662			
280	Nguyễn Thị Hồng Hà	14/10/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002465	24/6663			
281	Hoàng Tiến Huy	03/12/2002	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002466	24/6664			
282	Vũ Trung Kiên	10/09/1999	QTKS13B	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002467	24/6665			
283	Phạm Mỹ Linh	14/09/2003	QTKS13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002468	24/6666			
284	Lê Thị Trúc Ly	09/11/2003	QTKS13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002469	24/6667			
285	Nguyễn Thị Xuân Mai	26/02/2003	QTKS13B	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002470	24/6668			
286	Đinh Ngọc Nam	16/04/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002471	24/6669			
287	Đỗ Kim Nam	14/10/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002472	24/6670			
288	Nguyễn Hữu Nam	23/06/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002473	24/6671			
289	Nguyễn Thị Ngọc	23/08/2003	QTKS13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002474	24/6672			
290	Nguyễn Hồng Nhung	03/12/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002475	24/6673			
291	Đỗ Thanh Phương	20/11/2003	QTKS13B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002476	24/6674			
292	Hoàng Thị Phụng	14/08/2003	QTKS13B	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002477	24/6675			
293	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	26/07/2002	QTKS13B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002478	24/6676			
294	Lê Thị Hồng Thảo	27/08/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002479	24/6677			
295	Trần Phương Thảo	04/08/2003	QTKS13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002480	24/6678			
296	Nguyễn Thị Thu	14/02/2003	QTKS13B	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002481	24/6679			
297	Nguyễn Thị Thục	25/05/2003	QTKS13B	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002482	24/6680			
298	Lê Huy Thưởng	21/10/2002	QTKS13B	Nam Định	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002483	24/6681			
299	Nguyễn Thu Thủy	01/03/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002484	24/6682			
300	Nguyễn Thị Trang	20/09/2003	QTKS13B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Xuất sắc	A0002485	24/6683			
301	Vũ Thị Trang	24/12/2001	QTKS13B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002486	24/6684			
302	Nguyễn Đình Trọng	10/08/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002487	24/6685			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
303	Đỗ Quốc Việt	08/11/2003	QTKS13B	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002488	24/6686			
304	Trần Thị Ánh	11/08/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002489	24/6687			
305	Đỗ Mạnh Cường	17/07/2003	QTKD13A	Hưng Yên	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002490	24/6688			
306	Lê Quang Đại	05/07/2003	QTKD13A	Hưng Yên	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002491	24/6689			
307	Trần Ngọc Duy	02/06/1999	QTKD13A	Ninh Bình	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002492	24/6690			
308	Hoàng Đỗ Ngọc Hà	23/07/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002493	24/6691			
309	Vũ Thị Hà	11/09/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002494	24/6692			
310	Quản Thị Hằng	18/05/2003	QTKD13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002495	24/6693			
311	Bùi Thu Hiền	12/02/2003	QTKD13A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002496	24/6694			
312	Quản Thị Huệ	18/05/2003	QTKD13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002497	24/6695			
313	Ngô Thị Hương Liên	12/02/2002	QTKD13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002498	24/6696			
314	Lê Thùy Linh	04/06/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002499	24/6697			
315	Tạ Thị Bảo Linh	23/12/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002500	24/6698			
316	Vũ Thị Ngọc Linh	05/07/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002501	24/6699			
317	Vũ Thùy Linh	03/04/2003	QTKD13A	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002502	24/6700			
318	Nguyễn Thị Ngọc	25/11/2003	QTKD13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002503	24/6701			
319	Lưu Thị Phương	29/12/2003	QTKD13A	Thái Nguyên	Nữ	Sán Diu	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002504	24/6702			
320	Nguyễn Minh Thúy	17/05/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002505	24/6703			
321	Ngô Thu Trà	12/10/2003	QTKD13A	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002506	24/6704			
322	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	11/02/2003	QTKD13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002507	24/6705			
323	Vũ Thị Thuý Trang	09/12/2002	QTKD13A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002508	24/6706			
324	Đỗ Thị Vân	09/10/2002	QTKD13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002509	24/6707			
325	Nguyễn Thị Hồng Vân	04/06/1999	QTKD13A	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002510	24/6708			
326	Nguyễn Thị Xuân	31/07/2002	QTKD13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002511	24/6709			
327	Dương Như An	09/10/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002512	24/6710			
328	Hoàng Bảo Anh	23/08/2001	QTKD13B	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002513	24/6711			
329	Trần Đức Anh	01/08/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002514	24/6712			
330	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/03/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002515	24/6713			
331	Nguyễn Mạnh Cường	02/04/2003	QTKD13B	Hòa Bình	Nam	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002516	24/6714			
332	Nguyễn Thị Phụng Hà	11/02/2003	QTKD13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002517	24/6715			
333	Nguyễn Nhật Hạ	22/06/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002518	24/6716			
334	Đỗ Thị Thuý Hằng	11/10/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002519	24/6717			
335	Vũ Thị Hằng	20/09/1999	QTKD13B	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002520	24/6718			
336	Chu Thị Hạnh	26/04/2003	QTKD13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002521	24/6719			
337	Ma Thị Hồng	20/04/2002	QTKD13B	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002522	24/6720			
338	Bùi Thị Tú Linh	08/11/2002	QTKD13B	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002523	24/6721			
339	Bùi Thị Loan	11/03/2003	QTKD13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002524	24/6722			
340	Nguyễn Hiền Lương	04/11/2003	QTKD13B	Yên Bái	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002525	24/6723			
341	Quang Khánh Ly	12/01/2003	QTKD13B	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002526	24/6724			
342	Nguyễn Thị Phương	10/12/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002527	24/6725			
343	Hà Văn Quang	15/01/2002	QTKD13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002528	24/6726			
344	Trần Văn Quỳnh	02/02/2003	QTKD13B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002529	24/6727			
345	Nguyễn Trung Sơn	06/09/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002530	24/6728			
346	Lê Thị Thảo	28/10/2002	QTKD13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002531	24/6729			
347	Hoàng Thị Thu	13/08/2003	QTKD13B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002532	24/6730			
348	Nguyễn Thu Trang	23/01/2003	QTKD13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002533	24/6731			
349	Nguyễn Kiên Trung	25/10/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002534	24/6732			
350	Khoàng Thị Truyền	20/08/1998	QTKD13B	Lai Châu	Nữ	Thái	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002535	24/6733			
351	Nguyễn Anh Tú	13/11/2003	QTKD13B	Hòa Bình	Nam	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002536	24/6734			
352	Hoàng Thị Ánh Tuyết	08/02/2001	QTKD13B	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002537	24/6735			
353	Lê Thị Ánh Tuyết	22/02/2003	QTKD13B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002538	24/6736			
354	Nguyễn Thảo Vân	09/11/2002	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002539	24/6737			
355	Tạ Long Vũ	03/11/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002540	24/6738			
356	Ngô Dương Vương	04/01/2002	QTKD13B	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002541	24/6739			
357	Hoàng Thị Yến	21/10/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002542	24/6740			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
358	Nguyễn Minh Anh	26/08/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002543	24/6741			
359	Phạm Tuấn Anh	22/08/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002544	24/6742			
360	Lê Hoàng Ngọc Ánh	16/09/2003	QTKD13C	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002545	24/6743			
361	Nguyễn Thị Hồng Ánh	05/11/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002546	24/6744			
362	Bùi Hồng Đức	24/11/2003	QTKD13C	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002547	24/6745			
363	Trần Thị Thùy Dung	13/12/2003	QTKD13C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002548	24/6746			
364	Nguyễn Thị Lệ Duyên	01/06/2003	QTKD13C	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002549	24/6747			
365	Hà Thị Hải	12/11/2001	QTKD13C	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002550	24/6748			
366	Đào Thị Hồng	30/09/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002551	24/6749			
367	Lê Thị Liễu	13/08/2003	QTKD13C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002552	24/6750			
368	Nguyễn Văn Lục	15/01/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002553	24/6751			
369	Bùi Tiến Mạnh	24/11/2003	QTKD13C	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002554	24/6752			
370	Nguyễn Đức Mạnh	16/10/2003	QTKD13C	Tuyên Quang	Nam	Tày	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002555	24/6753			
371	Nguyễn Thị Mỹ	31/12/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002556	24/6754			
372	Nguyễn Đức Nam	29/01/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002557	24/6755			
373	Đinh Thị Nga	03/01/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002558	24/6756			
374	Tạ Thị Ánh Ngọc	12/09/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002559	24/6757			
375	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/04/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002560	24/6758			
376	Mai Thị Lan Phương	10/03/2003	QTKD13C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002561	24/6759			
377	Nguyễn Thị Phương	09/10/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002562	24/6760			
378	Vũ Thị Minh Phương	08/02/2003	QTKD13C	Bình Dương	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002563	24/6761			
379	Hoàng Hồng Sơn	23/11/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002564	24/6762			
380	Nguyễn Đức Thành	20/02/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002565	24/6763			
381	Trần Thanh Tùng	13/03/2003	QTKD13C	Nam Định	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002566	24/6764			
382	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/11/2003	QTKD13D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002567	24/6765			
383	Nguyễn Tuấn Anh	18/02/2003	QTKD13D	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002568	24/6766			
384	Hà Thị Ngọc Ánh	10/06/2003	QTKD13D	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002569	24/6767			
385	Nguyễn Nguyệt Ánh	02/08/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002570	24/6768			
386	Nguyễn Thị Cúc	19/11/2003	QTKD13D	Bắc Giang	Nữ	Tày	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002571	24/6769			
387	Nguyễn Anh Đào	10/08/2003	QTKD13D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002572	24/6770			
388	Nông Thị Đẹp	13/01/2002	QTKD13D	Cao Bằng	Nữ	Tày	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002573	24/6771			
389	Lại Văn Duy	04/09/2002	QTKD13D	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002574	24/6772			
390	Bùi Thị Mỹ Duyên	07/11/2003	QTKD13D	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002575	24/6773			
391	Nguyễn Hương Giang	24/10/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002576	24/6774			
392	Nguyễn Hương Giang	18/01/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002577	24/6775			
393	Nguyễn Thị Hà	26/04/2003	QTKD13D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002578	24/6776			
394	Nguyễn Nam Hải	13/12/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002579	24/6777			
395	Trần Thị Hải	14/12/2003	QTKD13D	Lào Cai	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002580	24/6778			
396	Trịnh Thị Thu Hằng	14/10/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002581	24/6779			
397	Nguyễn Vương Hào	25/09/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002582	24/6780			
398	Nguyễn Thị Mỹ Hào	24/12/2003	QTKD13D	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002583	24/6781			
399	Đinh Thị Hậu	10/08/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002584	24/6782			
400	Phạm Thị Thu Huyền	12/01/2003	QTKD13D	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002585	24/6783			
401	Đỗ Thị Khánh Ly	08/12/2003	QTKD13D	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002586	24/6784			
402	Nguyễn Ngọc Mai	23/11/2003	QTKD13D	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002587	24/6785			
403	Nguyễn Thị Nga	17/08/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002588	24/6786			
404	Vũ Thị Hồng Ngọc	26/11/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002589	24/6787			
405	Bùi Uyển Nhi	04/04/2003	QTKD13D	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002590	24/6788			
406	Nguyễn Thị Phương	04/06/2003	QTKD13D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002591	24/6789			
407	Nguyễn Thị Hà Phương	13/11/2003	QTKD13D	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002592	24/6790			
408	Phạm Thị Thu Phương	20/08/2003	QTKD13D	Hà Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002593	24/6791			
409	Đỗ Anh Tài	30/10/2003	QTKD13D	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002594	24/6792			
410	Tạ Minh Tâm	15/05/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002595	24/6793			
411	Trần Thị Phương Thảo	28/10/2003	QTKD13D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002596	24/6794			
412	Lê Thị Hoài Thu	08/10/2001	QTKD13D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Xuất sắc	A0002597	24/6795			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
413	Nguyễn Hữu Phương Trang	09/07/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002598	24/6796			
414	Lê Thanh Trúc	13/09/2003	QTKD13D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002599	24/6797			
415	Nguyễn Thị Tuyết	25/02/2002	QTKD13D	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Giỏi	A0002600	24/6798			
416	Lê Ngọc Vân	05/02/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002601	24/6799			
417	Mai Long Vũ	03/03/2003	QTKD13D	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002602	24/6800			
418	Nguyễn Đức Anh	03/05/2002	QTNH13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Khá	A0002603	24/6801			
419	Nguyễn Trường Duy	17/12/2000	QTNH13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Giỏi	A0002604	24/6802			
420	Nguyễn Phương Huy	30/07/2001	QTNH13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Khá	A0002605	24/6803			
421	Lại Trang Linh	13/08/2003	QTNH13A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Khá	A0002606	24/6804			
422	Nguyễn Minh Thư	20/10/2003	QTNH13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Khá	A0002607	24/6805			
423	Đoàn Thị Minh Thuận	11/06/2003	QTNH13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Xuất sắc	A0002608	24/6806			
424	Nguyễn Thị Thuỷ	27/02/2003	QTNH13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Khá	A0002609	24/6807			
425	Bùi Khánh Toàn	12/12/2003	QTNH13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Giỏi	A0002610	24/6808			
426	Lại Thị Huyền Trang	29/12/2001	QTNH13A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Xuất sắc	A0002611	24/6809			
427	Hoàng Hải Yến	15/04/2003	QTNH13A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2024	Xuất sắc	A0002612	24/6810			
428	Hoàng Thị Phương Anh	02/08/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002613	24/6811			
429	Nguyễn Thị Mai Anh	15/08/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002614	24/6812			
430	Nguyễn Thuỳ Anh	29/10/2003	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002615	24/6813			
431	Đào Duy Bảo	08/02/2003	TMĐT13A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002616	24/6814			
432	Phùng Bá Cảnh	08/03/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002617	24/6815			
433	Đàm Quỳnh Chi	12/06/2003	TMĐT13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002618	24/6816			
434	Nguyễn Ngọc Cương	11/03/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002619	24/6817			
435	Nguyễn Hải Đăng	28/10/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002620	24/6818			
436	Lộc Thị Ngọc Diên	09/10/2003	TMĐT13A	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002621	24/6819			
437	Phan Thị Ngọc Diệp	01/07/2003	TMĐT13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002622	24/6820			
438	Hoàng Văn Giang	04/03/2003	TMĐT13A	Nam Định	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002623	24/6821			
439	Nguyễn Hương Giang	10/01/2003	TMĐT13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002624	24/6822			
440	Nguyễn Thị Giang	25/09/2003	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002625	24/6823			
441	Nguyễn Bá Nam Hải	16/11/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002626	24/6824			
442	Lê Thị Diễm Hằng	15/11/2003	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002627	24/6825			
443	Đỗ Thị Hiền	19/12/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002628	24/6826			
444	Nguyễn Hải Hiệp	01/08/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002629	24/6827			
445	Phan Kim Huê	08/12/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002630	24/6828			
446	Lê Thu Huệ	11/02/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002631	24/6829			
447	Đinh Quang Hưng	09/05/2003	TMĐT13A	Ninh Bình	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002632	24/6830			
448	Lê Thu Hương	03/08/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002633	24/6831			
449	Phạm Thị Hường	25/04/2002	TMĐT13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002634	24/6832			
450	Văn Phú Huy	24/05/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002635	24/6833			
451	Dương Thị Thu Huyền	20/07/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002636	24/6834			
452	Trần Thị Huyền	16/05/2003	TMĐT13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002637	24/6835			
453	Trần Thị La	07/01/2003	TMĐT13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002638	24/6836			
454	Hoàng Khánh Linh	19/12/2003	TMĐT13A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002639	24/6837			
455	Ngô Thị Thanh Loan	03/04/2003	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002640	24/6838			
456	Trần Khánh Ly	09/11/2003	TMĐT13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002641	24/6839			
457	Trương Thị Mai	24/07/2003	TMĐT13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002642	24/6840			
458	Đỗ Phương Nam	09/02/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002643	24/6841			
459	Trịnh Thị Ngân	22/01/2001	TMĐT13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002644	24/6842			
460	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11/01/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Trung bình	A0002645	24/6843			
461	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/10/2001	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Tày	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002646	24/6844			
462	Trần Thu Oanh	19/10/2003	TMĐT13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002647	24/6845			
463	Đặng Thị Phương	06/03/2001	TMĐT13A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002648	24/6846			
464	Trịnh Thị Quỳnh	29/09/1999	TMĐT13A	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002649	24/6847			
465	Vi Thị Lệ Thành	02/06/2003	TMĐT13A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002650	24/6848			
466	Nguyễn Phương Thảo	02/07/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002651	24/6849			
467	Nguyễn Thị Thơm	20/02/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002652	24/6850			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
468	Trần Thị Thơm	13/02/2002	TMĐT13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002653	24/6851			
469	Hoàng Thị Minh Thư	07/06/2003	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002654	24/6852			
470	Phạm Thị Thư	12/10/2003	TMĐT13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002655	24/6853			
471	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	10/05/2002	TMĐT13A	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002656	24/6854			
472	Nguyễn Thu Trang	30/10/2003	TMĐT13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002657	24/6855			
473	Hán Hoàng Anh Tú	14/07/2000	TMĐT13A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002658	24/6856			
474	Vũ Văn Tuấn	18/06/2002	TMĐT13A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002659	24/6857			
475	Đậu Văn Tùng	09/03/1999	TMĐT13A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Xuất sắc	A0002660	24/6858			
476	Nguyễn Hồng Tuyết	03/01/2003	TMĐT13A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002661	24/6859			
477	Nguyễn Thị Tuyết	09/01/2002	TMĐT13A	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002662	24/6860			
478	Đỗ Thị Hoàng Vân	15/11/2002	TMĐT13A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Giỏi	A0002663	24/6861			
479	Diệp Trung Vinh	29/04/2003	TMĐT13A	Thái Nguyên	Nam	Sán Diu	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002664	24/6862			
480	Phan Thị Hải Yến	30/09/2003	TMĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Trung bình	A0002665	24/6863			
481	Đinh Thị Hồng Ánh	03/12/2003	TA13A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Giỏi	A0002666	24/6864			
482	Thào A Dê	26/07/1998	TA13A	Sơn La	Nam	H'mong	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002667	24/6865			
483	Nguyễn Thị Thu Hà	26/02/2003	TA13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002668	24/6866			
484	Phan Thị Hải	08/01/2003	TA13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002669	24/6867			
485	Nguyễn Thu Hiền	02/06/2003	TA13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002670	24/6868			
486	Hoàng Thị Hợp	28/07/2003	TA13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002671	24/6869			
487	Đỗ Quốc Huy	20/05/2003	TA13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Giỏi	A0002672	24/6870			
488	Lê Thị Thanh Huyền	20/12/1999	TA13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002673	24/6871			
489	Phạm Thị Vân Khánh	12/08/2003	TA13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002674	24/6872			
490	Lê Hoàng Ngọc Mai	20/11/1999	TA13A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002675	24/6873			
491	Nguyễn Ngọc Mai	21/08/2003	TA13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002676	24/6874			
492	Đinh Tiến Mạnh	10/08/2003	TA13A	Phú Thọ	Nam	Mường	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002677	24/6875			
493	Nguyễn Thị Kim Ngân	06/12/2003	TA13A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002678	24/6876			
494	Ngô Thị Ngọc	03/05/2002	TA13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002679	24/6877			
495	Bùi Hồng Nhung	13/11/2002	TA13A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002680	24/6878			
496	Phan Như Quỳnh	10/04/2003	TA13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Giỏi	A0002681	24/6879			
497	Vũ Thị Hương Thảo	03/09/2002	TA13A	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Xuất sắc	A0002682	24/6880			
498	Nguyễn Thị Thu	19/03/2002	TA13A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002683	24/6881			
499	Đỗ Thị Hiền Trang	06/12/2003	TA13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Trung bình	A0002684	24/6882			
500	Nguyễn Ngọc Tú	13/12/2003	TA13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002685	24/6883			
501	Nguyễn Văn Tuấn	13/06/1984	TA13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Giỏi	A0002686	24/6884			
502	Đàm Thị Vi	04/04/2003	TA13A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002687	24/6885			
503	Lại Khánh Xuân	25/11/2003	TA13A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002688	24/6886			
504	Nguyễn Thị Hoài Vân	04/08/2001	TA12A	Lào Cai	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002689	24/6887			
505	Nguyễn Hà Duy Anh	26/02/2000	QTDL11A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Trung bình	A0002690	24/6888			
1	Bùi Khánh Huyền	27/05/2002	KT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	693/QĐ-TMDL ngày 31/12/2024	2024	Trung bình	A0002691	24/6889			
2	Hoàng Thị Tường Vi	01/12/2003	KT13A	Lào cai	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002692	24/6890			
3	Vũ Thị Giang	21/01/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Trung bình	A0002693	24/6891			
4	Nguyễn Thị Thuý	20/05/2003	KT13B	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002694	24/6892			
5	Kiều Thị Tố Uyên	09/11/2003	KT13B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2024	Khá	A0002695	24/6893			
6	Nguyễn Trọng Nam	03/06/2003	KTCB13B	Yên Bái	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002696	24/6894			
7	Đặng Văn Năm	27/12/2002	KTCB13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002697	24/6895			
8	Nguyễn Đại Phúc	26/01/2002	KTCB13B	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002698	24/6896			
9	Nguyễn Tiến Bảo	08/09/2003	KTCB13C	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002699	24/6897			
10	Bàn Duy Linh	25/12/2003	KTCB13C	Bắc Kạn	Nam	Dao	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002700	24/6898			
11	Bùi Duy Nhất	11/08/2003	KTCB13C	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002701	24/6899			
12	Phạm Minh Tú	22/12/2003	KTCB13C	Yên Bái	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2024	Khá	A0002702	24/6900			
13	Phạm Thị Ngọc Anh	16/12/2003	QTDL13A	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002703	24/6901			
14	Ngô Trọng Hiếu	11/03/2003	QTDL13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002704	24/6902			
15	Nguyễn Anh Đức	21/12/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002705	24/6903			
16	Nguyễn Thị Chung	15/03/2002	QTKD13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002706	24/6904			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
17	Nguyễn Văn Hiếu	21/10/2003	QTKD13A	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002707	24/6905			
18	Nguyễn Quang Huy	05/07/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002708	24/6906			
19	Hoàng Thị Khánh Na	24/06/2003	QTKD13A	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002709	24/6907			
20	Lê Phúc Hải Nam	27/10/2003	QTKD13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002710	24/6908			
21	Đỗ Thị Minh Ngọc	17/05/2003	QTKD13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002711	24/6909			
22	Vương Thị Kim Phụng	24/04/2003	QTKD13A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002712	24/6910			
23	Nguyễn Xuân Sơn	26/07/1998	QTKD13A	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002713	24/6911			
24	Nguyễn Quốc Thái	02/06/2003	QTKD13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002714	24/6912			
25	Nguyễn Thành An	10/07/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002715	24/6913			
26	Nguyễn Tuấn Lan	20/06/2003	QTKD13C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002716	24/6914			
27	Trịnh Thị Hồng Nhung	17/05/2003	QTKD13C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002717	24/6915			
28	Nguyễn Ngọc Anh	24/10/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002718	24/6916			
29	Nguyễn Thị Lan Anh	28/11/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002719	24/6917			
30	Trần Diệu Anh	11/08/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002720	24/6918			
31	Đào Huỳnh Đức	31/05/2003	QTKD13D	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002721	24/6919			
32	Trần Việt Thắng	02/06/2001	QTKD13D	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002722	24/6920			
33	Nguyễn Thanh Tú	01/10/2003	QTKD13D	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002723	24/6921			
34	Tạ Văn Mạnh Tùng	11/08/2002	QTKD13D	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Trung bình	A0002724	24/6922			
35	Nguyễn Thị Vân Anh	23/06/2002	QTKS13B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Giỏi	A0002725	24/6923			
36	Trần Việt Hoàng	08/05/2003	QTKS13B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002726	24/6924			
37	Đỗ Thị Quỳnh Hương	10/04/2001	QTKS13B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002727	24/6925			
38	Nguyễn Đức Khánh	20/12/2002	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002728	24/6926			
39	Tạ Quang Thắng	10/12/2003	QTKS13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002729	24/6927			
40	Ngô Hương Quỳnh	23/09/1998	TA13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Khá	A0002730	24/6928			
41	Nguyễn Chí Bách	01/06/1999	TMBĐT13A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002731	24/6929			
42	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	31/08/2003	TMBĐT13A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002732	24/6930			
43	Trần Thị Thuý	28/01/2003	TMBĐT13A	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002733	24/6931			
44	Hoàng Duy Tiệp	31/03/2003	TMBĐT13A	Thái Bình	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2024	Khá	A0002734	24/6932			
45	Nguyễn Mạnh Bách	09/11/2002	QTDL12A2	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002735	24/6933			
46	Đào Cao Duy Tùng	28/08/2000	QTDL12A3	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002736	24/6934			
47	Phạm Trung Hiếu	24/03/2002	QTKD12A2	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2024	Khá	A0002737	24/6935			
48	Bùi Hà Phương	18/10/2000	QTKS12A3	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002738	24/6936			
49	Hoàng Minh Hiếu	24/07/1999	TA12A	Hà Nội	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2024	Trung bình	A0002739	24/6937			
50	Phạm Khải Hưng	08/02/2001	QTDL11A	Yên Bái	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Trung bình	A0002740	24/6938			
51	Trần Diệu My	01/12/1999	QTDL11A	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2024	Khá	A0002741	24/6939			
52	Trịnh Yến Nhi	02/10/2001	QTKS11A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2024	Khá	A0002742	24/6940			
1	Nguyễn Thị Phương Anh	20/08/2003	KT14A	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Kế toán	270/QĐ-TMDL ngày 30/05/2025	2025	Khá	25/6941	A0002743			
2	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2003	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6942	A0002744			
3	Dương Thị Ngọc Ánh	15/07/2004	KT14A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6943	A0002745			
4	Nguyễn Thị Kim Chi	11/03/2004	KT14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6944	A0002746			
5	Hoàng Thị Mỹ Duyên	31/01/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6945	A0002747			
6	Nguyễn Thị Trà Giang	17/04/2003	KT14A	Bắc Kạn	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6946	A0002748			
7	Phạm Thị Hà	06/01/2003	KT14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6947	A0002749			
8	Nguyễn Phương Hào	01/05/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6948	A0002750			
9	Nguyễn Thị Mai Hoa	28/06/2004	KT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6949	A0002751			
10	Đỗ Thị Minh Hương	26/04/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6950	A0002752			
11	Lại Quỳnh Hương	13/08/2003	KT14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6951	A0002753			
12	Đỗ Thị Huyền	07/12/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6952	A0002754			
13	Nguyễn Bích Huyền	02/03/2001	KT14A	Hà Nội	Nữ	Mường	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6953	A0002755			
14	Nguyễn Đăng Minh Huyền	26/04/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6954	A0002756			
15	Phạm Ngọc Linh	08/03/2001	KT14A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6955	A0002757			
16	Phạm Văn Lợi	16/03/2003	KT14A	Nam Định	Nam	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6956	A0002758			
17	Đỗ Thị Hồng Mai	10/04/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6957	A0002759			
18	Hà Phương Mai	27/02/2001	KT14A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6958	A0002760			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
19	Nguyễn Thị Mai	14/09/1999	KT14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6959	A0002761			
20	Nguyễn Thị Sao Mai	16/07/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6960	A0002762			
21	Lê Thị Ánh Ngọc	08/10/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6961	A0002763			
22	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	18/08/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6962	A0002764			
23	Long Thị Nguyệt	04/10/2002	KT14A	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6963	A0002765			
24	Nguyễn Minh Nguyệt	23/11/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6964	A0002766			
25	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/06/2004	KT14A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6965	A0002767			
26	Trần Mỹ Phương	10/11/2002	KT14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6966	A0002768			
27	Phan Như Quỳnh	02/09/2003	KT14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6967	A0002769			
28	Phùng Thị Thu Quỳnh	18/10/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6968	A0002770			
29	Quách Thị Quỳnh	02/11/2004	KT14A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6969	A0002771			
30	Nguyễn Phương Thảo	28/09/2003	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6970	A0002772			
31	Nguyễn Thị Thu	06/01/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6971	A0002773			
32	Ngô Thị Thu Thủy	07/10/1996	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6972	A0002774			
33	Lê Thị Huyền Trang	11/05/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6973	A0002775			
34	Hoàng Phương Uyên	21/03/2002	KT14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6974	A0002776			
35	Đỗ Thị Vân	01/01/2004	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6975	A0002777			
36	Nguyễn Cẩm Vân	23/08/1999	KT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6976	A0002778			
37	Nguyễn Bạch Vỹ	01/05/2004	KT14A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6977	A0002779			
38	Đào Thị Hải Anh	04/10/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/6978	A0002780			
39	Phạm Thủy Anh	29/08/2004	KT14B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6979	A0002781			
40	Phan Mai Anh	14/05/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/6980	A0002782			
41	Vũ Diệu Băng	03/02/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6981	A0002783			
42	Nguyễn Thị Thùy Chang	26/06/2000	KT14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6982	A0002784			
43	Cao Văn Đạt	30/04/2002	KT14B	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6983	A0002785			
44	Nguyễn Thị Lệ Diễm	16/12/2000	KT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6984	A0002786			
45	Lê Thị Thủy Dương	11/06/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/6985	A0002787			
46	Trần Thị Mỹ Duyên	29/07/2003	KT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6986	A0002788			
47	Hoàng Hà Yến Giang	08/10/2004	KT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6987	A0002789			
48	Nguyễn Hương Giang	22/07/2003	KT14B	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6988	A0002790			
49	Phạm Hải Hà	07/11/2003	KT14B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6989	A0002791			
50	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/10/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6990	A0002792			
51	Lê Thị Doãn Hiền	08/04/2004	KT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6991	A0002793			
52	Lê Thị Quỳnh Hương	02/10/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6992	A0002794			
53	Phạm Thị Thu Huyền	01/02/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/6993	A0002795			
54	Lê Hà Lan	21/04/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6994	A0002796			
55	Hoàng Khánh Linh	11/07/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6995	A0002797			
56	Hoàng Thị Khánh Ly	22/10/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/6996	A0002798			
57	Nguyễn Diệu Lý	10/06/2004	KT14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/6997	A0002799			
58	Chu Thị Tuyết Mai	28/11/2003	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/6998	A0002800			
59	Lê Thị Ngọc Mai	21/11/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/6999	A0002801			
60	Đào Thị Trà My	30/06/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7000	A0002802			
61	Lê Thị Trà My	19/08/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7001	A0002803			
62	Bùi Thị Xuân Nhi	19/03/2004	KT14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7002	A0002804			
63	Lục Thị Hồng Nhung	16/01/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7003	A0002805			
64	Bùi Thị Oanh	26/08/2004	KT14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7004	A0002806			
65	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	04/05/2003	KT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7005	A0002807			
66	Phùng Thị Quỳnh	27/11/2003	KT14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/7006	A0002808			
67	Lê Thị Huyền Thanh	05/07/2004	KT14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7007	A0002809			
68	Đỗ Thùy Thương	27/02/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7008	A0002810			
69	Trịnh Thị Thương	28/08/2004	KT14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/7009	A0002811			
70	Ngô Thị Phương Thủy	11/12/2004	KT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7010	A0002812			
71	Hoàng Thị Thu Thủy	27/04/2003	KT14B	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7011	A0002813			
72	Lê Thị Trang	08/04/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7012	A0002814			
73	Lê Thu Trang	18/07/2004	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7013	A0002815			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
74	Nguyễn Thị Thu Trang	06/11/2002	KT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7014	A0002816			
75	Đinh Thị Xuân	22/01/2004	KT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7015	A0002817			
76	Nguyễn Quỳnh Anh	14/07/2004	KT14C	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7016	A0002818			
77	Vũ Thị Ngọc Anh	15/12/2004	KT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7017	A0002819			
78	Phan Ngọc Diệp	28/11/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7018	A0002820			
79	Phạm Thị Diệu	15/10/2004	KT14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7019	A0002821			
80	Lê Thị Đoan	25/03/2004	KT14C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7020	A0002822			
81	Nguyễn Thị Thủy Dung	30/06/2004	KT14C	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7021	A0002823			
82	Chu Thị Duyên	05/08/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7022	A0002824			
83	Đào Thị Kim Giang	10/01/2004	KT14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/7023	A0002825			
84	Nguyễn Thị Thu Hà	25/02/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7024	A0002826			
85	Phạm Thu Hạnh	18/10/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7025	A0002827			
86	Nguyễn Thanh Hiền	10/02/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7026	A0002828			
87	Nguyễn Thuý Hiền	19/03/2004	KT14C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7027	A0002829			
88	Phùng Thị Thanh Hiền	20/02/2003	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7028	A0002830			
89	Trần Thị Hiền	28/08/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7029	A0002831			
90	Lê Thu Hoài	29/09/2004	KT14C	Sơn La	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7030	A0002832			
91	Nguyễn Thị Huyền	08/01/2003	KT14C	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7031	A0002833			
92	Nguyễn Thị Minh Huyền	08/10/2004	KT14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7032	A0002834			
93	Nguyễn Thúy Lan	27/05/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7033	A0002835			
94	Vũ Thị Ngọc Lan	05/12/2004	KT14C	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7034	A0002836			
95	Nguyễn Thị Thủy Linh	03/12/2004	KT14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7035	A0002837			
96	Vũ Thị Hoài Linh	08/12/2003	KT14C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7036	A0002838			
97	Phạm Bích Loan	26/09/2004	KT14C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7037	A0002839			
98	Cần Xuân Mai	26/12/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7038	A0002840			
99	Nguyễn Thị Trà My	22/05/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7039	A0002841			
100	Phạm Ngọc My	10/09/2004	KT14C	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7040	A0002842			
101	Nguyễn Hải Ngọc	20/07/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7041	A0002843			
102	Lương Linh Nhi	27/02/2003	KT14C	Yên Bái	Nữ	Tày	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7042	A0002844			
103	Trần Thị Nhị	01/12/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7043	A0002845			
104	Trần Thị Phượng	03/04/2004	KT14C	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7044	A0002846			
105	Bùi Thị Như Quỳnh	26/02/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7045	A0002847			
106	Đặng Thanh Thảo	01/12/2004	KT14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7046	A0002848			
107	Mai Linh Thảo	06/03/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7047	A0002849			
108	Tổng Thị Thu Thảo	30/04/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7048	A0002850			
109	Nguyễn Thị Thơm	18/01/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7049	A0002851			
110	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	27/07/2004	KT14C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7050	A0002852			
111	Nguyễn Thị Thùy	27/04/2004	KT14C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/7051	A0002853			
112	Nguyễn Thị Trà	15/08/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7052	A0002854			
113	Ngô Huyền Trang	08/06/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7053	A0002855			
114	Hoàng Lê Diệu Trúc	14/09/2004	KT14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7054	A0002856			
115	Nguyễn Cẩm Viên	19/09/2004	KT14C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7055	A0002857			
116	Đặng Thị Như Ý	24/07/2004	KT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7056	A0002858			
117	Ngô Thị Thu Yển	07/07/2004	KT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7057	A0002859			
118	Đào Thị Minh An	13/12/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7058	A0002860			
119	Vũ Thị Thùy An	17/12/2003	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Trung bình	25/7059	A0002861			
120	Lê Thị Mai Anh	08/10/2004	KT14D	Bình Dương	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7060	A0002862			
121	Lê Thị Vân Anh	29/08/2004	KT14D	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7061	A0002863			
122	Vương Thị Hải Anh	21/03/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7062	A0002864			
123	Kiều Thị Ngọc Ánh	20/11/2004	KT14D	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7063	A0002865			
124	Đinh Thị Thu Bích	09/01/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7064	A0002866			
125	Lại Thuý Diệu	31/01/2004	KT14D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7065	A0002867			
126	Nguyễn Thị Dịu	10/10/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7066	A0002868			
127	Vũ Thị Thùy Dung	20/12/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7067	A0002869			
128	Hứa Thanh Duyên	22/07/2004	KT14D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7068	A0002870			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
129	Đinh Thị Hương Giang	09/11/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7069	A0002871			
130	Trần Thị Hương Giang	18/12/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7070	A0002872			
131	Mai Thu Hà	29/01/2004	KT14D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7071	A0002873			
132	Vũ Thị Ngọc Hiền	19/06/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7072	A0002874			
133	Nguyễn Thị Huệ	23/11/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7073	A0002875			
134	Đặng Thị Hường	08/03/2003	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7074	A0002876			
135	Trần Thị Thu Huyền	28/12/2003	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7075	A0002877			
136	Đỗ Khánh Linh	04/11/2004	KT14D	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7076	A0002878			
137	Nguyễn Phương Linh	13/12/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7077	A0002879			
138	Nguyễn Thuỳ Linh	11/09/2004	KT14D	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7078	A0002880			
139	Nguyễn Thuỳ Linh	11/06/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7079	A0002881			
140	Đỗ Thị Bích Loan	18/12/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7080	A0002882			
141	Lê Thị Luyến	28/10/2004	KT14D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7081	A0002883			
142	Vương Thị Luyến	29/09/2004	KT14D	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7082	A0002884			
143	Trần Thị Hoa Mai	04/01/2004	KT14D	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7083	A0002885			
144	Nguyễn Thảo My	07/11/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7084	A0002886			
145	Phạm Nguyệt Nga	03/10/2004	KT14D	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7085	A0002887			
146	Bùi Nguyễn Thu Ngân	18/11/2004	KT14D	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7086	A0002888			
147	Hoàng Thị Hồng Ngọc	27/01/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7087	A0002889			
148	Đỗ Thị Nhài	15/03/2004	KT14D	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7088	A0002890			
149	Nguyễn Quỳnh Phương	02/04/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7089	A0002891			
150	Nguyễn Thị Thu Phương	10/06/2003	KT14D	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7090	A0002892			
151	Hoàng Thị Quỳnh	29/06/2004	KT14D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7091	A0002893			
152	Nguyễn Như Quỳnh	06/11/2004	KT14D	Yên Bái	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7092	A0002894			
153	Vũ Thị Diễm Quỳnh	30/12/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7093	A0002895			
154	Nguyễn Thị Thảo	09/11/2004	KT14D	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7094	A0002896			
155	Nguyễn Thị Thoả	16/09/2004	KT14D	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7095	A0002897			
156	Phạm Nguyễn Minh Thư	17/06/2004	KT14D	Nam Định	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7096	A0002898			
157	Quản Thị Hạ Thương	22/10/2004	KT14D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7097	A0002899			
158	Trương Thị Thương	13/09/2003	KT14D	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7098	A0002900			
159	Nguyễn Thị Thu Thủy	17/03/2004	KT14D	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7099	A0002901			
160	Đinh Thị Thủy	15/04/2004	KT14D	Hòa Bình	Nữ	Mường	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7100	A0002902			
161	Nguyễn Thu Thủy	19/04/2002	KT14D	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7101	A0002903			
162	Nguyễn Thị Tinh	13/07/2004	KT14D	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Giỏi	25/7102	A0002904			
163	Tạ Thị Trà	08/03/2004	KT14D	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7103	A0002905			
164	Nguyễn Thị Trang	10/02/2004	KT14D	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7104	A0002906			
165	Cao Thị Trọng	23/09/2004	KT14D	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Xuất sắc	25/7105	A0002907			
166	Phạm Thị Thanh Xuân	08/05/2004	KT14D	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kế toán	nt	2025	Khá	25/7106	A0002908			
167	Hoàng Thị Ngọc Anh	15/11/2004	KD14A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7107	A0002909			
168	Nguyễn Thị Ngọc Anh	13/07/2004	KD14A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7108	A0002910			
169	Vương Thị Ngọc Anh	23/08/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7109	A0002911			
170	Nguyễn Thị Ngọc Bích	20/08/2003	KD14A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7110	A0002912			
171	Nguyễn Thị Mai Chi	25/07/2004	KD14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7111	A0002913			
172	Nguyễn Thị Thùy Chinh	03/03/2004	KD14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7112	A0002914			
173	Nguyễn Thị Thu Diệp	20/10/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7113	A0002915			
174	Bùi Thị Dịu	09/07/2004	KD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7114	A0002916			
175	Lê Thị Giang	14/03/2004	KD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7115	A0002917			
176	Trần Đức Hải	22/09/2002	KD14A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7116	A0002918			
177	Hồ Thị Thuý Hằng	15/11/2004	KD14A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7117	A0002919			
178	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/05/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7118	A0002920			
179	Bùi Thị Kim Hoa	28/02/2004	KD14A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7119	A0002921			
180	Đặng Huy Hoàng	29/09/2004	KD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7120	A0002922			
181	Nguyễn Thị Kim Hồng	06/02/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7121	A0002923			
182	Phạm Mai Huê	03/06/2004	KD14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7122	A0002924			
183	Vũ Thị Huế	13/01/2004	KD14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7123	A0002925			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
184	Nguyễn Thành Hưng	07/04/2004	KD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7124	A0002926			
185	Nguyễn Ngọc Huyền	06/06/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7125	A0002927			
186	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	10/12/2004	KD14A	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7126	A0002928			
187	Nguyễn Thị Thu Huyền	31/12/2003	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7127	A0002929			
188	Trần Thị Huyền	21/03/2004	KD14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7128	A0002930			
189	Trịnh Hữu Khánh	16/05/2004	KD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7129	A0002931			
190	Nguyễn Thị Thanh Lam	19/06/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7130	A0002932			
191	Nguyễn Thị Khánh Linh	26/10/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7131	A0002933			
192	Đỗ Văn Lộc	09/02/2004	KD14A	Nam Định	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7132	A0002934			
193	Trần Minh Lực	17/08/2003	KD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7133	A0002935			
194	Dương Thị Lưu	19/09/2003	KD14A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7134	A0002936			
195	Lê Thị Khánh Ly	06/11/2003	KD14A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7135	A0002937			
196	Lê Thị Trà My	09/10/2003	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7136	A0002938			
197	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	29/10/2004	KD14A	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7137	A0002939			
198	Đỗ Thu Nguyên	16/10/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7138	A0002940			
199	Nguyễn Diệu Ninh	19/10/2004	KD14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7139	A0002941			
200	Đỗ Mạnh Phong	21/02/2003	KD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7140	A0002942			
201	Nguyễn Thị Thu Phương	26/12/2004	KD14A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7141	A0002943			
202	Nguyễn Thị Thu Phương	12/01/2004	KD14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7142	A0002944			
203	Trần Hiệp Quốc	18/07/2004	KD14A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7143	A0002945			
204	Lê Văn Sang	21/01/2004	KD14A	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7144	A0002946			
205	Nguyễn Phương Thảo	26/02/2003	KD14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7145	A0002947			
206	Phạm Thị Thảo	05/11/2004	KD14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Khá	25/7146	A0002948			
207	Vũ Thị Ngọc Thi	25/11/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7147	A0002949			
208	Nguyễn Thị Thoa	10/08/2004	KD14A	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7148	A0002950			
209	Phạm Thị Thơm	22/05/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7149	A0002951			
210	Hoàng Thị Quỳnh Trang	22/02/2004	KD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7150	A0002952			
211	Ngô Thị Huyền Trang	18/01/2004	KD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7151	A0002953			
212	Phạm Thu Trang	17/12/2004	KD14A	Hà Nội	Nữ	Mường	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7152	A0002954			
213	Vũ Thị Vân	01/01/2004	KD14A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Giỏi	25/7153	A0002955			
214	Lương Thị Vy	15/11/2004	KD14A	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Kinh doanh thương mại	nt	2025	Xuất sắc	25/7154	A0002956			
215	Bùi Quốc Anh	01/11/2004	KTCB14A	Ninh Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7155	A0002957			
216	Phạm Thị Ngọc Anh	20/06/2004	KTCB14A	Điện Biên	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7156	A0002958			
217	Trần Ngọc Cảnh	15/02/2004	KTCB14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Xuất sắc	25/7157	A0002959			
218	Hà Minh Đức	03/09/2004	KTCB14A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7158	A0002960			
219	Nguyễn Công Thành Đức	03/10/2000	KTCB14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7159	A0002961			
220	Nguyễn Việt Đức	06/03/2003	KTCB14A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7160	A0002962			
221	Trương Phúc Đức	10/04/2002	KTCB14A	Nam Định	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7161	A0002963			
222	Nguyễn Văn Dũng	14/11/2002	KTCB14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7162	A0002964			
223	Đinh Thanh Hà	07/07/2003	KTCB14A	Thái Nguyên	Nam	Tày	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7163	A0002965			
224	Nguyễn Văn Hải	27/02/2004	KTCB14A	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7164	A0002966			
225	Lê Quang Hiếu	20/01/2004	KTCB14A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7165	A0002967			
226	Trần Trung Hiếu	22/03/2004	KTCB14A	Quảng Ninh	Nam	Sán Diu	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7166	A0002968			
227	Trần Việt Hoàng	05/08/2003	KTCB14A	Tuyên Quang	Nam	Dao	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7167	A0002969			
228	Trần Thị Thu Hương	09/11/2004	KTCB14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7168	A0002970			
229	Nguyễn Văn Khải	14/07/2004	KTCB14A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7169	A0002971			
230	Vi Mạnh Nguyễn	29/06/2004	KTCB14A	Lạng Sơn	Nam	Tày	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Trung bình	25/7170	A0002972			
231	Lê Bá Nhật	13/03/2004	KTCB14A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Xuất sắc	25/7171	A0002973			
232	Nguyễn Phương Thảo	02/05/2003	KTCB14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7172	A0002974			
233	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	24/02/2003	KTCB14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7173	A0002975			
234	Bùi Duy Tiến	18/06/2004	KTCB14A	Hòa Bình	Nam	Mường	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7174	A0002976			
235	Phạm Cẩm Tú	06/05/2004	KTCB14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7175	A0002977			
236	Hoàng Văn Việt	07/07/2004	KTCB14A	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7176	A0002978			
237	Lê Vương Anh	21/12/2004	KTCB14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7177	A0002979			
238	Lê Quang Bình	13/07/2004	KTCB14B	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7178	A0002980			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
239	Lê Mạnh Cường	05/12/2004	KTCB14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7179	A0002981			
240	Đỗ Thị Phương Đông	01/01/2004	KTCB14B	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7180	A0002982			
241	Lê Thanh Đông	23/02/2004	KTCB14B	Sơn La	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7181	A0002983			
242	Trương Phương Duy	19/05/2004	KTCB14B	Tuyên Quang	Nam	Thanh Y	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7182	A0002984			
243	Nguyễn Thị Minh Hằng	22/06/2004	KTCB14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7183	A0002985			
244	Phan Văn Hoà	13/09/2004	KTCB14B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7184	A0002986			
245	Trần Duy Hưng	23/11/2004	KTCB14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7185	A0002987			
246	Nguyễn Thị Hương	05/03/2004	KTCB14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7186	A0002988			
247	Trần Văn Huy	14/08/2004	KTCB14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7187	A0002989			
248	Nguyễn Thị Huyền	18/12/2004	KTCB14B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7188	A0002990			
249	Bùi Văn Khải	12/11/2004	KTCB14B	Hòa Bình	Nam	Mường	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7189	A0002991			
250	Đinh Văn Kiên	12/07/2004	KTCB14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7190	A0002992			
251	Lương Trung Kiên	06/07/2004	KTCB14B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7191	A0002993			
252	Cà Thị Long	20/02/2004	KTCB14B	Sơn La	Nữ	Thái	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7192	A0002994			
253	Nguyễn Văn Minh	31/08/2004	KTCB14B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7193	A0002995			
254	Âu Thuỳ Ngân	15/08/2004	KTCB14B	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7194	A0002996			
255	Dương Văn Phúc	12/07/2004	KTCB14B	Thái Nguyên	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7195	A0002997			
256	Triệu Văn Tuấn	10/03/2003	KTCB14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7196	A0002998			
257	Lê Duy Tùng	21/11/2002	KTCB14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7197	A0002999			
258	Trần Quang Vinh	22/07/2004	KTCB14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7198	A0003000			
259	Nguyễn Văn Vương	15/04/2004	KTCB14B	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7199	A0003001			
260	Nguyễn Minh Vượng	13/03/2004	KTCB14B	Nam Định	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7200	A0003002			
261	Hoàng Thái An	27/05/2004	KTCB14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7201	A0003003			
262	Phạm Hồng Anh	17/08/2003	KTCB14C	Hải Dương	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7202	A0003004			
263	Hoàng Hữu Đăng	27/12/2004	KTCB14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7203	A0003005			
264	Quách Thị Duyên	15/06/2004	KTCB14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7204	A0003006			
265	Đỗ Hữu Lập	28/02/2003	KTCB14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7205	A0003007			
266	Nguyễn Quỳnh Mai	18/12/2004	KTCB14C	Hải Dương	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Xuất sắc	25/7206	A0003008			
267	Lê Văn Nam	08/08/2001	KTCB14C	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7207	A0003009			
268	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	03/05/2004	KTCB14C	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7208	A0003010			
269	Ngô Thị Nhung	24/09/2004	KTCB14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Xuất sắc	25/7209	A0003011			
270	Nguyễn Thị Thu Phương	05/01/2004	KTCB14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Xuất sắc	25/7210	A0003012			
271	Phạm Việt Sơn	13/05/2004	KTCB14C	Hải Phòng	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7211	A0003013			
272	Vũ Tiến Việt	12/07/2002	KTCB14C	Hà Nam	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Giỏi	25/7212	A0003014			
273	Nguyễn Thị Vân Anh	29/12/2002	QTDL14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7213	A0003015			
274	Trương Công Nhật Anh	07/03/2004	QTDL14A	Hưng Yên	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7214	A0003016			
275	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	15/06/2004	QTDL14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7215	A0003017			
276	Nguyễn Trọng Ánh	30/09/2004	QTDL14A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7216	A0003018			
277	Phạm Hoàng Điệp	28/05/2004	QTDL14A	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7217	A0003019			
278	Trần Thị Dịu	22/09/2001	QTDL14A	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7218	A0003020			
279	Phùng Văn Đức	22/06/2003	QTDL14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7219	A0003021			
280	Nguyễn Trần Ánh Dương	09/02/2003	QTDL14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7220	A0003022			
281	Nguyễn Tùng Dương	22/09/2004	QTDL14A	Hòa Bình	Nam	Mường	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7221	A0003023			
282	Hoàng Minh Duy	31/08/2004	QTDL14A	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7222	A0003024			
283	Đỗ Thị Hương Giang	08/08/2004	QTDL14A	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7223	A0003025			
284	Nguyễn Ngọc Hà	23/09/2004	QTDL14A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7224	A0003026			
285	Nguyễn Thị Chinh Hà	08/09/2003	QTDL14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7225	A0003027			
286	Bàn Thị Quỳnh Hạnh	28/08/2003	QTDL14A	Hòa Bình	Nữ	Dao	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7226	A0003028			
287	Phạm Thị Hạnh	28/03/2003	QTDL14A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7227	A0003029			
288	Đào Thị Hoa	08/08/2004	QTDL14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7228	A0003030			
289	Nguyễn Thị Huệ	22/12/2004	QTDL14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7229	A0003031			
290	Nguyễn Văn Huy	05/10/2004	QTDL14A	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7230	A0003032			
291	Bùi Thị Phúc Khánh	16/08/2004	QTDL14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7231	A0003033			
292	Phạm Long Khánh	18/12/2002	QTDL14A	Đồng Nai	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7232	A0003034			
293	Vương Thị Hương Lan	20/06/2003	QTDL14A	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7233	A0003035			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
294	Nguyễn Kim Liên	02/01/2004	QTDL14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7234	A0003036			
295	Lò Thị Thùy Linh	11/08/2004	QTDL14A	Hà Giang	Nữ	Dao	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7235	A0003037			
296	Vũ Thị Linh	05/12/2003	QTDL14A	Lai Châu	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7236	A0003038			
297	Phạm Thị Mây	12/09/2002	QTDL14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7237	A0003039			
298	Trần Đình Minh	20/02/2004	QTDL14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7238	A0003040			
299	Nguyễn Trà My	05/02/2004	QTDL14A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7239	A0003041			
300	Ngô Phương Nam	05/04/2004	QTDL14A	Cao Bằng	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7240	A0003042			
301	Nguyễn Lê Nam	24/05/2004	QTDL14A	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7241	A0003043			
302	Đào Yến Nhi	02/07/2004	QTDL14A	Nghệ An	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7242	A0003044			
303	Sùng Mí Nô	15/02/2004	QTDL14A	Hà Giang	Nam	H'mong	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7243	A0003045			
304	Nguyễn Thị Oanh	09/03/2001	QTDL14A	Lào Cai	Nữ	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7244	A0003046			
305	Phạm Thị Oanh	18/11/2004	QTDL14A	Hòa Bình	Nữ	Thái	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7245	A0003047			
306	Nguyễn Thị Minh Phương	05/06/2004	QTDL14A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7246	A0003048			
307	Trần Hoài Phương	21/07/2004	QTDL14A	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7247	A0003049			
308	Hoàng Thị Phương Thanh	18/04/2004	QTDL14A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7248	A0003050			
309	Nguyễn Thị Thanh	13/01/2003	QTDL14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7249	A0003051			
310	Nguyễn Thị Trà	17/12/2004	QTDL14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7250	A0003052			
311	Trần Thị Trâm	04/03/2003	QTDL14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7251	A0003053			
312	Vi Thị Thu Trang	24/06/2002	QTDL14A	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7252	A0003054			
313	Đỗ Hoàng Minh Trí	02/01/2004	QTDL14A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7253	A0003055			
314	Nguyễn Dương Tùng	14/08/2004	QTDL14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7254	A0003056			
315	Kiều Thị Yến	18/07/2003	QTDL14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7255	A0003057			
316	Nguyễn Tú Anh	14/04/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7256	A0003058			
317	Phạm Hồng Ánh	11/09/2004	QTDL14B	Đaklak	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7257	A0003059			
318	Đỗ Mạnh Cường	15/08/2002	QTDL14B	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7258	A0003060			
319	Nông Thị Thuý Đào	16/08/2004	QTDL14B	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7259	A0003061			
320	Tạ Thùy Dương	03/01/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7260	A0003062			
321	Lô Văn Hảo	04/04/2004	QTDL14B	Cao Bằng	Nam	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7261	A0003063			
322	Kiều Chí Hiếu	08/10/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7262	A0003064			
323	Vũ Quang Hiếu	21/08/2004	QTDL14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7263	A0003065			
324	Trần Hải Hoàn	01/10/2004	QTDL14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7264	A0003066			
325	Nguyễn Duy Hoàng	18/10/2004	QTDL14B	Phú Thọ	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7265	A0003067			
326	Nguyễn Lan Hương	13/10/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7266	A0003068			
327	Bế Văn Khải	21/03/2004	QTDL14B	Cao Bằng	Nam	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7267	A0003069			
328	Đỗ Thị Lan	09/04/2004	QTDL14B	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7268	A0003070			
329	Phạm Thị Mai Lan	03/03/2004	QTDL14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7269	A0003071			
330	Trần Thị Lành	18/12/2000	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7270	A0003072			
331	Ngô Thuý Linh	19/08/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7271	A0003073			
332	Nguyễn Thị Linh	05/03/2004	QTDL14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7272	A0003074			
333	Hoàng Ngọc Minh	03/08/2004	QTDL14B	Yên Bái	Nam	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7273	A0003075			
334	Nguyễn Thị Yến Nhi	15/11/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7274	A0003076			
335	Đỗ Thị Kim Oanh	02/08/2004	QTDL14B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7275	A0003077			
336	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/08/2003	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7276	A0003078			
337	Nguyễn Thị Bích Phượng	17/09/2003	QTDL14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7277	A0003079			
338	Nguyễn Minh Quang	09/07/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7278	A0003080			
339	Nguyễn Thế Quốc	15/09/2003	QTDL14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7279	A0003081			
340	Đặng Thanh Thu	18/12/2003	QTDL14B	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7280	A0003082			
341	Nguyễn Thị Thuý	31/10/2004	QTDL14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7281	A0003083			
342	Đỗ Văn Tín	09/06/2003	QTDL14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7282	A0003084			
343	Nguyễn Thị Trang	05/11/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7283	A0003085			
344	Phạm Kiều Trang	20/07/2004	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7284	A0003086			
345	Võ Thị Quỳnh Trang	09/10/2004	QTDL14B	Nghệ An	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7285	A0003087			
346	Nguyễn Thị Thanh Xuân	03/02/2003	QTDL14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7286	A0003088			
347	Lê Văn An	03/10/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7287	A0003089			
348	Vũ Thị Phương Anh	13/12/2004	QTDL14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7288	A0003090			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
349	Đỗ Ngọc Ánh	06/11/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7289	A0003091			
350	Phan Thị Ánh	23/01/2004	QTDL14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7290	A0003092			
351	Trần Ngọc Ánh	14/12/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7291	A0003093			
352	Đoàn Bích Diệp	14/09/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7292	A0003094			
353	Nguyễn Thị Phương Dung	07/05/2004	QTDL14C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7293	A0003095			
354	Đào Thuỳ Dương	24/04/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7294	A0003096			
355	Nguyễn Phi Duy	27/11/2004	QTDL14C	Thái Nguyên	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7295	A0003097			
356	Kiều Thị Trà Giang	03/11/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7296	A0003098			
357	Nguyễn Văn Giới	26/06/2004	QTDL14C	Bắc Giang	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7297	A0003099			
358	Văn Thị Minh Hằng	20/03/2004	QTDL14C	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7298	A0003100			
359	Vương Thị Hậu	17/07/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7299	A0003101			
360	Đào Thúy Hiền	04/07/2004	QTDL14C	Kon Tum	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7300	A0003102			
361	Lương Thị Hiền	12/05/2002	QTDL14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7301	A0003103			
362	Nguyễn Minh Hiền	30/09/2004	QTDL14C	Sơn La	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7302	A0003104			
363	Lê Thị Hoa	03/10/2004	QTDL14C	Bình Phước	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7303	A0003105			
364	Đàm Thị Thanh Huê	02/11/2004	QTDL14C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7304	A0003106			
365	Nguyễn Văn Huy	14/03/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7305	A0003107			
366	Đặng Thị Huyền	16/03/2004	QTDL14C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7306	A0003108			
367	Mã Thị Huyền	01/10/2004	QTDL14C	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7307	A0003109			
368	Nguyễn Ngọc Huyền	11/12/2004	QTDL14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7308	A0003110			
369	Lý Đăng Khôi	03/05/2004	QTDL14C	Hà Giang	Nam	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7309	A0003111			
370	Lưu Hà Tùng Lâm	02/06/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7310	A0003112			
371	Nguyễn Thế Lâm	27/04/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7311	A0003113			
372	Đỗ Ngọc Linh	05/08/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7312	A0003114			
373	Nguyễn Thị Ngọc Loan	28/12/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7313	A0003115			
374	Trần Phương Loan	04/09/2004	QTDL14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7314	A0003116			
375	Lưu Khánh Ly	19/12/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7315	A0003117			
376	Phan Thị Mai	18/06/2003	QTDL14C	Nghệ An	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7316	A0003118			
377	Hoàng Thị Lê Na	08/11/2004	QTDL14C	Cao Bằng	Nữ	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7317	A0003119			
378	Trần Thị Ánh Ngọc	28/07/2004	QTDL14C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7318	A0003120			
379	Phạm Thị Khánh Nhật	13/05/2003	QTDL14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7319	A0003121			
380	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/10/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7320	A0003122			
381	Trần Thị Nhung	06/10/2004	QTDL14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7321	A0003123			
382	Nguyễn Văn Phú	06/12/2004	QTDL14C	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7322	A0003124			
383	Phạm Thu Phương	21/06/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7323	A0003125			
384	Lê Thị Quỳnh	17/08/2004	QTDL14C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7324	A0003126			
385	Nguyễn Như Quỳnh	11/07/2004	QTDL14C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7325	A0003127			
386	Nguyễn Thị Thắm	28/02/2004	QTDL14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Xuất sắc	25/7326	A0003128			
387	Lê Thị Phương Thảo	03/01/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7327	A0003129			
388	Nguyễn Diệu Thảo	24/04/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7328	A0003130			
389	Nguyễn Thị Thảo	19/12/2004	QTDL14C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7329	A0003131			
390	Trịnh Thị Thu	21/11/2004	QTDL14C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7330	A0003132			
391	Vương Thị Hoài Thương	21/07/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7331	A0003133			
392	Trần Đức Tiệp	15/11/2004	QTDL14C	Yên Bái	Nam	Tày	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7332	A0003134			
393	Đào Đức Trường	02/05/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7333	A0003135			
394	Đỗ Hoàng Trường	08/06/2003	QTDL14C	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7334	A0003136			
395	Vũ Thị Cẩm Tú	25/01/2004	QTDL14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7335	A0003137			
396	Chu Thị Uyên	30/10/2004	QTDL14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7336	A0003138			
397	Nguyễn Khánh Vân	16/09/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7337	A0003139			
398	Lưu Minh Vũ	19/05/2004	QTDL14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Giỏi	25/7338	A0003140			
399	Đương Quốc An	15/03/2001	QTKS14A	Thái Nguyên	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7339	A0003141			
400	Cao Thị Vân Anh	04/09/2000	QTKS14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7340	A0003142			
401	Trịnh Thị Lan Anh	14/05/1999	QTKS14A	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7341	A0003143			
402	Nguyễn Thị Ánh	11/02/2004	QTKS14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7342	A0003144			
403	Khuất Đức Doanh	06/06/2004	QTKS14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7343	A0003145			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
404	Phùng Thị Giang	23/07/2002	QTKS14A	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7344	A0003146			
405	Đoàn Thị Hằng	19/08/2004	QTKS14A	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7345	A0003147			
406	Đỗ Thị Thu Hiền	02/07/2004	QTKS14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7346	A0003148			
407	Vũ Cao Xuân Hoàng	21/07/2004	QTKS14A	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7347	A0003149			
408	Trần Thị Nhị Hường	17/01/2003	QTKS14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7348	A0003150			
409	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/11/2004	QTKS14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7349	A0003151			
410	Nguyễn Ngọc Lan	10/01/2004	QTKS14A	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7350	A0003152			
411	Nguyễn Thị Mai Lan	14/10/2003	QTKS14A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7351	A0003153			
412	Nguyễn Thị Kiều Linh	26/07/2003	QTKS14A	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7352	A0003154			
413	Bùi Lâm Minh	20/02/2004	QTKS14A	Kiên Giang	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7353	A0003155			
414	Hoàng Thị Trà My	12/09/2004	QTKS14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7354	A0003156			
415	Trương Thúy Nga	18/06/2004	QTKS14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7355	A0003157			
416	Phùng Thị Minh Nguyệt	22/10/2003	QTKS14A	Hòa Bình	Nữ	Dao	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7356	A0003158			
417	Nguyễn Thị Nhung	18/01/2004	QTKS14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7357	A0003159			
418	Nguyễn Hải Phú	21/01/2003	QTKS14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7358	A0003160			
419	Hà Thị Bích Phương	17/02/2004	QTKS14A	Hòa Bình	Nữ	Thái	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7359	A0003161			
420	Nguyễn Thị Minh Phương	01/03/2004	QTKS14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7360	A0003162			
421	Nguyễn Việt Phương	29/07/2000	QTKS14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7361	A0003163			
422	Vũ Cao Sơn	13/05/2004	QTKS14A	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7362	A0003164			
423	Lê Văn Tân	28/08/2004	QTKS14A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7363	A0003165			
424	Đỗ Tiến Thành	24/12/2004	QTKS14A	Hải Phòng	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7364	A0003166			
425	Nguyễn Minh Thu	12/11/2002	QTKS14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7365	A0003167			
426	Lê Anh Thư	21/10/2004	QTKS14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7366	A0003168			
427	Trương Thế Tiền	12/01/1996	QTKS14A	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7367	A0003169			
428	Trần Thị Trâm	09/02/2002	QTKS14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7368	A0003170			
429	Phạm Như Huyền Trang	18/02/2001	QTKS14A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7369	A0003171			
430	Lê Hải Triều	24/04/2004	QTKS14A	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7370	A0003172			
431	Trần Quang Tuấn	06/05/2004	QTKS14A	Tuyên Quang	Nam	Cao Lan	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7371	A0003173			
432	Nguyễn Sơn Tùng	23/10/2002	QTKS14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7372	A0003174			
433	Ngô Quỳnh Anh	28/09/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7373	A0003175			
434	Nguyễn Duy Anh	13/06/2004	QTKS14B	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Khá	25/7374	A0003176			
435	Nguyễn Thị Phương Anh	14/12/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7375	A0003177			
436	Phạm Thị Minh Anh	29/03/2004	QTKS14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7376	A0003178			
437	Đinh Thị Chúc	05/05/2004	QTKS14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7377	A0003179			
438	Nguyễn Hoàng Dũng	02/08/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7378	A0003180			
439	Tổng Văn Giáp	27/05/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7379	A0003181			
440	Lê Thị Thu Hà	18/09/2004	QTKS14B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7380	A0003182			
441	Phạm Thanh Hà	06/03/2000	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7381	A0003183			
442	Phạm Thị Thu Hà	28/10/2004	QTKS14B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7382	A0003184			
443	Lê Thị Thanh Hải	18/09/2004	QTKS14B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7383	A0003185			
444	Phạm Bích Hằng	29/02/2004	QTKS14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7384	A0003186			
445	Lê Thị Thanh Hoa	22/12/2004	QTKS14B	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7385	A0003187			
446	Nguyễn Thị Huyền	01/01/2004	QTKS14B	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7386	A0003188			
447	Phạm Thị Khánh Huyền	21/02/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7387	A0003189			
448	Phạm Thị Mỹ Linh	10/08/2004	QTKS14B	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7388	A0003190			
449	Nguyễn Thị Thanh Loan	02/06/2003	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7389	A0003191			
450	Nguyễn Hoàng Luận	13/10/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7390	A0003192			
451	Nguyễn Thị Ngọc Mai	19/06/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7391	A0003193			
452	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	17/12/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7392	A0003194			
453	Nguyễn Thị Yến Nhi	03/10/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7393	A0003195			
454	Phạm Thị Kiều Oanh	01/11/2004	QTKS14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7394	A0003196			
455	Cao Thị Lệ Quyên	13/04/2004	QTKS14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7395	A0003197			
456	Đào Thu Thảo	04/09/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7396	A0003198			
457	Đặng Thị Thư	13/06/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7397	A0003199			
458	Đinh Thị Trang	02/10/2004	QTKS14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Giỏi	25/7398	A0003200			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
459	Tạ Thanh Vân	19/11/2004	QTKS14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị khách sạn	nt	2025	Xuất sắc	25/7399	A0003201			
460	Lưu Thế Anh	05/08/2003	QTKD14A	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7400	A0003202			
461	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	08/09/2003	QTKD14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7401	A0003203			
462	Đặng Phương Ánh	07/12/2004	QTKD14A	Yên Bái	Nữ	Dao	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7402	A0003204			
463	Vũ Thị Ngọc Ánh	03/03/2003	QTKD14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7403	A0003205			
464	Lê Thị Hồng Diệp	06/01/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7404	A0003206			
465	Lê Thùy Dương	24/09/2004	QTKD14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7405	A0003207			
466	Đỗ Thùy Duyên	02/07/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7406	A0003208			
467	Nguyễn Văn Giáp	22/11/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7407	A0003209			
468	Trần Văn Hà	19/01/2000	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7408	A0003210			
469	Nguyễn Khắc Hải	19/09/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7409	A0003211			
470	Nguyễn Thị Thanh Hằng	11/03/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7410	A0003212			
471	Nguyễn Thị Thu Hằng	30/10/2000	QTKD14A	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7411	A0003213			
472	Trần Thị Thuý Hằng	15/12/2003	QTKD14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7412	A0003214			
473	Dương Hồng Hạnh	21/09/2002	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7413	A0003215			
474	Nguyễn Ngọc Hoài	19/10/2004	QTKD14A	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7414	A0003216			
475	Nguyễn Đức Hường	26/09/2004	QTKD14A	Phú Thọ	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Trung bình	25/7415	A0003217			
476	Lê Thị Huyền	13/03/2004	QTKD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7416	A0003218			
477	Bùi Ngọc Lan	13/07/2004	QTKD14A	Hòa bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7417	A0003219			
478	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/04/2003	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7418	A0003220			
479	Hoàng Đức Lưu	09/10/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7419	A0003221			
480	Ngô Khánh Ly	02/07/2004	QTKD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7420	A0003222			
481	Nguyễn Hùng Mạnh	09/08/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7421	A0003223			
482	Bùi Thị Thu Ngân	05/09/2003	QTKD14A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7422	A0003224			
483	Lê Thị Ngọc	14/10/2002	QTKD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7423	A0003225			
484	Nguyễn Huy Ngọc	23/05/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7424	A0003226			
485	Phạm Hồng Quyên	24/12/2003	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7425	A0003227			
486	Hoàng Thanh Thảo	14/01/2004	QTKD14A	Bắc Giang	Nữ	Tày	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7426	A0003228			
487	Nguyễn Quang Thiện	14/03/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Trung bình	25/7427	A0003229			
488	Bùi Thị Huyền Trang	31/08/2004	QTKD14A	TP Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7428	A0003230			
489	Đỗ Thị Thu Trang	08/02/2004	QTKD14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7429	A0003231			
490	Nguyễn Thị Thuý Trang	10/09/2004	QTKD14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7430	A0003232			
491	Tạ Thị Kiều Trang	05/06/2004	QTKD14A	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7431	A0003233			
492	Nguyễn Thị Ngọc Anh	06/12/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7432	A0003234			
493	Nguyễn Thị Phương Anh	16/05/2004	QTKD14B	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7433	A0003235			
494	Nguyễn Thị Vân Anh	03/11/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7434	A0003236			
495	Nguyễn Thị Hồng Bích	30/03/2004	QTKD14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7435	A0003237			
496	Bùi Đức Chung	10/11/2003	QTKD14B	Hòa Bình	Nam	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7436	A0003238			
497	Đỗ Thị Dung	01/01/2004	QTKD14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7437	A0003239			
498	Lê Thị Vân Dung	19/09/2003	QTKD14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Trung bình	25/7438	A0003240			
499	Vũ Phạm Thuý Dương	27/06/2004	QTKD14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7439	A0003241			
500	Tạ Thị Giang	16/06/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7440	A0003242			
501	Trần Thu Hà	03/02/2004	QTKD14B	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7441	A0003243			
502	Lê Thị Lan Hương	28/09/2002	QTKD14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7442	A0003244			
503	Nguyễn Thị Minh Huyền	02/09/2004	QTKD14B	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7443	A0003245			
504	Phùng Thị Thanh Huyền	27/08/2004	QTKD14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7444	A0003246			
505	Lê Thị Liên	10/09/2002	QTKD14B	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7445	A0003247			
506	Lê Khánh Linh	11/12/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7446	A0003248			
507	Nguyễn Thị Phương Linh	05/11/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7447	A0003249			
508	Nguyễn Thị Cẩm Ly	27/02/2004	QTKD14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7448	A0003250			
509	Đỗ Bảo Minh	20/08/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7449	A0003251			
510	Đoàn Thị Thanh Nga	28/07/2004	QTKD14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7450	A0003252			
511	Lê Thị Thuý Nga	18/12/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7451	A0003253			
512	Lê Thị Thúy Nga	10/10/2003	QTKD14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7452	A0003254			
513	Ngô Thị Hồng Ngọc	20/11/2004	QTKD14B	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7453	A0003255			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
514	Lê Thị Nguyệt	28/02/2004	QTKD14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7454	A0003256			
515	Mai Thị Như Quỳnh	15/02/2004	QTKD14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7455	A0003257			
516	Nguyễn Đình Thắng	12/02/2002	QTKD14B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7456	A0003258			
517	Nguyễn Thế Thao	21/01/2003	QTKD14B	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7457	A0003259			
518	Nguyễn Thu Thảo	03/09/2004	QTKD14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7458	A0003260			
519	Trần Thị Thúy	27/11/2004	QTKD14B	Đắklắk	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7459	A0003261			
520	Phạm Quang Toàn	07/12/2002	QTKD14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7460	A0003262			
521	Nguyễn Thị Thanh Trang	31/07/2004	QTKD14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7461	A0003263			
522	Phạm Đan Trường	18/03/2001	QTKD14B	Thái Bình	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7462	A0003264			
523	Ngô Văn Tú	16/03/2003	QTKD14B	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7463	A0003265			
524	Nguyễn Lê Yến Vy	11/07/2004	QTKD14B	Bình Phước	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7464	A0003266			
525	Nguyễn Thị Yến	21/11/2004	QTKD14B	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7465	A0003267			
526	Nguyễn Bảo Anh	26/06/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7466	A0003268			
527	Lê Thị Dung	25/03/2004	QTKD14C	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7467	A0003269			
528	Ngô Hoàng Dũng	10/11/2003	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Trung bình	25/7468	A0003270			
529	Nguyễn Trọng Duy	23/01/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7469	A0003271			
530	Nguyễn Thị Giang	09/10/2004	QTKD14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7470	A0003272			
531	Phạm Thị Hương Giang	18/06/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7471	A0003273			
532	Lê Thu Hà	28/07/2003	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7472	A0003274			
533	Lê Thị Hải	09/10/2004	QTKD14C	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7473	A0003275			
534	Lã Thị Thu Hiền	13/05/2004	QTKD14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7474	A0003276			
535	Nguyễn Thị Hồng Hoa	25/11/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7475	A0003277			
536	Phạm Thị Huân	27/05/2004	QTKD14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7476	A0003278			
537	Nguyễn Mai Hương	14/02/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7477	A0003279			
538	Cao Xuân Huy	22/06/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7478	A0003280			
539	Lê Quang Huy	28/10/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7479	A0003281			
540	Đào Thị Thanh Huyền	18/01/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7480	A0003282			
541	Nguyễn Khánh Huyền	29/07/2004	QTKD14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7481	A0003283			
542	Nguyễn Thị Thu Huyền	03/02/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7482	A0003284			
543	Nguyễn Ngọc Lan	02/11/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7483	A0003285			
544	Nguyễn Khánh Linh	19/06/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7484	A0003286			
545	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/05/2004	QTKD14C	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7485	A0003287			
546	Trịnh Thị Thuý Linh	02/11/2004	QTKD14C	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7486	A0003288			
547	Tạ Thanh Loan	04/11/2004	QTKD14C	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7487	A0003289			
548	Hoàng Đình Lộc	12/08/2001	QTKD14C	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7488	A0003290			
549	Hà Bảo Long	23/08/2004	QTKD14C	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7489	A0003291			
550	Nguyễn Thị Diệu Ly	26/04/2004	QTKD14C	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7490	A0003292			
551	Lại Duy Mạnh	08/08/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Trung bình	25/7491	A0003293			
552	Nguyễn Khắc Nam	01/01/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Trung bình	25/7492	A0003294			
553	Trần Thị Thuý Nga	03/11/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7493	A0003295			
554	Nguyễn Thị Ngát	28/11/2004	QTKD14C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7494	A0003296			
555	Nguyễn Thị Ngoan	23/01/2004	QTKD14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7495	A0003297			
556	Nguyễn Thị Ngọc	13/10/2004	QTKD14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7496	A0003298			
557	Hứa Thị Nhung	14/07/2004	QTKD14C	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7497	A0003299			
558	Đình Quốc Phong	28/11/2004	QTKD14C	Ninh Bình	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7498	A0003300			
559	Cao Văn Phúc	17/11/2002	QTKD14C	Hưng Yên	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7499	A0003301			
560	Trần Thị Thu Phương	07/06/2004	QTKD14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7500	A0003302			
561	Vũ Nguyễn Thanh Phương	04/10/2004	QTKD14C	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7501	A0003303			
562	Nguyễn Thị Bích Phượn	11/08/2004	QTKD14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7502	A0003304			
563	Lưu Thị Thắm	29/12/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7503	A0003305			
564	Bùi Thị Thanh	18/09/2004	QTKD14C	Hải Dương	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7504	A0003306			
565	Nguyễn Thị Thu Thảo	22/04/2004	QTKD14C	Hòa Bình	Nữ	Mường	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7505	A0003307			
566	Đào Duy Thuần	30/06/2003	QTKD14C	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7506	A0003308			
567	Trần Thị Thanh Thuý	06/11/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7507	A0003309			
568	Phạm Quang Tiến	29/10/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7508	A0003310			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
569	Đỗ Hải Trang	02/01/2004	QTKD14C	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7509	A0003311			
570	Vũ Thuỳ Trang	18/02/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7510	A0003312			
571	Vương Thị Huyền Trang	04/10/2004	QTKD14C	Lào Cai	Nữ	Nùng	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Xuất sắc	25/7511	A0003313			
572	Nguyễn Quang Trung	07/02/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7512	A0003314			
573	Trần Đình Tuyền	08/01/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Khá	25/7513	A0003315			
574	Đỗ Tú Vân	01/04/2004	QTKD14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7514	A0003316			
575	Vương Thị Thu Yến	06/03/2004	QTKD14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị kinh doanh	nt	2025	Giỏi	25/7515	A0003317			
576	Bùi Bá Việt Anh	03/08/2004	QTNH14A	Hà Nam	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7516	A0003318			
577	Đào Phương Anh	02/07/2004	QTNH14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7517	A0003319			
578	Nguyễn Thị Vân Anh	08/06/2004	QTNH14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7518	A0003320			
579	Trần Xuân Đức	20/07/2002	QTNH14A	Nam Định	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7519	A0003321			
580	Hoàng Thị Kim Dung	08/10/2004	QTNH14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7520	A0003322			
581	Vũ Đức Hải	02/09/2004	QTNH14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7521	A0003323			
582	Đoàn Văn Hiếu	16/10/2004	QTNH14A	Sơn La	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7522	A0003324			
583	Bùi Công Huân	13/11/2004	QTNH14A	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7523	A0003325			
584	Chữ Đức Huy	24/03/2004	QTNH14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7524	A0003326			
585	Đặng Xuân Huy	09/08/2001	QTNH14A	Thái Nguyên	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7525	A0003327			
586	Nguyễn Thế Lực	26/11/2004	QTNH14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7526	A0003328			
587	Lê Quang Minh	17/04/2003	QTNH14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7527	A0003329			
588	Nguyễn Thị Ngọc	05/11/2004	QTNH14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7528	A0003330			
589	Bùi Thị Phương	12/08/2004	QTNH14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7529	A0003331			
590	Trần Thị Mai Phương	25/09/2004	QTNH14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7530	A0003332			
591	Vũ Ngọc Quỳnh	02/11/2004	QTNH14A	Yên Bái	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7531	A0003333			
592	Bùi Đoàn Minh Thu	05/11/2004	QTNH14A	Hoà Bình	Nữ	Mường	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7532	A0003334			
593	Nguyễn Thị Thủy	19/09/2004	QTNH14A	Sơn La	Nữ	Mường	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7533	A0003335			
594	Vũ Thị Thanh Trà	07/01/2004	QTNH14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7534	A0003336			
595	Nguyễn Thị Trang	18/03/2003	QTNH14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7535	A0003337			
596	Lý Tú Uyên	09/06/2004	QTNH14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7536	A0003338			
597	Nguyễn Thị Vân	07/05/2004	QTNH14A	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7537	A0003339			
598	Lê Công Vinh	07/06/2004	QTNH14A	Hà Tây	Nam	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Giỏi	25/7538	A0003340			
599	Ngô Thị Yến	03/12/2004	QTNH14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	nt	2025	Xuất sắc	25/7539	A0003341			
600	Trần Thị Vân Anh	03/06/2004	TMBĐT14A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7540	A0003342			
601	Phạm Thị Bích	09/08/2002	TMBĐT14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7541	A0003343			
602	Nguyễn Quế Bình	08/12/2004	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7542	A0003344			
603	Đào Thị Cúc	06/12/2003	TMBĐT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7543	A0003345			
604	Nguyễn Mậu Đại	09/01/2003	TMBĐT14A	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7544	A0003346			
605	Phạm Tiến Đạt	24/03/2004	TMBĐT14A	Hải Dương	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7545	A0003347			
606	Nguyễn Thị Duyên	07/08/2002	TMBĐT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7546	A0003348			
607	Nguyễn Thị Hằng	05/11/2004	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7547	A0003349			
608	Vũ Thị Hạnh	15/11/2000	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7548	A0003350			
609	Ngọ Thị Bích Hiền	17/08/2004	TMBĐT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7549	A0003351			
610	Nguyễn Thị Hiền	16/08/2003	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Trung bình	25/7550	A0003352			
611	Đỗ Thị Hương	23/10/2004	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7551	A0003353			
612	Trần Thị Thu Hương	11/01/2004	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7552	A0003354			
613	Lê Văn Huy	01/03/2004	TMBĐT14A	Gia Lai	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7553	A0003355			
614	Hoàng Thị Thu Huyền	02/08/2004	TMBĐT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7554	A0003356			
615	Đặng Quốc Khánh	10/06/2000	TMBĐT14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7555	A0003357			
616	Nguyễn Thị Thùy Linh	24/09/2003	TMBĐT14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7556	A0003358			
617	Nguyễn Thuỳ Linh	06/01/2003	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7557	A0003359			
618	Lê Thị Mai	15/08/2004	TMBĐT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7558	A0003360			
619	Phạm Thị Ngọc Mai	23/12/2004	TMBĐT14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7559	A0003361			
620	Lê Thuý Nga	25/05/2004	TMBĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7560	A0003362			
621	Bùi Bích Nguyệt	09/04/1999	TMBĐT14A	Hòa Bình	Nữ	Mường	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7561	A0003363			
622	Nguyễn Thị Phương	14/11/2002	TMBĐT14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7562	A0003364			
623	Trần Thị Diễm Quỳnh	30/03/2004	TMBĐT14A	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7563	A0003365			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
624	Nguyễn Mạnh Thắng	13/10/2004	TMĐT14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7564	A0003366			
625	Nguyễn Quyết Thắng	11/09/2004	TMĐT14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7565	A0003367			
626	Nguyễn Thị Thanh	18/08/2004	TMĐT14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7566	A0003368			
627	Nguyễn Trịnh Vân	21/06/2002	TMĐT14A	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7567	A0003369			
628	Chu Thị Ngọc Ánh	03/01/2004	TMĐT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7568	A0003370			
629	Nguyễn Thị Bình	16/12/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7569	A0003371			
630	Đặng Xuân Tiến Đạt	09/10/2004	TMĐT14B	Hà Nam	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7570	A0003372			
631	Ngô Đình Doanh	09/03/2004	TMĐT14B	Bắc Giang	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7571	A0003373			
632	Phạm Thị Kim Dung	01/08/2004	TMĐT14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7572	A0003374			
633	Nguyễn Thị Dương	24/09/2001	TMĐT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7573	A0003375			
634	Dương Thị Hằng	09/11/2003	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7574	A0003376			
635	Nguyễn Thị Hiền	18/11/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7575	A0003377			
636	Đỗ Tiến Hoàng	30/07/2004	TMĐT14B	Yên Bái	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Trung bình	25/7576	A0003378			
637	Lý Thanh Khoa	15/01/2004	TMĐT14B	Cao Bằng	Nam	Tày	Thương mại điện tử	nt	2025	Trung bình	25/7577	A0003379			
638	Bùi Thị Lan	24/09/2004	TMĐT14B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7578	A0003380			
639	Nguyễn Thị Lan Linh	04/12/2004	TMĐT14B	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7579	A0003381			
640	Phạm Thị Mai Linh	10/08/2003	TMĐT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7580	A0003382			
641	Nguyễn Thị Lữ	17/03/2004	TMĐT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7581	A0003383			
642	Đoàn Thị Thúy Ngân	11/02/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7582	A0003384			
643	Nguyễn Thị Ngọc	05/12/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7583	A0003385			
644	Tạ Thị Hồng Nhung	09/11/2003	TMĐT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7584	A0003386			
645	Nguyễn Thị Chân Nữ	14/01/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7585	A0003387			
646	Lê Thị Quỳnh	05/12/2002	TMĐT14B	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7586	A0003388			
647	La Thị Thành	23/11/2003	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7587	A0003389			
648	Phạm Thị Phương Thảo	01/11/2004	TMĐT14B	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7588	A0003390			
649	Phùng Thị Thảo	10/02/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7589	A0003391			
650	Nguyễn Thị Thu	16/09/2003	TMĐT14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7590	A0003392			
651	Nguyễn Thị Thương	02/12/2000	TMĐT14B	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7591	A0003393			
652	Chu Văn Tiến	29/08/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7592	A0003394			
653	Đỗ Lê Uyên Trinh	17/11/2004	TMĐT14B	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7593	A0003395			
654	Nguyễn Quốc Trọng	09/09/2003	TMĐT14B	Lai Châu	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7594	A0003396			
655	Đặng Thị Hồng Vĩ	20/01/2004	TMĐT14B	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7595	A0003397			
656	Lã Thị Lan Anh	22/07/2004	TMĐT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7596	A0003398			
657	Trần Tuấn Anh	20/08/1998	TMĐT14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7597	A0003399			
658	Nguyễn Thị Kim Chi	22/02/2004	TMĐT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7598	A0003400			
659	Tổng Hải Đăng	03/02/2002	TMĐT14C	Ninh Bình	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7599	A0003401			
660	Lê Tiến Đạt	12/01/2004	TMĐT14C	Hưng Yên	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7600	A0003402			
661	Cáp Thị Thùy Dương	04/11/2004	TMĐT14C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7601	A0003403			
662	Đặng Đại Dương	14/03/2004	TMĐT14C	Hải Dương	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7602	A0003404			
663	Nguyễn Bạch Dương	13/05/2004	TMĐT14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7603	A0003405			
664	Ngô Thị Duyên	18/02/2003	TMĐT14C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Trung bình	25/7604	A0003406			
665	Phạm Thị Ẽn	31/05/2004	TMĐT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7605	A0003407			
666	Nguyễn Thị Giang	01/11/2004	TMĐT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7606	A0003408			
667	Nguyễn Thị Thu Hà	23/03/2004	TMĐT14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7607	A0003409			
668	Lò Thanh Hải	23/03/2004	TMĐT14C	Son La	Nam	Thái	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7608	A0003410			
669	Vũ Thị Mỹ Hạnh	11/01/2004	TMĐT14C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7609	A0003411			
670	Hoàng Trung Hiếu	10/08/2004	TMĐT14C	Bắc Giang	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7610	A0003412			
671	Nguyễn Trung Hiếu	02/10/2004	TMĐT14C	Hà Nam	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7611	A0003413			
672	Lương Thị Hoà	17/04/2004	TMĐT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7612	A0003414			
673	Phạm Văn Hoàng	18/08/2003	TMĐT14C	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7613	A0003415			
674	Lê Thị Hồng	18/08/2004	TMĐT14C	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7614	A0003416			
675	Lê Thị Hồng	24/11/2004	TMĐT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7615	A0003417			
676	Lê Đình Hùng	04/11/2004	TMĐT14C	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7616	A0003418			
677	Thân Thị Hường	18/02/2004	TMĐT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7617	A0003419			
678	Nguyễn Quang Huy	05/09/2004	TMĐT14C	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Trung bình	25/7618	A0003420			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
679	Ngô Thị Thu Huyền	25/09/2004	TMBT14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7619	A0003421			
680	Tạ Thị Thanh Huyền	30/06/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7620	A0003422			
681	Nguyễn Văn Khỏe	28/09/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7621	A0003423			
682	Mai Khánh Linh	05/04/2004	TMBT14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7622	A0003424			
683	Nguyễn Thị Thùy Linh	26/01/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7623	A0003425			
684	Phạm Thị Phương Linh	14/03/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7624	A0003426			
685	Nguyễn Thị Phương Ly	09/06/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7625	A0003427			
686	Ngô Thị Mai	14/10/2004	TMBT14C	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7626	A0003428			
687	Nguyễn Thành Minh	30/10/1995	TMBT14C	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7627	A0003429			
688	Nguyễn Thoại Mỹ	19/12/2004	TMBT14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7628	A0003430			
689	Nguyễn Hữu Nam	10/06/2004	TMBT14C	Bắc Giang	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7629	A0003431			
690	Vũ Hoài Nam	10/09/2004	TMBT14C	Thái Bình	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7630	A0003432			
691	Nguyễn Thị Thuý Nga	22/06/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7631	A0003433			
692	Phạm Thị Ngà	09/01/2004	TMBT14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7632	A0003434			
693	Trần Thủy Ngân	25/06/2004	TMBT14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7633	A0003435			
694	Trần Thu Ngọc	08/09/2004	TMBT14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7634	A0003436			
695	Nguyễn Thị Thanh Nhân	08/09/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7635	A0003437			
696	Đỗ Băng Nhạn	08/10/2004	TMBT14C	Nam Định	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7636	A0003438			
697	Nguyễn Đình Nhất	29/02/2004	TMBT14C	Nam Định	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7637	A0003439			
698	Đào Thị Hồng Nhung	12/12/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7638	A0003440			
699	Nguyễn Thị Nhung	09/04/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7639	A0003441			
700	Kiều Kim Oanh	15/11/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7640	A0003442			
701	Dương Thị Thu Phương	09/12/2004	TMBT14C	Hà Nam	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7641	A0003443			
702	Nghiêm Thị Mai Phương	11/08/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7642	A0003444			
703	Nguyễn Thị Quý	11/01/2004	TMBT14C	Hải Dương	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7643	A0003445			
704	Nguyễn Thị Quyên	11/02/2004	TMBT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7644	A0003446			
705	Đoàn Hương Quỳnh	20/05/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7645	A0003447			
706	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	12/06/2004	TMBT14C	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7646	A0003448			
707	Tạ Thị Như Quỳnh	01/05/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7647	A0003449			
708	Vũ Thị Diễm Quỳnh	09/10/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7648	A0003450			
709	Trần Ngọc Sơn	14/04/2004	TMBT14C	Phú Thọ	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7649	A0003451			
710	Nguyễn Đức Thắng	17/12/2004	TMBT14C	Hà Nam	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7650	A0003452			
711	Đào Duy Thanh	26/11/2004	TMBT14C	Hà Nam	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Trung bình	25/7651	A0003453			
712	Nguyễn Trường Thành	28/02/2004	TMBT14C	Phú Thọ	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7652	A0003454			
713	Đỗ Thị Phương Thảo	15/06/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7653	A0003455			
714	Trần Minh Thiện	26/01/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7654	A0003456			
715	Trần Thị Thiết	18/02/2004	TMBT14C	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7655	A0003457			
716	Đoàn Thị Minh Thương	09/11/2004	TMBT14C	Thái Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7656	A0003458			
717	Trần Thị Thanh Thủy	12/08/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7657	A0003459			
718	Vũ Đức Thụy	21/06/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Giỏi	25/7658	A0003460			
719	Nguyễn Thị Thu Trang	17/05/2004	TMBT14C	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7659	A0003461			
720	Nguyễn Thị Thùy Trang	28/01/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7660	A0003462			
721	Phùng Thuỳ Trang	13/08/2002	TMBT14C	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7661	A0003463			
722	Nguyễn Thanh Tùng	16/11/2004	TMBT14C	Phú Thọ	Nam	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7662	A0003464			
723	Phùng Thị Thảo Vân	20/08/2004	TMBT14C	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Khá	25/7663	A0003465			
724	Phùng Hải Yến	19/10/2004	TMBT14C	Hà Nội	Nữ	Kinh	Thương mại điện tử	nt	2025	Xuất sắc	25/7664	A0003466			
725	Đỗ Văn An	28/11/2000	TA14A	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Trung bình	25/7665	A0003467			
726	Nguyễn Ngọc Anh	28/12/2004	TA14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7666	A0003468			
727	Đỗ Ngọc Ánh	26/03/2004	TA14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Xuất sắc	25/7667	A0003469			
728	Hà Thị Ngọc Châu	20/11/2004	TA14A	Hòa Bình	Nữ	Thái	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7668	A0003470			
729	Phạm Thị Hiền	16/05/2003	TA14A	Nam Định	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7669	A0003471			
730	Lê Trung Hiếu	23/10/2004	TA14A	Nam Định	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7670	A0003472			
731	Nguyễn Thị Hoài	30/06/2004	TA14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Xuất sắc	25/7671	A0003473			
732	Mai Thị Huệ	05/02/2004	TA14A	Hà Tây	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Giỏi	25/7672	A0003474			
733	Hà Thu Huyền	30/07/2004	TA14A	Hà Nội	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7673	A0003475			

TT	Họ và Tên	Ngày,tháng năm sinh	Lớp	Quê Quán	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Quyết định tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng	Số vào sổ cấp bằng	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng ký	Ghi Chú
734	Nguyễn Trọng Kế	12/03/2004	TA14A	Hà Nội	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Giỏi	25/7674	A0003476			
735	Nguyễn Thị Trà My	09/01/2003	TA14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Giỏi	25/7675	A0003477			
736	Lê Tuyết Nhung	08/07/2004	TA14A	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7676	A0003478			
737	Ninh Thị Oanh	11/08/2003	TA14A	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7677	A0003479			
738	Bùi Hồng Quyên	12/04/2001	TA14A	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Giỏi	25/7678	A0003480			
739	Nguyễn Tiến Thạch	16/03/2004	TA14A	Nam Định	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7679	A0003481			
740	Vũ Thị Mai Thi	30/05/2002	TA14A	Sơn La	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Giỏi	25/7680	A0003482			
741	Điền Thị Thu	15/07/2003	TA14A	Lai Châu	Nữ	Thái	Tiếng Anh	nt	2025	Giỏi	25/7681	A0003483			
742	Lê Thị Toàn	10/12/2002	TA14A	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Xuất sắc	25/7682	A0003484			
743	Khà Thị Huyền Trang	28/10/2003	TA14A	Hòa Bình	Nữ	Thái	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7683	A0003485			
744	Phạm Thị Thùy Trang	12/03/2004	TA14A	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Xuất sắc	25/7684	A0003486			
745	Nguyễn Thị Hà Vi	01/11/2004	TA14A	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7685	A0003487			
746	Giàng A Vúr	13/03/2001	TA14A	Yên Bái	Nam	Hmông	Tiếng Anh	nt	2025	Trung bình	25/7686	A0003488			
747	Nguyễn Quốc Vương	28/09/2001	TA14A	Nghệ An	Nam	Kinh	Tiếng Anh	nt	2025	Khá	25/7687	A0003489			
748	Tạ Đăng Bình	02/05/2003	KTCB13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7688	A0003490			
749	Đỗ Ngọc Hiền	26/06/2003	KTCB13B	Phú Thọ	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7689	A0003491			
750	Đỗ Việt Hùng	18/01/2003	KTCB13B	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7690	A0003492			
751	Nguyễn Văn Phúc	05/12/2002	KTCB13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7691	A0003493			
752	Nguyễn Văn Trung	13/06/2002	KTCB13B	Hải Dương	Nam	Kinh	Kỹ thuật chế biến món ăn	nt	2025	Khá	25/7692	A0003494			
753	Nguyễn Quang Minh	29/01/2003	QTDL13B	Hà Nội	Nam	Kinh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	nt	2025	Khá	25/7693	A0003495			